

MẠC NGÔN

CAO LƯƠNG ĐỎ

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

CAO LƯƠNG ĐỎ

MẠC NGÔN

CAO LƯƠNG ĐỎ

Tiểu thuyết

Lê Huy Tiêu dịch và giới thiệu.

**NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
2000**

LỜI GIỚI THIỆU

Phượng Liên, một cô gái xinh đẹp vừa tròn mười sáu tuổi. Cha mẹ cô tham giàu, đã gả cô cho một anh hủi, con một tài chủ. Trên đường ngồi kiệu hoa về nhà chồng, cô có cảm tình với một anh phu kiệu. Anh phu kiệu này nguyên là một thổ phỉ. Đêm tân hôn đã làm cô thất vọng. Nhờ có con dao nhọn giấu sẵn trong người, cô đã bảo vệ được "viên ngọc khối bị ngâu vầy".

Ba hôm sau, trên đường trở về thăm bố mẹ đẻ, cô đã bị anh phu kiệu gặp bữa trước bắt cóc ở giữa cánh đồng cao lương. Nghe tiếng gọi của con tim, cô đã trao thân cho người đó.

Năm 1939, quân Nhật xâm lược Trung Quốc gây nên bao cảnh chết chóc cho nhân dân và phá tan cuộc sống hoà bình của quê hương Đông bắc. Để trả thù cho những người đã chết, để bảo vệ quê hương, bảo vệ cuộc sống yên vui thơm nức mùi rượu cao lương, dưới sự lãnh đạo của Tư lệnh Từ Chiếm Ngao (chính là anh phu kiệu và là người tình của Phượng Liên), đội du kích đã đánh

một trận anh dũng tuyệt vời.

Câu chuyện không có gì lý kỳ, nhưng đã hấp dẫn người đọc từ đầu đến cuối. Cao lương đã kể về một câu chuyện có thật, nhưng tác giả nhập vào người kể chuyện - người cháu, kể về sự tích chiến đấu của ông bà. Thông qua sự lưu chuyển của dòng ý thức, sự biến ảo của thị giác, tác phẩm tái hiện lại một giai đoạn lịch sử hào hùng. Kết cấu truyện không theo dòng thời gian khách quan mà thường đảo ngược thời gian, không gian xáo trộn thay đổi luôn luôn nhưng vẫn rõ ràng mạch lạc hành động của nhân vật được miêu tả kết hợp với dòng tâm lý tinh tế. Giọng điệu tác phẩm chủ yếu là bi hùng, đây đó có pha giọng điệu hài hước châm biếm nhẹ nhàng. Chất lãng mạn của truyện đã tạo nên sắc thái trữ tình và hư ảo như trong cõi mộng sương mù, còn chất hiện thực nghiêm nhặt lại đưa ta về cuộc sống thường nhật xô bồ.

*Nhân vật của **Cao lương đỏ** ngang tàng, khí phách, phóng túng, yêu tự do, dám phá mọi ràng buộc của lễ giáo phong tục để đến sự giải phóng cá tính Từ Chiếm Ngao, Phương Liên là những nhân vật vừa đáng yêu vừa đáng trách, vừa thánh thiện vừa phạm tục, nhưng cuộc kháng chiến chống Nhật đã giúp họ lột xác, trở thành anh hùng đáng khâm phục.*

Ngôn ngữ tác phẩm cô đọng, đầy chất thơ:

Cao Lương đồ là tác phẩm văn học "phán tỉnh" nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua, nhìn lại mình và nhìn lại cả cha ông mình nữa .

Tác giả Mạc Ngôn là nhà văn trẻ sung sức có phong cách không trộn lẫn với bất cứ nhà văn nào.

Ông vốn tên là Quán Mạc Nghiệp, sinh năm 1956 từ một vùng quê ở huyện Cao Mật, tỉnh Sơn Đông. Năm 1976 ông nhập ngũ và bắt đầu sáng tác văn học.

Ông đã viết khoảng hai mươi bộ tiểu thuyết, hàng trăm truyện ngắn và đoạt nhiều giải thưởng văn học.

Cao Lương đồ được giải thưởng văn học Mạc Thuần 1985-1986. Tiểu thuyết này đã được đạo diễn điện ảnh tài danh Trương Nghệ Mưu đưa lên màn ảnh và được giải thưởng lớn "Con gấu vàng" ở liên hoan phim Tây Béc-lin và "Quả pha lê vàng" tại liên hoan phim Các-lô-vi Vary.

Văn học nghệ thuật Trung Quốc những năm gần đây đang thăng hoa và được thế giới biết đến.

Cao Lương đồ là một trong những viên gạch xây lên lâu đài nghệ thuật đó.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội tháng 8 năm 1998.

Lê Huy Tiêu.

1

Mồng chín tháng 8, năm 1939, bố tôi, nòi giống của một tên thổ phỉ hơn mười bốn tuổi. Ông theo đội du kích của Tư lệnh Từ Chiếm Ngao - người sau này trở thành anh hùng lừng danh thiên hạ - đi tới đường Giao Bình để phục kích đoàn xe quân Nhật. Bà tôi khoác áo kép tiễn họ ra đầu thôn. Tư lệnh Từ nói: "Đứng lại!". Bà tôi đứng lại. Bà tôi bảo bố tôi: "Đậu Quan, hãy nghe lời bố nuôi con nhé!". Bố không nói không rằng, ông nhìn tấm thân cao to của bà tôi, ngửi thấy mùi thơm nóng hôi hổi bốc ra từ chiếc áo kép bông cảm thấy lạnh ghê người, ông rùng mình, bụng cồn cào khó chịu. Tư lệnh vỗ vào đầu bố tôi nói:

- Đi, con nuôi ơi!

Đất trời mờ mịt, cảnh vật lấp loáng, bước chân rầm rập của đội quân vang rất xa. Mây mù trắng xanh che mất tầm nhìn của bố, chỉ nghe thấy tiếng chân bước mà không thấy hình bóng đội quân đâu cả.

Bố nín chặt áo Tư lệnh Từ, hai chân chạy lập cập. Bà tôi như bến bờ ngày một xa dần, mây mù như

nước biển càng gần càng thấy bát ngát, bố nắm chặt lấy Tư lệnh Từ như nắm lấy mạn thuyền.

Thế rồi bố trở thành tấm bia đá xanh không khắc ghi tên tuổi đứng sừng sững ở cánh đồng cao lương rực đỏ của quê hương. Cỏ khô trên mồ ông đã vàng úa, từng có chú bé cời truồng đất một con sơn dương trắng muốt đến đây, sơn dương thông thả gặm cỏ trên nấm mộ, chú bé đứng trên tấm bia đá, giậm dữ dãi một bãi, rồi cất cao giọng hát:

Cao lương đỏ,

Quân Nhật đến.

Đồng bào chuẩn bị xong,

Súng lớn, súng nhỏ đều bắn.

Có người nói chú bé chôn sơn dương chính là tôi, tôi không biết có phải là mình không. Tôi từng yêu quê hương Đông bắc Cao Mật đến cực điểm, đã từng căm thù quê hương Đông bắc Cao Mật đến cực điểm. Sau này lớn lên cố gắng học tập chủ nghĩa Mác, tôi mới hiểu được rằng: quê hương Đông bắc Cao Mật, không còn nghi ngờ gì nữa, là nơi đẹp đẽ nhất, xấu xa nhất; siêu thoát nhất, thế tục nhất; trong trắng nhất, nhơ bẩn nhất; anh hùng hảo hán nhất; đều giả mặt dạy nhất; giỏi uống

rượu nhất; biết yêu đương nhất, ở trên trái đất này. Những người đồng hương của bố tôi sống trên mảnh đất này rất thích ăn cao lương⁽¹⁾, hàng năm đều trồng rất nhiều. Tháng tám mùa thu, cao lương bạt ngàn đỏ như biển máu mê mông. Cao Lương huy hoàng, cao lương thê thảm, cao lương yêu thương. Gió thu hiu hắt, ánh dương chói chang, từng đoá mây trắng trôi bồng bênh trên bầu trời xanh biếc, bóng đỏ tía của những đám mây trắng rung rinh trên cao lương. Từng đoàn người mặc áo đỏ sẫm chạy đi chạy lại trong cây cao lương. Mấy chục năm như một ngày. Họ giết người cướp của, nhưng lại tận trung báo quốc. Họ diễn từng màn vũ kịch anh hùng bi tráng khiến lũ con cháu còn sống chúng tôi cảm thấy không sao theo kịp. Đồng thời với việc tiến bộ, tôi thực sự cảm thấy có sự thoái hoá về nòi giống.

Sau khi ra khỏi làng, đoàn quân đi trên đường đất nhỏ hẹp, trong tiếng chân người đi chen lẫn tiếng lao xao của cỏ cây bên đường. Mây mù dày đặc, thay đổi linh hoạt. Trên mặt bố tôi, những hạt nước lấm tấm đọng lại thành từng giọt to. Một búp tóc của bố dính bết vào da đầu. Mùi bạc hà hăng hắc bay ra từ ruộng cao lương ven đường và mùi ngòn ngọt chan chát bay ra từ vạt

(1) Một loại giống như kê, trồng ở vùng Đông bắc Trung Quốc. Có thể nấu ăn, có thể nấu rượu. (ND)

cao lương đã chín, bố tôi ngủ đã quen, không lạ gì. Lần này hành quân trong sương mù, bố ngủ thấy một mùi tanh mới lạ. Mùi vị thoang thoảng bốc ra từ đám bạc hà và cao lương gọi lên trong tận đáy lòng ông một hồi ức.

Bảy hôm sau, ngày rằm tháng Tám tết Trung thu. Một vầng trăng sáng mọc lên, cao lương khắp nơi đứng lặng lẽ, bông cao lương chìm ngập ánh trăng, như được tắm nước bạc óng ánh. Dưới ánh trăng bị xé rách bố tôi ngủ thấy mùi tanh ghê gớm hơn cả bây giờ, Tư lệnh Từ dắt tay bố tôi đi trong cánh đồng cao lương, hơn ba trăm xác đồng bào nằm ngổn ngang, người mất tay kẻ cụt chân, máu chảy thấm cả một rải cao lương rộng lớn, biến đất đen dưới gốc cao lương thành một lớp bùn nhày nhụa, khiến họ phải rụt chân không dám bước nữa. Mùi tanh đến lợm giọng, một đàn chó đến sục sạo ăn thịt người, chúng ngồi trong ruộng cao lương, mắt trừng trừng nhìn bố và Tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ rút súng lục ra, vẩy một cái, hai mắt chó biến mất, vẩy một phát nữa diệt luôn con nữa. Đàn chó rống lên, chạy tán loạn, chúng ngồi xa xa, găm ngừ thèm thuồng nhìn đông xác chết. Mùi tanh mỗi lúc một dữ dội, Tư lệnh Từ hét lên một tiếng: "Đồ chó Nhật. Đồ chó chết Nhật Bản!".

Ông chìa súng vào đàn chó bắn hết cả đạn, đàn chó chạy biệt tăm. Tư lệnh Từ bảo bố tôi:

- Đi thôi, con ơi!

Một già một trẻ, ngược phía ánh trăng, đi sâu mãi vào trong cánh đồng cao lương. Mùi tanh ấy ở khắp cả cánh đồng đã thấm sâu vào tâm hồn bố-tôi và những năm tháng khốc liệt hơn, tàn nhẫn hơn, mùi tanh ấy vẫn cứ theo ông mãi không thôi.

Cành lá cao lương kêu xào xạc trong sương mù. Trong sương mù dòng sông Mạc Thuỷ từ từ chảy qua cánh đồng trũng kêu róc rách, khi mạnh khi yếu, khi xa khi gần. Đuổi kịp đội quân, tiếng chân rầm rập và tiếng thổ phỉ vang lên ở phía trước và phía sau bố. Nòng súng của ai đó va phải súng của người khác. Không biết chân của ai đã giẫm đạp lên xác người chết. Phía trước bố, có ai ho sù sụ, tiếng ho nghe rất quen. Bố nghe tiếng anh ta ho bèn nhớ ra đôi tai to róm máu của anh ta. Đôi tai to mỏng dính đầy máu của Vương Văn Nghĩa khiến mọi người phải chú ý. Anh ta người nhỏ thò một chiếc đầu to thụt xuống giữa đôi vai nhô lên. Bố căng mắt nhìn xuyên qua sương mù dày đặc, thấy chiếc đầu của Vương Văn Nghĩa hể ho một tiếng là lắc một cái. Bố nhớ lại trong buổi tập, Vương Văn Nghĩa bị đánh, chiếc đầu anh ta lắc đi lắc lại đến thảm hại. Bấy giờ anh ta mới gia nhập đội quân của Tư lệnh Từ. Trên bãi tập, viên chỉ huy phó hô:

- Bên trái quay!

Vương Văn Nghĩa cuống quýt dậm chân, không biết quay về đâu. Viên chỉ huy phó quát một roi vào cánh tay anh. Anh ta trề môi hét lên:

- Mẹ kiếp!

Mặt anh ta - dờ khóc dờ cười. Bọn trẻ con đứng ở ngoài tường xem cười ré lên.

Tư lệnh Từ tung chân đá một cái vào dít Vương Văn Nghĩa:

- Ho cái gì?

- Thừa Tư lệnh... - Vương Văn Nghĩa cố nhịn ho nói - Cổ họng ngứa quá...

- Ngứa cũng không được ho! Lộ mục tiêu, tao sẽ lấy đầu mày!

- Thừa Tư lệnh, vâng.

Vương Văn Nghĩa trả lời, lại một trận ho bật ra.

Bố thấy Tư lệnh Từ xoạc cẳng bước tới, một tay nắm lấy gáy Vương Văn Nghĩa. Vương Văn Nghĩa gừ gừ trong miệng, không ho nữa.

Khi Tư lệnh Từ buông tay ra, bố thấy cổ Vương Văn Nghĩa có hai vết tím bầm như hai quả nho chín. Trong con mắt lo lắng, sợ hãi, quảng đen của Vương Văn Nghĩa, toát lên điều gì vừa cảm kích vừa uất ức.

Rất nhanh, đội quân đã luồn vào ruộng cao lương. Theo bản năng, bố tôi cảm thấy đoàn quân đi về phía đông nam. Đoạn đường vừa đi qua là con đường độc nhất từ làng đi thẳng ra bờ sông Mặc Thủy. Con đường chật hẹp này ban ngày trắng xanh, nó vốn đắp bằng đất đen, nhưng lâu ngày đi mãi, màu đen lún xuống dưới. Trên đường vết chân như cánh hoa của bò dê, vết chân bán nguyệt của la, lừa, ngựa chồng chất lên nhau; phân la, lừa, ngựa to bằng quả táo khô khốc, phân bò như bánh xốp có nhiều lỗ giòi đục, phân dê nhào nhoét như đậu đen nghiền nát. Bố thường đi qua con đường này, sau này, trong thời gian sống cực khổ ở lò đốt than của Nhật Bản, con đường này vẫn hiện lên trước mắt ông. Bố tôi không biết trên con đường này bà tôi đã gây ra biết bao bi hài kịch phong tình, tôi biết. Bố tôi cũng không biết trên mảnh đất đen che phủ bởi bóng dâm cao lương này, có tám thân mỡ màng, trắng trong như ngọc của bà tôi đã nằm lên đó, tôi cũng biết.

Sau khi đi vào ruộng cao lương, sương mù càng dày đặc, thêm người và đồ vật người mang theo va phải

thân cây cao lương gây lên tiếng sột soạt ai oán, từng giọt, từng giọt nước rơi xuống lộp bộp. Giọt nước lạnh mát, trong lành, mùi vị tươi thơm khi bố ngửa mặt lên, giọt nước to rơi đúng vào miệng ông. Bố nhìn thấy những bông cao lương nặng trĩu lắc lư trong sương mù mát mẻ. Lá cao lương mềm mại đọng đầy sương cửa vào áo, vào cổ, vào mặt bố. Những cơn gió nhẹ do cao lương lay động tạo nên thổi vào đỉnh đầu bố, nước sông Mạc Thủy chảy róc rách nghe mỗi lúc một rõ.

Bố đã từng bơi đùa ở sông Mạc Thủy tính thích bơi lội như là trời phú cho ông, bà nói bố thấy nước vui hơn cả thấy mẹ về. Lúc lên năm, bố ngủ như chú vịt con lặn xuống nước, lỗ đít đỏ hồng chống lên trời, hai chân giơ cao. Bố biết bùn dưới đáy sông Mạc Thủy đen bóng và mềm mịn như mỡ. Trên bãi ẩm ướt ven sông mọc đầy lau xám và cỏ mào gà, cỏ tiếp cốt lá dựng đứng. Trên bãi bùn còn in rõ vết của bò. Nổi gió thu, trời lạnh, từng đàn chim nhạn bay về nam, khi thì bay thành chữ "thập", khi thì thành hình chữ "nhân"... Cao lương chín đỏ ban đêm, từng đàn cua ta bằng móng chân ngựa bò lên bãi vào tìm mồi trong cỏ rậm. Chúng thích ăn phân bò tươi và xác các động vật đã thối rữa. Bố nghe tiếng nước sông, nhớ lại cảnh những đêm thu trước đây, bố theo ông già làm công nhà chúng tôi - Ông Lưu La Hán - đi bắt cua ở ven

sông, sắc trời ban đêm tím như nho chín, gió thu xuyên qua đường sông, bầu trời xanh sâu thẳm vô biên, sao trời sáng xanh lấp lánh. Sao Thước tử trong chùm sao Bắc đẩu quản việc tử, sao Pha cơ trong chùm sao Nam đẩu quản việc sinh, giếng Thủy tinh tám góc khuyết một viên gạch, Ngưu Lang vàng võ sắp thất cổ, Chức nữ ưu sầu sắp nhảy xuống sông... đều treo lơ lửng ở trên đầu. Ông Lưu La Hán đã làm ở nhà tôi mấy chục năm, trông nom tất cả công việc nấu rượu của nhà tôi, bố tôi theo sát chân ông La Hán như theo ông nội mình vậy.

Lòng bố đang rối bời, bỗng sáng lên một ngọn đèn dầu kính vuông, khói dầu hoá bốc lên từ lỗ nhỏ bằng sắt trên nắp đèn. Ánh sáng đèn yếu ớt chỉ chiếu sáng được một khoảng đen độ năm sáu mét vuông. Nước sông chảy đến, ánh đèn bỗng biến thành màu vàng, nở chín rất đẹp, nhưng chỉ đẹp một lúc, rồi chảy qua đi và trở lại màu đen phải chiếu ánh sao trời. Bố và ông La Hán khoác áo tới ngồi cạnh đèn, lắng nghe, tiếng chảy róc rách của nước sông - tiếng kêu rất nhẹ. Trong ruộng cao lương chạy dài vô tận theo bờ sông, không ngừng vang lên tiếng kêu hưng phấn tìm bạn của bầy sói. Đàn cua thấy ánh sáng bò đến quanh bóng đèn. Bố và ông La Hán ngồi lặng im lắng nghe tiếng nói bí mật, rì rầm của trời đất, mùi tanh của bùn sông phả lên từng đợt. Bầy

cua kết thành từng đàn từng đàn vây đến, thành một vòng tròn xáo động không yên. Bố nóng vội định chồm đến, bị ông La Hán ghì vai lại. "Chớ vội!" - Ông gì nói. "Nóng vội là hỏng việc đấy!". Bố đành nén xúc động, ngồi im. Đàn cua bò đến ánh đèn thì ngừng lại, con nọ cạp càng con kia, kín cả mặt đất. Vỏ cua ánh lên màu xanh, đôi mắt như hai đầu tăm từ trong lỗm mắt gương lên. Chiếc miệng nằm khuất bên mé mai nhỏ, ra từng đống bọt ngũ sắc. Cua nhả bọt như càng kích thích người ta, chiếc áo tôi của bố động dậy. Ông La Hán nói: "Bắt". Bố bắt dậy theo, cùng ông La Hán lao ra, mỗi người nắm lấy hai góc chiếc lưới dày mắt đã giăng sẵn dưới đất kéo lên, nhấc đám cua ra khỏi mặt đất. Bố và ông La Hán buộc chặt hai đầu lưới lại rồi nhanh nhẹn, thành thạo vác lên vai. Mẻ lưới nặng quá, không biết có tới hàng nghìn con cua!

Sau khi theo đoàn quân đi vào trong ruộng cao lương, do mãi bò ngang nghĩ về con cua bố bước không chọn chỗ trống, dẫm bừa làm cao lương đổ ràn rạt.

Tuy bố luôn luôn bám chặt lấy vạt áo Tư lệnh Từ, một phần ông tự đi, một phần Tư lệnh Từ lôi đi, ông thấy hơi buồn ngủ, cổ cứng đờ, hai mắt cứ díp lại. Bố nghĩ, cứ đi theo ông La Hán ra sông Mặc Thuỷ là không bao giờ chịu về tay không. Bố ăn chán cua, bà cũng chán. Ăn

thì không được mà vứt đi thì tiếc. Ông La Hán bèn lấy dao băm nhỏ cua ra, cho vào cối xay đậu nghiền nát, trộn muối, tra vào vại, làm mắm cua, ăn hàng tháng hàng năm, ăn không hết thối ra, thối thì bón cây thuốc phiện. Tôi nghe nói bà tôi cũng biết hút thuốc phiện nhưng không nghiện, nên mặt bà lúc nào cũng hồng hào như hoa đào, dáng vẻ lạnh lợi, hoạt bát. Hoa cây thuốc phiện ba màu hồng trắng xanh được bón bã mắm cua trông mỡ màng, to mập, thơm diếc cả mũi. Đất đen quê hương vốn là rất màu mỡ, nên sản vật phong phú, người cũng to cao. Lòng dân cao cả hào phóng, vốn là trạng thái tâm lý của quê tôi. Những con lươn trắng sống ở sông Mạc Thủy béo tròn như khúc giò, đầu đuôi đều nhọn hoắt. Chúng nó ngốc nghếch, thấy mồi là đớp liền. Ông La Hán mà bố vừa nhớ tới đã chết năm ngoái, chết ở trên đường cái Giao Bình, thân thể ông bị băm nát toi bời, quăng mỗi nơi một mảnh. Nửa người phía trên, da bị lột hết thớ thịt cứ nhảy nhảy như đùi ếch bị lột da. Hề nhớ lại thi thể của ông, sống lưng bố lạnh toát. Bố lại nhớ đến cái đêm ước chừng khoảng bảy tám năm về trước, bà tôi uống rượu say, bà tựa vào đồng lá cao lương ở ngoài sông nơi nấu rượu, bà ôm lấy vai ông La Hán, nói líu ríu: "Chú ơi... chú đừng đi nhé, không nể mặt sư, mặt phật, không nể mặt cá, mặt nước, không nể mặt tôi

thì cũng vì cháu Đậu Quan mà ở lại. Chú muốn tôi... tôi cũng cho... Chịu như bố tôi vậy...". Bố tôi nhớ rằng, ông La Hán đẩy bà tôi sang một bên, lão đảo đi vào chuồng la, lấy cỏ cho la ăn. Nhà tôi nuôi hai con la to đen, mở lò nấu rượu cao lương, giàu nhất làng. Ông La Hán không đi, ở mãi nhà tôi quản phần kỹ thuật cho mãi đến khi hai con la của nhà tôi bị người Nhật lôi đi công trường sửa đường mới thôi.

Lúc này từ trong làng xóm mà đoàn quân của bố tôi đã bỏ lại sau lưng, vang lên tiếng lừa kêu. Bố chợt tỉnh, mở to đôi mắt, nhưng chỉ thấy sương mù vừa đặc quánh vừa trong suốt. Thân cây cao lương vươn cao, xếp kỳ thành hàng như bờ dâu, đội quân xuyên qua hết hàng này đến hàng nọ, dài vô tận. Đi vào ruộng cao lương bao lâu rồi bố đã quên mất - tâm tư ông dừng lâu mãi ở dòng sông phì nhiêu đang chảy róc rách ở nơi xa, dừng lâu mãi ở hồi ức xa xưa. Không biết vội vàng, chen chúc đi sâu vào trong cánh đồng cao lương mệnh mang như biển cả là để làm gì. Bố lạc mất phương hướng. Năm kia ông từng bị lạc ở trong cánh đồng cao lương, nhưng cuối cùng cũng tìm được lối ra là nhờ có kinh nghiệm; nghe tiếng nước sông chỉ lối bây giờ, bố lại lắng nghe nước sông chảy chỉ đường, và hiểu rất nhanh là đoàn quân đang đi về phía đông nam tiến về phía dòng sông. Nhận

ra phương hướng, bố mới rõ là đi phục kích, đánh bọn Nhật, sẽ giết người như giết chó vậy. Ông biết đoàn quân đi mãi về phía đông nam, sẽ mau chóng đi đến con đường cái Giao Bình chạy suốt nam bắc, chia cánh đông trung to lớn thành hai phần, và nối hai huyện lỵ Giao và huyện lỵ Bình Độ lại với nhau. Con đường này, dân chúng đắp nên dưới làn roi và lưỡi lê của bọn Nhật và tay sai.

Mọi người mệt mỏi, va chạm vào các cây cao lương làm cành lá rung động làm rơi giọt sương đọng, thấm ướt đầu và cổ mọi người. Vương Văn Nghĩa ho mãi không dứt, tuy bị Tư lệnh quát mắng mà vẫn không kìm được. Bố cảm thấy sắp tới con đường ấy, bóng con đường chập chờn thấp thoáng trước mắt ông. Không ngờ, giữa biển sương mù dày đặc lại có một số lỗ trống, từng cành cây cao lương ướt dẫm sương đêm từ trong lỗ trống sương mù ái ngại nhìn bố tôi, bố tôi cũng chân thành ngó lại chúng. Bố bỗng hiểu ra rằng, chúng nó là những vật linh thiêng sống động. Rễ chúng cắm xuống đất đen, tiếp thụ tinh hoa của mặt trời mặt trăng, được mưa móc thấm nhuận, trên thông thiên văn, dưới thông địa lý. Nhìn qua màu sắc của cao lương, bố đoán được mặt trời đã biến đường chân trời phủ đầy cao lương thành một màu đỏ sẫm đáng thương.

Bỗng xảy ra biến cố. Lúc đầu bố nghe thấy một tiếng kêu đinh tai, tiếp theo là tiếng một vật gì bị vỡ ở phía trước.

Tư lệnh Từ quát lớn:

- Ai bắn đấy? Chú em, ai bắn đấy?

Bố nghe tiếng đạn xuyên vào sương mù, đâm vào cành lá cao lương, một bông cao lương bị gãy rớt xuống đất. Mọi người đều nín thở một lát. Viên đạn kia kêu vi vu vi vu, không biết rơi xuống nơi nào? Mùi thuốc súng toả vào trong sương. Vương Văn Nghĩa kêu thét lên:

- Tư lệnh ơi, tôi mất đầu rồi! Tư lệnh ơi, tôi mất đầu rồi!

Tư lệnh ngó ra, đá Vương Văn Nghĩa một cú, nói:

- Đồ chó đẻ! Mất đầu mà còn nói được!

Tư lệnh Từ buông tay bố tôi, đi lên phía trước Vương Văn Nghĩa vẫn đang khóc gào. Bố tôi lao lên, thấy rõ bộ mặt nhăn nhó của Vương Văn Nghĩa. Trên má anh ta có một đường xanh sẫm đang rung động. Bố thò tay sờ vào, chạm phải thứ nước nóng nóng, dính dính. Bố ngửi thấy mùi như mùi bùn ở sông Mạc Thủy,

nhưng không tanh bằng.

Nó lẫn át mùi thơm hắc của bạc hà, lẫn át vị ngọt đắng của cao lương, nó gọi lại một ký ức ngày càng gần gũi đối với bố.

Nó như sợi giây sâu chuỗi nối liền nước bùn sông Mạc Thuỷ nối liền đất đen dưới gốc cao lương, nối liền quá khứ không bao giờ mất đi với hiện tại. Không bao giờ giữ được lại với nhau. Có lúc vạn vật đều có thể phả ra mùi tanh của máu người.

- Chú ơi - bố tôi nói - chú ơi, chú bị thương.

- Đậu Quan, cháu là Đậu Quan phải không, rồi cháu xem liệu đầu chú có còn ở trên cổ không?

- Còn, chú ơi, vẫn còn nguyên, chỉ có tai chảy máu thôi.

Vương Văn Nghĩa lấy tay sờ tai, tay đầy máu, tru tréo lên:

- Tư lệnh, tôi bị thương rồi. Tôi bị thương, tôi bị thương rồi!

Tư lệnh Từ từ phía trước quay lại cúi khom người sờ nắm cổ Vương Văn Nghĩa, dần giọng nói:

- Đừng kêu, kêu nữa tao sẽ bán mày!

Vương Văn Nghĩa không dám kêu nữa.

- Bị thương ở chỗ nào? - Tư lệnh Từ hỏi.

- Ở tai... - Vương Văn Nghĩa vừa khóc vừa nói Tư lệnh Từ đang lấy từ trong lưng ra một mảnh vải trắng, xé toạc làm hai mảnh, đưa cho Vương Văn Nghĩa, nói: "Hãy băng tạm, đừng có kêu, cứ đi đi, ra ngoài đường sẽ băng lại".

Tư lệnh Từ lại gọi: "Đậu Quan!". Bố thừa, Tư lệnh Từ liền dắt tay bố đi, Vương Văn Nghĩa rên rỉ chạy theo sau.

Phát súng vừa là do một người cầm to lớn vác chiếc bừa đi trước mở đường vấp ngã súng trên lưng bị cướp cò. Ông cầm là người bạn cũ của Tư lệnh Từ, là một anh hùng của cánh đồng cao lương, một chân ông bị thọt ngay từ khi lọt lòng mẹ, đi lại lắc la lắc lư, nhưng rất nhanh. Bố hơi sợ ông ta.

Trước lúc rạng đông, khi đoàn quân của Tư lệnh Từ đặt chân lên đường cái Giao Bình thì mù sương cũng đã tan. Quê hương tháng Tám là mùa lắm sương mù, có lẽ do địa thế trũng gây nên chăng. Sau khi ra đường cái, bố bỗng cảm thấy người nhẹ nhõm lạnh lện hắt lên, bàn

chân đi thoăn thoắt, bố buông tay thôi không nắm lấy góc áo Tư lệnh Từ nữa. Vương Văn Nghĩa, vài trắng băng tai, mặt buồn rười rượi. Tư lệnh Từ vung về băng lại cho anh ta, băng che kín cả nửa mặt. Vương Văn Nghĩa đau quá, mồm méo xệch.

Tư lệnh Từ nói:

- Anh may lắm đấy!

Wương Văn Nghĩa nói:

- Máu tôi chảy hết rồi, tôi không thể đi được nữa!

Tư lệnh Từ nói:

- Đồ quý, đau bằng con muỗi cắn là cùng chứ gì, quên ba đứa con của anh rồi hả?

Wương Văn Nghĩa cúi đầu, lẩm bẩm nói:

- Không quên, không quên.

Anh ta vác khẩu súng nòng đen, báng đỏ như máu, chiếc hộp sắt đựng thuốc súng đeo bên hông.

Sương mù còn lại đã lùi về vùng ruộng cao lương. Trên đường cái rải một lớp đá nhỏ, không vết chân trâu, ngựa, càng không có dấu chân người. Hai bên đường là từng hàng cao lương rậm rạp. Đường làng vắng khiến

người ta cảm thấy lạnh lẽo, dễ sợ. Bố biết đoàn quân của Tư lệnh Từ, kể cả người điếc, người câm, người què chỉ có bốn mươi người, nhưng họ đóng lại ở trong làng làm náo động gà bay chó nhảy, tựa hồ cả làng đều là lính. Đội quân rải ra trên đường, hơn ba mươi người chụm lại thành một khối, trông như một con rắn chết cứng. Súng thì đủ loại cái ngắn cái dài súng cối, súng bắn chim đủ cả. Lão Hán Dương và anh em Phương Lục, Phương Thất vác một khẩu súng cối bắn được cả viên đạn to bằng quả cân. Ông cầm vác chiếc bừa hình chữ nhật, có hai sáu răng bằng sắt dùng để san bằng ruộng đất, ngoài ra có ba đội viên nữa vác mỗi người một chiếc bừa. Bố bấy giờ còn chưa biết đánh du kích là như thế nào, và càng không hiểu đánh phục kích mà lại mang bốn chiếc bừa răng bằng sắt đi để làm gì.

2

Để dựng bia viết gia phả cho dòng họ của tôi, tôi đã từng về tận quê hương Đông bắc Cao Mật để điều tra, trọng điểm của việc điều tra là trận chiến đấu nổi tiếng giết được viên thiếu tướng của Nhật ở bên sông Mặc Thủy mà bố tôi đã từng tham gia. Một cụ bà chín hai

tuổi trong làng nói với tôi: "Quê hương Đồng bắc, có hàng vạn người ra bẫy thê trận bên bờ sông Mặc Thủy. Tư lệnh Từ đứng trước trận, giơ tay một cái pháo nổ liền, bọn quý Nhật rụng rời tay chân, rơi xuống dòng sông nhan nhán. Đỉnh đầu phụ nữ là Đái Phượng Liên, mặt hoa da phấn, điều đến loại bừa sắt bày liên hoàn, ngăn được bọn quý tấn công...". Bà cụ đầu trọc lóc như gạo dừ, mặt nhăn nheo, bàn tay nổi đầy gân trông như giầy khoai lang. Cụ là người may mắn trong trận đại thảm sát hồi tháng Tám Trung thu năm 1939. Bấy giờ, vì chân đang có nhọt không chạy được, bị chống nhét giấu vào trong hầm khoai lang, may mắn thế nào sống sót. Đái Phượng Liên mà trong bài về bà cụ vừa kể chính là biệt hiệu của bà tôi. Nghe đến đây, tôi sung sướng vô cùng. Điều đó nói lên rằng mưu mẹo dùng những cái bừa chặn đường rút lui của xe giặc là do bà tôi nghĩ ra. Bà tôi cũng xứng đáng là anh hùng dân tộc đi đầu trong cuộc kháng Nhật!

Nhắc đến bà tôi, bà cụ trở nên nhiều lời. Bà nói lộn xộn, không có đầu có đuôi, như lá cây cuốn theo chiều gió vậy. Cụ nói tới chân của bà tôi, bàn chân bé nhất làng. Nhà tôi nấu rượu phát tài to. Nói đến con đường Giao Bình, thì câu chuyện trở nên có đầu có đuôi: "Khi con đường làm đến làng này... Cao lương đã cao tới

lưng... Bọn giặc đồn tất cả những người làm giỏi đi làm công cho người nước ngoài, đều lần công chơi hoài... Hai con la to đen của nhà các anh đều bị lôi đi... Bọn giặc dựng chiếc cầu đá trên sông Mạc Thủy... Lão La Hán làm công cho nhà anh. Lão ta với bà anh có quan hệ bất chính, mọi người đều nói thế... Ôi dà, bà anh hồi trẻ chuyện giăng gió nhiều lắm... Bố anh hay lam hay làm, mười lăm tuổi đã giết người, tạp hôn⁽¹⁾ sinh hảo hán, mười người thì chín người đều bất hảo... La Hán đi phang vào con la...bị bắt và bị lột da... Bọn giặc bức hại dân, chúng ỉa vào nồi, dái vào chậu của dân. Năm ấy, đi mức nước, mức phải một cái gì, một cái đầu lâu, có bím tóc to..."

Ông Lưu La Hán là nhân vật quan trọng trong lịch sử gia đình chúng tôi. Giữa ông và bà tôi có chuyện lòng thông hay không, bây giờ không có cách nào thẩm tra rõ ràng, thành thật mà nói, lòng tôi không muốn thừa nhận sự thực này.

Hiếu thì hiếu, nhưng lời kể của cụ bà đầu trọc như gáo dừa vẫn làm cho tôi khó chịu. Tôi nghĩ, ông La Hán đã coi bố tôi như cháu ruột mình thì ông như là cụ của tôi. Giả dụ ông có chuyện giăng gió gì với bà nội tôi thì đó chẳng phải là loạn luân ư? Thực ra đó chỉ

(1) Ý nói kết hôn không giá thú. (ND)

là chuyện nghĩ tầm bậy, bởi vì bà tôi không phải là con dâu của ông La Hán mà là bà chủ của ông kia. Ông La Hán và gia tộc chúng tôi chỉ có quan hệ về mặt kinh tế chứ không có quan hệ về huyết thống. Ông như là một người trung thực điểm tuyệt cho lịch sử gia đình chúng tôi và quả là không nghĩ ngờ gì ông đã làm vẻ vang cho lịch sử của gia đình chúng tôi. Bà tôi có yêu ông hay không, ông có lên ngủ trên giường của bà tôi hay không, đều chẳng có liên quan gì đến luân lý - Nếu yêu thì sao? Tôi tin tưởng sâu sắc rằng việc gì bà tôi cũng đều có gan làm tất cả, nếu như bà tôi muốn. Bà không những là anh hùng kháng Nhật, mà cũng là người đi đầu trong việc giải phóng cá tính, là điển hình của người phụ nữ sống tự lập.

Tôi tra sách "Huyện Trĩ"⁽¹⁾, "Huyện Trĩ" ghi rằng: Dân quân năm 27⁽²⁾ quân Nhật đã bắt phu ở Cao Mật, Bình Độ, huyện Giao tổng cộng bốn mươi vạn lượt người, đắp một con đường lớn Giao Bình. Phá hoại vô số hoa màu, lừa, ngựa ở thôn xóm hai bên đường đều bị cướp sạch. Nông dân Lưu La Hán, đang đem lừa vào dùng xẻng đánh gãy chân một số lừa, ngựa và bị bắt. Hôm sau, quân Nhật giải Lưu La Hán ra trời vào cột

(1) Sách ghi chép những chuyện xảy ra ở một huyện. (ND)

(2) Tức năm 1938. (ND)

buộc ngựa, lột da thì chúng đe dọa nhân dân. Mặt ông Lưu không hề sợ sệt, chửi luôn muôm, đến chết mới thôi.

3

Đúng là như vậy, khi con đường Giao Bình làm đến chỗ chúng tôi, cao lương khắp cánh đồng chỉ mới cao đến thắt lưng người. Cánh đồng trũng dài bảy mươi dặm, rộng sáu mươi dặm. Ngoài mấy chục thôn trong, hai con sông nằm vắt ngang, mấy chục con đường đến làng khúc khuỷu ra, còn toàn là cao lương mênh mông như sóng xanh. Ngọn núi Bạch Mã, hòn đá lớn như con ngựa mồm trắng, phía bắc đồng bằng, đứng ở đầu làng chúng tôi nhìn rõ mồn một. Nông dân làm cỏ cao lương, ngẩng đầu thấy núi Bạch Mã, cúi đầu thấy đất đen, mồ hôi giở dòng dòng xuống đất, trong lòng biết bao đau khổ! Nghe đồn người Nhật Bản sắp làm đường trên cánh đồng, mọi người trong làng đều lo lắng không yên, sốt ruột sốt gan chờ đợi tai hoạ giáng xuống.

Người Nhật nói đến là đến.

Khi giặc Nhật dẫn quân nguy đến thôn chúng tôi bắt phu, bắt lừa ngựa thì bố tôi còn đang ngủ, tiếng ồn

ào ở bên lò nấu rượu làm bố tôi tỉnh giấc. Bà tôi dắt tay bố tôi, nhón đôi bàn chân nhỏ như chiếc măng nhọn, chạy đến sân nhà nấu rượu. Bấy giờ, trong sân lò nấu rượu nhà tôi, có đến mười mấy chum lớn, đựng rượu trắng hảo hạng, mùi rượu bay khắp thôn. Có hai tên Nhật mặc áo vàng tay lăm lăm cầm súng lắp sẵn lưỡi lê đứng giữa sân. Hai người Trung Quốc mặc áo đen cũng có súng, đang định cởi trạc hai con la to đen buộc ở gốc cây thu. Ông La Hán nhiều lần lao đến tên lính ngự nhỏ bé đang cởi trạc la, nhưng lần nào cũng bị tên lính ngự to lớn dùng nòng súng cản lại. Đầu hè, ông La Hán chỉ mặc một chiếc áo mỏng, ngực trần đầy vết hằn nòng súng tím bầm.

Ông La Hán nói:

- Người anh em ơi, tôi nói câu này, nói câu này.

Tên lính ngự to lớn nói:

- Đồ súc sinh, cút đi!

Ông La Hán nói:

- Đây là của chủ nhà, không lấy được đâu!

Lính ngự nói:

- Còn la hét tao sẽ giết cái mạng mày!

Tên lính Nhật cầm súng, đứng như tượng đất.

Bà và bố tôi đi vào sân, ông La Hán liền nói:

- Chúng nó định dắt la nhà ta.

Bà nói:

- Thưa ngài, chúng tôi là dân lành.

Tên lính Nhật nhìn bà cười híp mắt.

Tên lính nguy bé nhỏ cời được trạc la ra sức kéo, la cưỡng lại, ngắc đầu không chịu đi. Tên lính nguy cao to dùng súng thúc vào đít la, con la tức giận tung vỏ móng sắt sáng loáng đá, đất bùn bắn vào mặt tên lính nguy.

Tên lính nguy cao to kéo giây súng, chĩa nòng súng vào ông La Hán quát:

- Lão già khôn kiếp, mày phải tự dắt ra công trường.

Ông La Hán ngồi xồm dưới đất, không thềm trả lời.

Một tên lính Nhật khua súng trước mặt ông La Hán, nó nói:

- Ming-li-Oa La-ia-la-li-ming.

Ông La Hán thấy lưỡi lê loang loáng ở trước mặt, ông liền ngồi bệt xuống đất. Tên giặc đưa súng về phía trước, chiếc lưỡi lê sắc nhọn khoét một miếng trắng hếu trên chiếc đầu nhân bóng của ông La Hán.

Bà iôi co rúm người lại, nói:

- Chú ơi, chú dắt cho chúng nó đi!

Một tên lính Nhật từ từ sấn lại gần bà. Bố thấy tên lính này là một chàng đẹp trai, đôi mắt đen to, sáng long lanh, khi cười, môi nhếch ra, lộ một chiếc răng vàng. Bà lão đảo lúi dẩn về phía ông La Hán. Vết thương trên đầu ông La Hán, máu chảy dòng dòng, loang ra cả đầu. Hai tên lính Nhật cười sát đến gần. Bà giờ hai bàn tay chụp lên đầu đẩy máu của ông La Hán, rồi bới ngay lên hai má, đoạn xoa tóc, há mồm, nhảy lên điên loạn. Trông bà ba phần giống người, bảy phần giống quỷ. Bọn lính Nhật kinh ngạc dừng lại. Tên lính ngụy bé nhỏ nói:

- Bẩm quan, người đàn bà này điên thật rồi.

Bọn lính Nhật càu nhàu, bắn một phát súng qua đầu bà. Bà ngồi dưới đất, khóc nức lên.

Tên lính ngụy cao to dùng súng bức ông La Hán

phải đứng lên. Ông La Hán đón lấy chiếc trạc từ tay tên lính ngự bé nhỏ. Con la ngẩng đầu, chân run run, theo ông La Hán đi ra khỏi sân. Ngoài đường la liệt là la, ngựa, trâu, dê.

Bà không điên. Bọn giặc Nhật và lính ngự vừa ra khỏi sân, bà liền mở nắp chum bằng gỗ ra, soi vào trong chum rượu phẳng bóng như một chiếc gương, thấy mặt đầy máu đến ghê người. Bố thấy nước mắt bà chảy dòng dòng trên gò má, cũng biến thành màu đỏ. Bà lấy rượu rửa mặt, làm cho chum rượu đều loang đỏ cả.

Ông La Hán và con la đều bị dẫn đến công trường. Ruộng cao lương, đã bắt đầu có dòng dòng. Con đường bên sông Mặc Thủy đã làm gần xong, xe lớn, xe nhỏ chen nhau đi trên đường, chở toàn đá và cát vàng đến bờ sông phía nam. Trên sông có một cây cầu gỗ nhỏ, người Nhật Bản định dựng một cái cầu đá lớn. Hai vạt cao lương hai bên đường đều bị xéo nát, trên mặt đất như trải một tấm thảm xanh. Trong ruộng cao lương phía bắc sông, ở hai bên đường vừa đắp vun lên bằng đất đen, có mấy chục con la, ngựa kéo trục đá lăn tạo nên khoảng đất bằng phẳng trong biển cao lương rộng bát ngát, phá mất tấm thảm xanh nối liền với công trường. La, ngựa đều có người dắt, đi đi lại lại trên ruộng cao lương. Dưới móng sắt, cao lương bị gãy nát, nằm rạp, lại bị trục đá

lăn đi lăn lại dề dể xuống. Các con lăn đều biến thành màu xanh, nhựa cây cao lương thấm ướt con lăn. Mùi thơm ngát của cao lương xanh... toả khắp công trường.

Ông La Hán bị dồn đến chuyển đá từ bờ nam sang bờ bắc. Ông thực tình không muốn trao trạc la cho cụ già mất toét. Chiếc cầu gỗ con lắc la lắc lư, tựa hồ có thể đổ bất cứ lúc nào. Ông La Hán đi qua cầu. Một người Trung Quốc, đang đứng ở bên bờ nam, chừng là đốc công, dùng chiếc roi mây màu đỏ sẫm chọc nhẹ vào đầu ông La Hán nói:

- Đi chuyển đá sang bờ bắc.

Ông La Hán dụi mắt, máu trên đầu chảy xuống làm ướt cả lòng mày. Ông La Hán vác một hòn đá vừa vừa, từ bờ nam đi sang bờ bắc. Cụ già dắt la vẫn còn chưa đi, ông La Hán nói với cụ:

- Ông chân dắt cẩn thận nhé. Hai con la này là của chủ nhà tôi đấy.

Cụ già cúi đầu không nói không rằng, dắt la nhập vào đội la ngựa đi mở đường. Mông dít con la đen lông loáng, phản chiếu từng giọt nắng vàng. Trên đầu máu vẫn chảy, ông La Hán ngồi thụp xuống, bốt nắm đất đen, dẹt vào vết thương. Con đau nặng nề ở trên đầu

nhức xuống tận mười đầu ngón chân, ông thấy đầu mình như búa làm đôi.

Những tên lính Nhật và lính nguy cần súng đứng thừa thốt cạnh công trường. Tên đốc công cầm roi mây như hồn ma lượn đi lượn lại trên công trường. Đám dân phu thấy ông La Hán đi trên công trường đầu chảy máu đập dánh họ kinh ngạc đến nỗi con người mất họ cứ đảo lên đảo xuống. Ông La Hán vừa vác đá đi được mấy bước, bỗng thấy sau lưng có ngọn gió vút qua rồi thấy dan rát ở lưng. Ông ném hòn đá xuống, nhìn tên đốc công đang cười mình. Ông La Hán nói:

- Bẩm quan lớn, có chuyện gì thì cứ nói, sao lại giờ tay đánh người?

Tên đốc công mỉm cười không đáp, lại giơ roi mây, quất vào lưng ông. Ông La Hán cảm thấy chiếc roi mây như cắt mình thành hai đoạn, nước mắt nóng cay từ trong hốc mắt trào ra. Máu bốc lên đỉnh đầu, miếng đất đập trên đầu như rung lên tựa hồ như muốn vỡ toác ra.

Ông La Hán quát:

- Bẩm quan!

Tên đốc công lại quát một roi nữa. Ông La Hán nói:

- Bấm quan, quan đánh tôi vì tội gì?

Tên đốc công rung rung chiếc roi mây trong tay, cười sằng sặc:

- Cho mày mở mắt ra, đồ chó chết.

Ông La Hán ức đến tận cổ, nước mắt nhòa đi. Từ đồng đá ông vác lên một hòn đá to, lao đảo đi về phía chiếc cầu con. Đầu ông như nổ tung trước mắt thấy toàn hoa trắng. Cạnh đá sắc nhọn đâm vào bụng vào gần cốt ông, ông cũng không biết đau nữa.

Tên đốc công cầm roi đứng nguyên chỗ cũ, ông La Hán khuôn đá, sợ sệt đi qua trước mặt hắn. Đốc công quát một roi vào cổ ông La Hán. Ông cúi về phía trước, ôm lấy hòn đá, ngã khụy xuống đất. Hòn đá đập nát tay ông, cầm va vào đá máu lại toé ra. Ông bị đánh đau quá cuống lên, khóc oà lên như một đứa trẻ. Lúc này, trong đầu óc rỗng không của ông bỗng sáng lên một ý nghĩ. Ông cố gắng lắm mới rút được tay ra khỏi hòn đá, đứng lên, khom lưng xuống, trông như một con mèo già gầy gò đang ra oai.

Một anh trung niên trạc chừng bốn mươi tuổi, tươi cười đi đến trước mặt tên đốc công, đoạn rút từ trong túi ra một bao thuốc lá, chìa ra một điếu mời kẻ mồm hăn.

Hắn há miệng bậm lấy điều thuốc, đợi người kia châm lửa cho hắn.

Anh trung niên nói:

- Xin ngài đừng bực bội với cái khúc gỗ mục này.

Đốc công nhả khói ra bằng lỗ mũi, không nói năng gì. Ông La Hán nhìn thấy những ngón tay vàng khô của hắn đang cầm roi mây luôn động đậy. Anh trung niên nhét bao thuốc vào túi tên đốc công. Hắn làm như không hay biết, hừ một tiếng, lấy tay ấn nhẹ vào túi, quay người bỏ đi.

- Bác mới đến hả? - Anh trung niên hỏi.

Ông La Hán nói:

- Phải.

Anh ta hỏi:

- Bác không có lẽ ra mất hẳn phải không?

Ông La Hán nói:

- Quân cường bạo, đồ chó đẻ, quân cường bạo, bọn chúng bắt tôi đến mà.

Anh trung niên nói:

- Biểu hấn ít tiền, biểu hấn bao thuốc là xuôi ngay. Không đánh người chằm chỉ, không đánh kẻ lười biếng, chỉ đánh ai không mở mắt thôi.

Anh trung niên đoàn hoàng đi về đội ngũ của dân phu.

Suốt cả buổi sáng, ông La Hán như người mất hồn, khuôn đá văng mạng.

Mặt trời làm cho vết thương trên đầu khô đi, vừa cứng vừa đau. Vết máu trên tay loang lổ, xương cằm bị thương, nước miếng cứ chảy hoài. Ngọn lửa tím đỏ nhen nhóm ở trong đầu ông lúc mạnh lúc yếu, chảy mãi không thôi.

Đến trưa, từ đoạn đường phía trước vừa đắp xong, xe có thể chạy được, có một chiếc xe hơi màu đất vàng lắc la lắc lư phóng đến. Ông hoảng hốt nghe tiếng còi inh tai, đám dân phu mệt nhoài ể oải đi đến chiếc xe. Ông ngồi dưới đất, không nghĩ ngợi gì, và cũng không muốn biết xe đến có việc gì. Chỉ thấy ngọn lửa đỏ nóng ran, đang chảy máu, làm cho đôi tai ông vang lên ong ong.

Anh trung niên đi đến, kéo tay ông dậy nói:

- Bác ơi, đi, đi ăn cơm, đi nắm thử cơm của bọn

Đông Dương⁽¹⁾!

Ông già đứng dậy đi theo anh trung niên.

Người ta khiêng từ trên xe xuống một thùng cơm trắng, một sọt to đựng bát sứ men hoa xanh. Cạnh thùng cơm có một người Trung Quốc gầy gò, tay cầm một cái môi bằng đồng thau; một người Trung Quốc béo phì khác đứng bên cạnh chiếc sọt, bê một chồng bát. Ai đến hán phát một cái bát đồng thời chiếc môi đồng, súc cơm vào bát. Mọi người đứng chung quanh xe ăn như hổ đói, không có đũa, nhất loạt dùng tay bốc.

Tên đốc công lại quay lại, tay cầm roi, mặt vẫn mang cái cười lạnh lùng. Ngọn lửa trong đầu ông La Hán bỗng chốc bốc lên, ngọn lửa soi rõ ký ức mà ông đã quên đi, ông nhớ lại cảnh ngộ nửa ngày trời vừa rồi như một cơn ác mộng. Bọn lính Nhật và lính ngụy ở trạm gác cũng xúm lại, vây lấy chiếc thùng có đai sắt trắng ăn cơm một con chó béc-giê tai nhọn mặt dài nằm sau chiếc thùng, thè lưỡi nhìn đám dân phu bên này.

Ông đếm được hơn một chục tên Nhật và hơn một chục lính ngụy đang ăn cơm quanh thùng, bụng

(1) Người Trung Quốc gọi người Châu Âu ở phía tây là người Tây Dương, còn người Nhật Bản ở phía đông, họ gọi là bọn Đông Dương. (ND)

bỗng nảy ra ý định chạy trốn. Chạy, chỉ cần chui vào đám ruộng cao lương, thì bọn chó Nhật bắt sao nổi?

Lòng bàn chân ông nóng ran, chảy cả mồ hôi. Kể từ khi nảy ra ý định chạy trốn, ông thấy trong dạ bồn chồn. Bộ mặt có cái cười lạnh lùng của tên đốc công phẳng phất ẩn giấu một cái gì, hể nhìn thấy bộ mặt ấy, trong đầu ông bỗng lập tức thấy rối loạn.

Bọn dân phu đều chưa no. Người Trung Quốc béo phị thu dọn bát sứt. Bọn dân phu liếm môi, mắt nhìn chăm chăm vào những hạt cơm còn dính ở trong thúng, nhưng không ai dám động dấy. Có một con la bên bờ bắc kêu giống lên. Ông La Hán nghe, nhận ra tiếng kêu của con la đen nhà mình. Trên mảnh đất vừa khai phá, la ngựa đều buộc vào các trục lăn bằng đá. Thân cao lương nằm ngổn ngang khắp cánh đồng. La ngựa uể oải nhai các công cao lương bị đập nát dưới đất.

Buổi chiều, một chàng trai chừng hơn hai mươi tuổi, đôi thấy tên đốc công không chú ý, liền lao vào ruộng cao lương, một viên đạn bắn theo anh ta. Anh ta nằm xoài xuống bên ruộng, nằm bất động.

Xế chiều, chiếc xe hơi màu đất vàng lại đến. Ông La Hán ăn hết môi cơm. Cái dạ dày quen ăn cao lương, bây giờ thấy cơm gạo mốc cứ đẩy ra. Nhưng ông gắng

gượng mà nuốt. ý nghĩ chạy trốn mỗi lúc một mãnh liệt. Ông nhớ thôn xóm cánh đồng hơn mười mấy dặm, có cái sâu sắc đầy mùi rượu của ông. Bọn Nhật đến, các anh em nấu rượu đều chạy cả, chiếc nồi nấu rượu nóng hổi hổi đều nguội lạnh. Ông càng nhớ đến bà tôi và bố tôi. Bền đóng lá cao lương khô, bà đã mang ấm áp đến cho ông, khiến ông suốt đời không sao quên được.

Ăn cơm chiều xong, bọn dân phu đều bị lừa vào một cái lán làm bằng mấy cái cột gỗ. Trên lợp bằng mảnh vải bạt. Các cột gỗ được nối với nhau bởi giây thép to bằng hạt đậu xanh. Cửa lán là mấy thanh sắt uốn cong. Bọn giặc lính ngự phân ra ở trong hai lều, cách lán chừng mấy chục bước. Con chó béc-giê buộc ở cửa lều bọn giặc Nhật. Trước cửa lán có chôn một con sào cao, trên sào treo cây đèn bão. Bọn Nhật và bọn ngự thay phiên nhau đi tuần. La và ngựa tập trung trên bãi đất hoang cạnh lán, ở đây có chôn mấy chục cái cột để buộc.

Mùi thối trong lán bốc lên, có người đang ngáy, có người đi đến thùng nước có đai sắt ở góc lán đá, nước đá rơi vào cạnh thùng kêu long tong. Ánh đèn bão mờ rọi vào trong lán. Bóng dài của bọn lính tuần tra thấp thoáng trong ánh đèn.

Đêm đã khuya, trong lán lạnh ghê người. Ông La Hán không sao ngủ được. Ông vẫn muốn chạy trốn. Tiếng chân lính gác vang lên quanh lán. Ông nằm không dám cựa quậy, rồi thiếp đi lúc nào không biết. Trong mộng, thấy trên đầu buộc lưỡi dao nhọn, tay cầm thoi sắt nóng. Tỉnh dậy, mồ hôi đầy người, áo đầm ướt hết cả quần. Từ trong thôn xóm xa vang lại tiếng gà gáy nhỏ nhỏ. La, ngựa dậm chân, mũi thò phì phò qua chỗ rách của tấm bạt, lấp lánh mấy ngôi sao.

Anh trung niên ban ngày giúp đỡ ông La Hán nhẹ nhàng ngồi dậy. Mặc dù trong đêm tối, ông vẫn nhìn thấy đôi mắt của anh như hai quả cầu lửa. Biết người trung niên này lại lịch phi phạm, ông cứ nằm yên để xem anh ta làm gì.

Anh trung niên quỳ bên cửa lán, hai cánh tay giơ lên, động tác rất chậm chạp. Ông nhìn lưng anh ta, nhìn cái đầu mang màu sắc thâm bí của anh ta. Anh ta lấy sức, nắm lấy hai cây sắt, như gương cung kéo mạnh sang một bên. Luồng ánh sáng xanh từ trong mắt anh phát ra, chạm vào vật như phát ra tiếng. Hai thanh sắt lạng lẽ tách ra. Ánh đèn và ánh sao từ ngoài cửa lán rồi soi rõ chiếc giấy há mồm của ai đó. Bọn lính gác đi tuần quay lại. Ông nhìn thấy một bóng đen chạy vút ra ngoài lán, tên lính gác kêu "Ố" một tiếng, rồi lạng lẽ đổ xuống

dưới cánh tay sắt của anh trung niên. Anh trung niên nhặt lấy súng bộ binh của tên lính Nhật, nhẹ nhàng chuồn thẳng.

Một lúc sau ông già mới rõ chuyện gì đã xảy ra. Anh trung niên nguyên là một anh hùng võ nghệ cao cường. Người anh hùng đã mở đường cho ông. Chạy thôi! Ông cẩn thận chui qua cái lỗ, bò ra. Tên giặc Nhật chết nằm ngửa, một cẳng chân còn đang giật giật.

Ông bò vào ruộng cao lương, đứng thẳng người, đi theo rãnh nước, cố gắng tránh chạm vào cây cao lương, không một tiếng động, đi tới bờ đê sông Mạc Thủy. Sao mai treo lơ lửng trên bầu trời, màn đêm trước lúc rạng đông vẫn còn tối. Ánh sao lấp lánh dưới dòng sông. Ông lo lắng đứng trên bờ đê, người rét run lẩy bẩy, hàm răng lập cập cắn vào nhau, đau từ cằm lên đến má, lên đến tai, và vết thương trên đầu đã làm mũ cũng đau nhức nhối. Không khí tự do mang mùi sữa cao lương trong mát chui vào mũi, vào lá phổi, vào dạ dày ông. Hai ngọn đèn bão như lửa của ma quỷ toả sáng trong sương mù, chiếc lán làm bằng những chiếc cọc gỗ trông như một nấm mồ to. Ông La Hán dường như không dám tin rằng, sao lại trốn được một cách dễ dàng đến như thế. Chân ông đưa ông đến cây cầu gỗ nhỏ đã mục, cá dưới nước đang quẫy, nước chảy róc rách, sao đối ngời vạch

một đường sáng dài trên bầu trời. Đường như chưa phát sinh ra chuyện gì, chưa có gì xảy ra cả. Lẽ ra, ông La Hán có thể trốn về làng ẩn náu, chữa khỏi vết thương và tiếp tục cuộc sống. Nhưng, khi đi trên cầu gỗ, bỗng nghe thấy tiếng kêu bên bờ nam có tiếng la kêu đau khổ. Để cứu con la trở về, ông La Hán đã làm nên một bi kịch tráng lệ.

La và ngựa buộc ở mấy chục cây cọc cách lần không xa, thân mình chúng đầy phân và nước tiểu. Ngựa thở phì phì, la gặm cọc gỗ; ngựa nhai thân cây cao lương, la đang đá, ỉa. Ông La Hán vội vàng lao đến bầy la, ngựa. Ông ngửi thấy cái mùi thân thiết của hai con la đen nhà mình, ông nhìn thấy bóng dáng quen thuộc của chúng. Ông lao tới, định cứu hai người bạn cùng chung hoạn nạn. Nhưng lũ la, chẳng biết gì cứ ngậy nguẩy quay đi, tung hai vó sau lên. Ông La Hán lảo lảo nói:

- La đen ơi, la đen ơi, chúng ta cùng chạy trốn đi!

Lũ la tức giận quay bên phải rồi lại quay bên trái, như bảo vệ chỗ đứng của chúng. Chúng không còn nhận được ra chủ cũ nữa.

Ông La Hán không biết rằng, mùi tanh của máu mới, máu cũ ở trên con người ông, vết thương cũ và mới

trên người ông đã biến ông thành một con người khác. Ông cuống quýt, xoạc chân lao tới, con la đá cho ông một cái vào háng. Ông bay nghiêng người ngồi dưới đất, nửa người đau điếng. Con la vẫn hếch mõng đá tiêng, móng sắt trông như vầng trăng khuyết sáng loáng. Xương háng ông già xưng to, đau ê ầm. Ông bò dậy, ngã xuống, ngã xuống lại bò dậy. Con gà trống ở trong thôn xa gáy vang lên. Bóng đen lùi dần, sao mai toả sáng, soi rõ mõng đất và mắt con la óng ánh.

- Hai con súc sinh này!

Ông La Hán, nổi đoá lên, nghiêng nghiêng ngó ngó đi tìm vũ khí. Trên chỗ đào con kênh, ông tìm được một cái xẻng sắt. Ông quên cả người và chó cách đây một trăm mét, vừa đi vừa chửi. Ông hết cả sợ, tự do tự tại. Vầng hồng ở phương đông dần dần hiện ra tỏa ánh ban mai. Trên cánh đồng cao lương trước lúc bình minh, im lặng đến độ không biết nổ tung ra bất cứ lúc nào. Ông La Hán ngược hướng ánh ban mai, đi tới phía hai con la đen. Ông cầm hai con la đen đến tận xương tủy. Ông La Hán cầm ngang cái xẻng sắt, nhằm đúng chân sau con la phang một cái thật mạnh. Con la xiên xiên đảo đảo, rồi lập tức đứng vững lại, và rống lên giận dữ, kinh ngạc. Rồi sau đó, con la bị thương hất mõng lên, một vệt máu nóng như hạt mưa hắt ướt cả mặt ông già.

Ông già lại vung lên không trung phang một cái nữa vào chân sau còn lại của con la. Con la đen thở hắt ra một tiếng, hai chân khụy xuống, đặt bịch cái mông nặng xuống đất, hai chân trước vẫn còn đứng được, cổ bị giầy thừng treo thẳng, mõm héch lên trời xanh xám, tru réo lên. Chiếc xềng bị mông la nặng đè chặt xuống, ông già cũng khụy xuống theo. Ông ráng hết sức rút xềng ra. Ông thấy lưỡi chiếc xềng như dính chặt vào xương đùi của con la. Con la thứ hai kia ngơ ngác nhìn bạn mình ngã khụy, kêu rống lên như khóc, như van xin.

Ông già dựng thẳng chiếc xềng lại dúi sâu vào người con la, con la dùng sức sức đẩy xềng ra, chiếc trục tựa hồ như đứt, cây cọc kêu răng rắc, đôi mắt to bằng nắm tay của nó ánh lên một ánh sáng màu lam xám xịt

- Mày sợ à? Đồ súc sinh! Uy phong của mày đâu? Đồ súc sinh! Mày là cái đồ vong ân bội nghĩa, ăn cháo đá bát! Mày là đồ chó lang chá, tư thông với nước ngoài.

Ông La Hán giận dữ chửi bới, nhằm cái mặt vương của con la đen mà giáng. Chẳng dè chiếc xềng cắm phập vào cọc gỗ, ông lắc lên lắc xuống, lắc phải lắc trái, mãi mới rút ra được. Con la đen vùng vẩy, chân sau, cong thành cánh cung, chiếc đuôi không lông quét

xuống đất kêu soàn soạt. Ông lại nhằm trúng mặt con la đen, đập mạnh một cái nữa, trúng ngay vào trán rộng con vật, xương đầu rắn chắc và lưỡi xẻng va vào nhau, xẻng bật ra, làm cánh tay ông tê dại. Con la đen miệng ngậm chặt không rên la, đá hất lung tung, cuối cùng không chống đỡ được nữa, âm một tiếng con vật lăn ra như một bức tường đổ. Chiếc trạc bị đứt đôi, một nửa còn dính ở cọc gỗ, một nửa quán quanh mặt con vật. Ông già đứng lặng, xuôi tay. Cán xẻng nhẵn bóng gác trên đầu la, chỉ lên trời. Đằng kia chó sủa, người huyền náo, cánh đồng cao lương phía đông đã rục lên ánh chiều dương đỏ như máu, ánh dương chiếu thẳng vào cái mồm đen xì hơi há của ông La Hán.

4

Đoàn quân đi hàng chữ nhất lên bờ đê. Mặt trời hồng vừa chui từ trong sương mù ra chiếu vào người họ. Bố tôi cũng giống như mọi người, nửa mặt hồng, nửa mặt xanh, cùng họ đi xem từng đám sương mù còn sót lại trên mặt sông Mạc Thủy. Chiếc cầu đá mười bốn nhịp bắc ngang sông Mạc Thủy nối hai bờ nam bắc lại với nhau. Chiếc cầu gỗ nhỏ ngày xưa nằm phía tây chiếc cầu đá, mặt cầu đã gãy mất gần ba nhịp, mấy cây cột

màu nâu còn lơ lửng ở dưới sông, đứng ngăn từng đợt sóng trắng xanh. Mặt sông đã tan sương, đỏ đỏ xanh xanh, trông đến sợ. Đứng trên bờ sông, ngược mắt nhìn thấy bông cao lương bên bờ nam bát ngát bằng phẳng như một hòn đá mài khổng lồ. Chúng là những hoa văn bất động. Mỗi bông cao lương là một khuôn mặt chín đỏ, tất cả cao lương hợp thành một tập thể lớn mạnh, hình thành một tư tưởng sâu sắc... Bố tôi lúc ấy còn nhỏ, chưa nghĩ được những câu nói văn hoa dễ nghe như vậy. Đó là tôi nghĩ như thế.

Cao lương và người cùng đợi cái ngày đơm hoa kết trái.

Đường cái thẳng tắp đi suốt về nam, càng xa càng hẹp, cuối cùng bị cao lương nuốt mất. Ở nơi xa nhất kia, cao lương ở đường chân trời xanh màu thép, khi mặt trời mọc, cũng hiện lên cảnh tượng thế lương, bi tráng rung động lòng người.

Bố tôi hơi hiếu kỳ, nhìn các đội viên du kích ngờ nghệch. Họ từ đâu đến? Họ đi về đâu? Vì sao lại đi đánh phục kích? Đánh phục kích xong rồi sẽ đánh cái gì? Trong yên lặng, nước sông bị cầu gẫy cản réo lên nhịp nhàng, âm thanh càng thêm réo rắt. Sương mù bị ánh dương đánh cho tơi bời rơi xuống nước. Nước sông Mặc

Thủy từ màu đỏ sẫm biến thành màu đỏ rực. Khắp mặt sông nước chảy loang loáng. Bên hồ nước có một cây thủy hạnh cô độc, lá vàng rũ xuống, những chiếc kén côn trùng khô đét bám vào kẽ lá. Lại đến mùa bắt cua rồi! Bố tôi nghĩ, gió thu thổi, tiết trời lạnh, một đàn chim nhạn bay về phương nam... Ông La Hán nói, bắt, Đậu Quan... Bắt ! Những chiếc cang xinh xắn của con cua in hoa văn lên lớp bùn mềm.

Bố nghĩ thấy mùi tanh thoang thoảng đặc biệt của đàn cua ở dưới sông. Những cây hoa thuốc phiện nhà tôi trồng trước kháng chiến được bón bằng bã cua, hoa rất to, sắc màu rực rỡ, mùi thơm diếc cả mũi.

Tư lệnh Từ nói:

- Tất cả xuống nắp dưới đê, anh cầm đặt bừa cản giặc!

Ông cầm bỏ mấy cuộn giây thép ở trên vai xuống buộc bốn cái bừa lại với nhau. Anh “be” một tiếng, gọi mấy đội viên lại, đem đặt bó bừa lên đường cái và gắn cầu đá.

Tư lệnh Từ nói:

- Hô anh em, nắp cho kín đội xe bọn Nhật lên cầu, đội người của chi đội Lãnh vây chặn đường rút lui

của giặc, nghe lệnh tôi cùng khai hoà, tống bọn súc sinh xuống nước nuôi lợn và cua.

Tư lệnh Từ dùng tay ra hiệu cho anh cầm, anh cầm gật gật đầu, dẫn một nửa số người và súng, đến ruộng cao lương phía tây mai phục. Vương Văn Nghĩa định theo anh cầm đi về phía tây, bị anh ta đẩy trở lại. Tư lệnh Từ nói:

- Anh đừng đi, anh theo tôi. Có sợ không?

Wương Văn Nghĩa gật đầu lia lịa, nói:

- Không sợ... không sợ...

Tư lệnh Từ giao cho anh em nhà họ Phương đặt cỗ súng cối trên bờ sông. Hùn ông nói với anh Lưu thối kèn đang mang một cái kèn to:

- Anh Lưu, thấy ngọn lửa anh chẳng phải làm gì cả, cứ ráng sức mà thổi kèn cho tôi, bọn giặc sợ kèn lắm, anh có biết không?

Lưu thối kèn là bạn cũ của Tư lệnh Từ, lúc bấy giờ Tư lệnh Từ là phu khiêng đòn, Lưu là thợ thổi kèn, đánh trống. Anh ta hai tay nắm cái kèn như nắm cây súng vậy.

Tư lệnh Từ nói với mọi người:

- Đã nói thì nói cho hết, đến lúc ấy ai mà tỏ ra sợ sệt thì coi chừng! Chúng ta phải đánh thế nào để cho chi đội Lãnh biết tay. Cái lũ chó chết ấy, chỉ lấy cớ hiệu ra dọa người. Lão đây không sợ đâu. Chúng muốn thay đổi lão? Lão lại muốn thay đổi chúng nó!

Mọi người vây lại trên ruộng cao lương, Phương Lục lấy tẩu ra hút thuốc, lấy đá ra đánh lửa. Lưỡi liềm đen, hòn đá lửa đỏ, trông giống như miếng gan gà đã luộc chín. Lưỡi liềm đập chan chát vào viên đá. Tàn lửa bắn ra, tàn lửa rất to. Một tàn lửa to bén vào bụi nhùi làm bằng cây cao lương, Phương Lục thổi phì phì, một luồng khói trắng bốc lên, rồi đỏ lừ. Phương Lục châm vào tẩu, rít một hơi. Tư lệnh Từ nhỏ một bãi nước bọt.

Ông quệt mũi, nói:

- Thôi đừng hút nữa, bọn giặc ngủi thấy mùi thuốc, nó còn bước lên cầu?

Phương Lục rít vội hai hơi nữa, cất tẩu, gói thuốc lại. Tư lệnh Từ nói:

- Bây giờ ra bờ đê, nằm rải ra, kéo bọn giặc đến lại trở tay không kịp.

Mọi người hơi hồi hộp, nằm trên đê, tay nắm chặt súng, như gặp địch đến nơi rồi. Bỗng nằm cạnh Tư lệnh Từ.

Tư lệnh Từ hỏi:

- Có sợ không?

Bố nói:

- Không sợ!

Tư lệnh Từ:

- Tốt lắm, đúng là nòi giống của bố nuôi! Con là lính liên lạc của bố, đánh nhau không được xa bố, có lệnh gì bố bảo con, con sẽ truyền lệnh lại cho phía tây.

Bố gật gật đầu. Ông thêm thương nhìn chăm chăm vào hai khẩu súng lục gài ở lưng Tư lệnh Từ. Một khẩu to, một khẩu nhỏ.

Khẩu to là khẩu súng côn của Đức, khẩu nhỏ là khẩu brô-ninh của Pháp. Hai khẩu này đều có lai lịch của chúng.

Miệng bố bật ra tiếng:

- Súng.

Tư lệnh Từ nói:

- Con cần súng.

Bố gật gật đầu, nói:

- Súng.

Tư lệnh Từ nói:

- Con biết, dùng không?

- Biết... - Bố nói.

Tư lệnh Từ rút từ trong lưng ra khẩu brô-ninh mân mê trong tay. Súng lục đã cũ, nước thép tôi đã hết. Tư lệnh mở quy lát, một viên đạn đầu tròn vàng óng ánh bắn ra. Ông tung viên đạn lên cao, giơ tay bắt lấy, rồi lại nhét vào súng.

- Cho con! - Tư lệnh Từ nói - Con dùng cũng như bố dùng.

Bố vỗ ngay lấy. Bố nắm chặt súng, nhớ lại tối hôm kia, Tư lệnh Từ đã dùng khẩu súng này bắn vỡ tan cốc rượu.

Lúc bấy giờ trăng lười liêm vừa mọc, như đèn càn cây khô xuống thấp. Bố ôm nậm rượu, cầm chiếc chìa khoá đồng, theo lệnh của bà đến lò rượu lấy rượu. Bố mở cửa lớn, trong sân im ắng, trong chuồng la tối om om, nơi nấu rượu toả ra mùi bã rượu chua chua! Bố mở nắp một chum, nhờ ánh sáng trăng sao bố như thấy khuôn mặt gầy gò của mình trên mặt rượu trong phẳng lặng. Bố

lông mày ngắn, môi mỏng, ông thấy mình rất xấu. Bố dìm nậm rượu vào trong chum rượu chảy ông ộc vào nậm. Khi nhấc nậm rượu ra, giọt rượu trên nậm rơi tong tong vào chum. Bố thay đổi ý định, lại đổ rượu vào chum. Bố nhớ đến cái chum rượu mà bà tôi đã rửa mặt đây máu vào đấy. Bà ở nhà tiếp rượu Tư lệnh Từ và chỉ đội trưởng Lãnh, bà và Tư lệnh Từ tửu lượng rất cao, còn chỉ đội trưởng Lãnh thì đã hơi say. Bố đi đến cái chum rượu ấy nhìn thấy trên nắp chum có đề nắp hòn đá mài. Ông đặt nậm rượu xuống, ráng sức hất hòn đá mài đi. Hòn đá lăn hai vòng trên mặt đất, va vào một cái chum rượu khác, thành chiếc chum này vỡ một miếng tương, rượu cao lương chảy ra xối xả, nhưng bố cứ mặc kệ. Bố mở nắp chum, ngửi thấy mùi máu tanh của ông La Hán. Bố nhớ lại cái đầu đầy máu của ông La Hán và mặt đây máu của bà. Mặt ông La Hán và mặt bà chồng lên nhau ở trong chum. Bố ấn nậm rượu vào trong chum, lấy đây rượu máu, hai tay bê trở về nhà.

Trên bàn bát tiên, đèn khêu to và sáng Tư lệnh Từ và chỉ đội trưởng Lãnh, bốn mắt nhìn nhau chăm chăm, mồm thở phì phò. Bà đứng giữa hai người, tay trái bà ấn súng lục tự động của chỉ đội trưởng Lãnh, tay phải ấn khẩu súng lục brô-ninh của Tư lệnh Từ.

Bố nghe thấy bà nói:

- Không chơi với nhau được nữa thì cũng để lại một chút ân tình. Đây không phải là nơi động dao, động súng, có giòi thì đi mà đánh bọn Nhật ấy.

Tư lệnh Từ giận dữ mắng:

- Chú em, chú định mang cờ hiệu của họ Vương ra, dọa không nổi lão đầu. Lão đây chính là vua trên địa bàn này, đã tung hoành ở đây mười năm rồi, còn sợ gì bọn tay chân của họ Vương nữa?

Chi đội trưởng Lân cười lạnh lùng, nói:

- Anh Chiếm Ngao ạ, em đây cũng chỉ mong làm tốt cho ông anh, tộc trưởng Vương cũng mong làm tốt cho ông anh. Chỉ cần ông anh cuốn cờ lại, sẽ cho ông anh làm tiểu đoàn trưởng. Súng và lương thực sẽ do Vương tộc trưởng phát, còn hơn là ông làm thổ phỉ.

- Ai là thổ phỉ? Ai không là thổ phỉ? Ai đánh được quân Nhật tức là đại anh hùng Trung Quốc. Lão đây năm ngoái đã bắt được ba thằng lính gác Nhật Bản, thu được ba khẩu súng. Chi đội anh không phải là thổ phỉ, nhưng giết được mấy tên giặc? Không nhớ được cái lông của chúng nó!

Chi đội trưởng Lân ngồi xuống, rút một điếu thuốc châm lửa hút.

Nhân dịp này, bố tôi bung nậm rượu ra. Bà đón lấy nậm rượu, bỗng biến sắc mặt, giận dữ nhìn bố tôi một cái. Bà rót rượu vào ba bát, bát nào cũng đầy như có ngọn.

Bà nói:

- Rượu đây có máu của chú La Hán, là những người đàn ông nên uống đi, rồi sau này cùng đi mà đánh xe giặc Nhật. Sau đây, các anh mỗi người một ngà, gà đi đằng gà, chó đi đằng chó, chẳng đụng chạm đến nhau nữa.

Bà bê bát rượu, uống cạn ừng ực. Tư lệnh Từ bê bát rượu, ngửa cổ đổ vào.

Chi đội trưởng Lân bê bát rượu uống một nửa, đặt bát xuống, nói:

- Tư lệnh Từ, đàn em tửu lượng kém, xin cáo từ!

Bà ấn lên khẩu súng tự động của chi đội trưởng Lân, hỏi:

- Đánh hay không đánh?

Tư lệnh Từ tức giận nói:

- Cô đừng nài, ông ta không đánh, lão đây đánh!

Chi đội trưởng Lãnh nói:

- Đánh.

Bà buông súng ra, chi đội trưởng Lãnh giật lấy súng lục tự động, giắt vào lưng.

Chi đội trưởng Lãnh, mắt mũi trắng trẻo, quanh mũi có mười mấy nốt rõ đen. Ở thắt lưng ông ta còn có một băng đạn lớn, giắt súng vào, thắt lưng trễ vòng xuống trông như trăng lưỡi liềm.

Bà nói:

- Chiếm Ngao, tôi giao thằng Đậu Quan cho anh đấy, hôm sau anh mang nó đi.

Tư lệnh Từ nhìn bố tôi, cười hỏi:

- Con nuôi ời, có gan không?

Bố nhìn Tư lệnh Từ một cách khinh thường, giữa đôi môi lộ ra hàm răng rắn chắc như đất vàng, không nói một câu.

Tư lệnh Từ cầm lấy cốc rượu, đặt lên đỉnh đầu bố tôi, bảo bố tôi đi ra phía cửa đứng yên. Ông cầm khẩu brô-ninh đi đến góc tường.

Bố thấy Tư lệnh Từ bước ba bước về phía góc

tường, bước rộng và khoan thai. Bà sợ xanh mặt. Trên mép chi đội trưởng Lanh nở nụ cười chế giễu.

Tư lệnh Từ đi đến góc tường, đứng nguyên, bỗng quay phắt người lại thật nhanh, bố nhìn thấy cánh tay ông giơ lên, đôi mắt như rực lửa. Họng khẩu brô-ninh nhả ra làn khói trắng. Một tiếng nổ đánh trên đầu bố, cốc rượu vỡ tan. Một mảnh sành nhỏ rơi tạt vào cổ bố, ông lắc đầu một cái, mảnh sành kia rơi tọt vào trong quần. Bố không nói gì. Mặt bà càng tái xanh tái mét. Chi đội trưởng Lanh ngồi bệt đít trên chiếc ghế băng, một lúc sau mới nói:

-Bắn cừ thế!

Tư lệnh Từ nói:

- Thằng nhỏ khá lắm!

*

* *

Bố cầm lấy khẩu brô-ninh, thấy rất nặng.

Tư lệnh Từ nói:

- Không cần dạy, con cũng biết bắn như thế nào rồi. Truyền lệnh cho anh cầm, bảo họ chuẩn bị!

Bố tôi xách súng lục, luồn qua ruộng cao lương, chạy đến trước mặt anh cầm. Anh cầm ngồi chấp bâng, đang mài thanh mã tấu bằng một hòn đá xanh nhẵn. Các đội viên khác người ngồi, kẻ nằm.

Bố tôi nói với anh cầm:

- Bảo các anh chuẩn bị ngay.

Anh cầm liếc mắt nhìn bố, vẫn tiếp tục mài dao. Mài một lúc, anh vò mấy chiếc lá cao lương chùi bột đá trên lưỡi dao, đoạn lấy một chiếc lá cỏ thử dao xem đã sắc chưa. Vừa đưa chiếc lá cỏ vào lưỡi dao, đã đứt làm đôi.

Bố lại nói:

- Bảo các anh chuẩn bị mà!

Anh cầm tra mã tấu vào vỏ, để bên cạnh. Mắt anh hiện ra một nụ cười dữ dằn anh giơ một cánh tay to mập vẫy gọi bố. "Be! Be!" - anh cầm nói.

Bố nhẹ nhàng bước tới, cách anh cầm chừng một bước thì dừng lại. Anh cầm với người ra túm được vạt áo của bố kéo mạnh, bố ngã vào lòng anh cầm. Bố lấy khẩu brô-ninh nện vào sống lưng anh cầm. Anh cầm nắm lấy mũi bố, rồi vặn một cái, nước mắt bố trào ra. Anh cầm

cười ré lên một cách tinh quái.

Những đội viên ngồi chung quanh anh cũng cười ré lên.

- Có giống Tư lệnh Từ không?

- Con của Tư lệnh Từ mà lại.

- Đâu Quan, tới muốn lấy mẹ đảng ấy...

- Đâu Quan, tớ muốn ăn hai chiếc bánh dày của mẹ đảng ấy.

Bố thẹn phát khùng lên, gương súng chĩa vào kẻ vừa nói muốn ăn bánh dày mà bắn. Súng kêu đến cách một tiếng, nhưng đạn không nổ, vẫn nằm yên trong ổ.

Anh chàng bị bắn, nét mặt hốt hoảng, vội nhảy đến giằng lấy súng của bố. Bố giận xung thiên lao đến người kia, vừa đá vừa cắn.

Anh cầm túm lấy cổ bố quăng mạnh, người bố bay ra xa, rơi xuống làm nát mấy cây cao lương. Bố lộn mấy vòng, bò dậy, ngoác mồm ra chửi và định lao tới anh cầm. Anh cầm "Be, be" hai tiếng. Bố thấy mặt anh ta tím bầm, bèn đứng lại không xông lên nữa. Anh cầm cầm lấy khẩu brô-ninh, tháo cò, bấm một viên đạn vắng ra rơi vào tay anh ta. Anh ta mân mê viên đạn, nhìn cái

lỗ nhỏ ở đầu viên đạn, nơi kim hỏa nổ vào, rồi làm hiệu với bố. Anh cầm giắt súng trả vào lưng bố, rồi vỗ vỗ vào đầu bố.

- Con gây chuyện gì bên đó? - Tư lệnh Từ hỏi .

Bố oan ức nói:

- Bọn nó... muốn ngủ với mẹ con.

Tư lệnh Từ nghiêm sắc mặt hỏi:

- Con trả lời sao?

Bố giơ tay quệt mắt, nói:

- Con bắn cho nó một phát.

- Con bắn à?

- Nhưng đạn không nổ. - Bố đưa viên đạn vàng óng ánh đầy mùi thuốc súng cho Tư lệnh Từ.

Tư lệnh Từ cầm lấy viên đạn, xem một lúc, rồi nhẹ nhàng quăng đi, viên đạn bay một đường cong rất đẹp rồi rơi tòm xuống nước.

Tư lệnh Từ nói:

- Khá lắm! Súng trước tiên dùng để đánh quân Nhật đã, đánh hết quân Nhật rồi, nếu kẻ nào còn dám

mở mắt nói muốn ngủ với mẹ con, con hãy bắn vào bụng dưới của nó. Đừng bắn vào đầu, cũng không nên bắn vào ngực, nhớ chưa, bắn vào bụng dưới.

Bố nằm phủ phục bên người Tư lệnh Từ. Bên phải Tư lệnh là anh em nhà họ Phương. Khẩu súng cối đặt trên bờ sông, nòng súng chĩa về phía cầu đá. Nòng súng nút bằng một nắm bông. Phía sau khẩu súng cối là sợi dây dẫn hoả. Bên cạnh Phương Thất, có một cái bụi nhùi bên bằng lõi cây cao lương, có một sợi đang cháy. Bên cạnh Phương Lục có đặt một quả bầu thuốc nổ, và một thùng sắt tây đựng đầy viên bi thép.

Bên trái Tư lệnh Từ là Vương Văn Nghĩa, anh ta nắm chặt khẩu súng bắn chim, nằm vo tròn lại. Máu tai đã khô cứng kết dính với băng trắng.

Mặt trời đã lên cao bằng cây sào. Phần chính giữa mặt trời sáng trắng, vành ngoài đỏ nhạt. Nước sông sáng như gương, một đàn vịt trời từ cánh đồng cao lương bay đến, lượn ba vòng, già nửa đàn sà xuống bụi cỏ bên bãi sông, số còn lại bay xuống mặt sông, trôi lênh bênh. Những con ở dưới sông, thân không động đậy, chỉ có chiếc cổ và đầu đảo đi đảo lại. Người bố rất ấm, áo quần đầm sương đã khô rồi. Nằm một hồi lâu, ngực bố đau như có hòn đá cộm ở dưới, bên ngói dầy, đầu và ngực

nhô cao khỏi mặt đê. Tư lệnh Từ quát:

- Nằm xuống - Bớ miễn cưỡng nằm xuống.

Phương Lục ngáy o...o... Tư lệnh Từ về nắm đất ném vào mặt Phương Lục. Phương Lục nửa tỉnh , nửa mê ngồi dậy, ngáp một cái rõ dài, hai giọt nước mắt chảy ra.

- Bọn giặc Nhật đến rồi hả? - Phương Lục hỏi to.

- Đ. mẹ anh! - Tư lệnh Từ nói. - Không được ngủ.

Mạn nam và bắc dòng sông im lặng không một tiếng động, con đường cái rộng nằm như chết trong ruộng cao lương. Chiếc cầu đá to bắc qua sông trông đến đẹp. Cao lương mênh mông đón ánh dương càng cao càng rực rỡ, hồng hào như mặt cô gái quá xấu hổ. Đàn vịt trời đang ở chỗ nước cạn, những chiếc mỏ bẹt đang mò cái gì, phát ra những tiếng kẹp kẹp. Bớ hướng về đàn vịt trời, mắt chăm chú nhìn lông vũ đẹp đẽ và mắt lạnh lợi của chúng. Ông nâng khẩu brô-ninh nặng nề lên, nhằm vào lưng bằng phẳng của con vịt. Xuýt nữa thì ông bóp cò, Tư lệnh Từ kịp ấn tay ông xuống, nói:

- Thằng nhỏ này, mày định làm gì đấy?

Bớ cảm thấy bốn chồn bút rút khó chịu, con đường vẫn nằm im khô chết. Cao lương càng thêm đỏ

rực.

- Thằng cha Lãnh là đồ súc sinh! Hấn cả gan lừa ta một vố! - Tư lệnh Từ giận nói.

Bên bờ nam vẫn im ắng. Chi đội của lão Lãnh không thấy một mống nào. Bố biết được tin xe bọn Nhật sẽ đi qua đường này là qua chi đội của lão Lãnh đấy chứ. Chi đội Lãnh sợ một mình không đánh nổi, mới đến hợp đồng với đội của Tư lệnh Từ.

Trải qua giờ phút căng thẳng, bố cảm thấy mệt mỏi rã rời. Ánh mắt của ông cứ bị hấp dẫn hoài bởi đàn vịt trời. Ông nhớ lại hồi cùng ông La Hán đi săn vịt trời. Ông La Hán có một khẩu súng bắn chim, báng đỏ sẫm, dây đeo bằng da bò. Khẩu súng này Vương Văn Nghĩa đang giữ.

Mắt bố rơm rớm lệ, nhưng kìm lại được chưa tràn ra khỏi hốc mắt. Như ngày nào năm ngoái. Trong ánh nắng ấm áp, bố cảm thấy có một luồng khí lạnh ghé người tràn khắp người.

*

* *

Ông La Hán và hai con la bị bọn giặc Nhật và bọn lính nguy bắt đi; bà rửa mặt đầy máu trong chum

rượu. Mặt bà hồng hào thơm mùi rượu, mắt hơi xung xung, ngực áo vải tây màu trắng ngà ướt đầm những máu và rượu. Bà đứng lặng bên chum, nhìn chăm chăm vào rượu trong chum. Mặt bà in bóng trong chum rượu. Bố nhớ rằng, bà quỳ phủ phục xuống, vái chum rượu ba vái. Rồi bà đứng dậy, dùng hai tay vục rượu đưa lên uống. Mặt bà hồng hào, nhưng chỉ tập trung ở hai gò má, còn trán và cằm đều trắng bệch nhợt nhạt.

- Quỳ xuống - Bà ra lệnh cho bố - Cúi đầu chào!

Bố quỳ xuống cúi đầu chào.

- Vục rượu uống!

Bố vục rượu uống.

Từng dòng máu nhỏ như sợi chỉ chảy xuống chìm trong chum rượu. Một đoá mây trắng in bóng trong chum rượu, bộ mặt trang nghiêm của bà và bố cũng lay động trong đó. Đôi mắt nhỏ của bà phát ra tia sáng như muốn đốt cháy người, bố không dám nhìn. Tim bố đập thình thình, lại thò tay vào vục rượu trong chum, rượu lọt qua kẽ tay rơi xuống làm vỡ bóng mây trắng trên trời xanh và bóng mặt bà, mặt bố. Bố lại uống một ngụm rượu nữa, một mùi máu tanh dính ở đầu lưỡi. Những tia máu đều chìm xuống đáy chum, chỗ lồi lên của đáy

chum tụ thành một khối cặp đục to bằng nắm tay. Bố và bà nhìn vào chum hồi lâu. Bà dùng sức kéo từ góc tường ra một cái nắp đẩy lên chum.

- Đừng có động vào đấy nhá. - Bà nói

Bố nhìn đất bùn ướt nhão và những con bọ động đây trên khe nắp gập đầu sợ hãi.

Đêm ấy, bố nằm trên chiếc giường con của mình, nghe tiếng chân bà đi đi lại lại ở trong sân. Tiếng chân lạch bạch của bà hoà với tiếng sột soạt của cao lương ngoài cánh đồng dẹt nên giấc mộng rối bời của bố. Bố nghe thấy trong mộng có tiếng hai con la đen mượt của nhà mình.

Sớm tinh mơ, bố dậy, chân đất chạy ra sân đi tiểu, thấy bà vẫn còn đứng chằm chằm nhìn bầu trời bao la. Bố gọi, bà vẫn không thưa. Ông đi tiểu xong, túm tay bà lôi vào nhà. Bà mệt mỏi theo bố quay vào trong nhà. Vừa vào đến nhà, bỗng nghe từ phía đông nam vọng đến tiếng ồn ào như sóng vỗ, tiếp liền sau là tiếng súng rất đánh như lưỡi dao sắc cắt đứt một tấm lụa.

Nơi bố nằm phục kích bây giờ, lúc trước xếp đầy những tảng đá dài và đá cục trắng tinh, từng đồng cát vàng xếp trên đê trông như những nắm mồi. Năm ngoái

dầu mùa hạ cao lương ngoài đê nặng nề lo lắng, ngán ngời. Dưới đám cao lương bị trục lăn đè dí hiện lên lờ mờ con đường cái đi thẳng về phương bắc. Lúc bấy giờ cầu đá lớn chưa xây, chiếc cầu gỗ nhỏ bị hàng nghìn vạ chân của con người và lừa ngựa dẫm đạp gây vụn nát nhừ. Những cây mạ cao lương bị dẫm nát toả ra mùi thơm hăng hắc, sương đêm ướt đầm, sáng mai mùi thơm càng sức nức. Cao lương khắp cánh đồng đều khóc thảm thiết.

Sau tiếng súng bố và bà vừa nghe thấy không lâu, thì biết bao nhiêu là người già yếu, phụ nữ trẻ em đều bị quân Nhật dồn đến đây. Bây giờ mặt trời, vừa lên khỏi ngọn cao lương, bố, bà và dân chúng đứng bên tây đường, bờ nam con sông, chân dẫm lên những thân cây cao lương. Bà và bố nhìn thấy cái lán to trông như chuồng ngựa, đám dân phu quần áo rách bươm đang đứng bên ngoài lán. Sau đó, hai tên lính ngụy lại càn đám dân phu sang phía tây con đường cùng với dân chúng, lập thành một đoàn riêng. Trước mặt bà, bố và dân phu chính là bãi nhốt lừa ngựa mà sau này rất rùng rợn. Mọi người đứng trở ra ở đấy, không biết bao nhiêu lâu, mãi sau mới thấy một tên sĩ quan Nhật vai đeo băng đỏ, lưng đeo thanh kiếm, dắt một con chó béc-giê, tay đi găng trắng, mặt mũi xanh xao từ trong lều bạt đi ra. Đi

sau hán là con chó béc-giê thè lè cái lưỡi đỏ hồng, đi sau con chó là hai tên lính ngự khiêng thi thể một lính Nhật đã được bó cứng, và sau cùng là hai tên lính Nhật áp giải ông già La Hán, người đầy máu không đi vững phải có hai tên lính ngự đi đều hai bên. Bố tôi đứng nép vào bà, bà ôm chặt lấy bố.

Viên sĩ quan Nhật dắt chó, dừng lại ở bãi đất trống gần chỗ nhốt lừa, ngựa. Hơn năm chục con chim trắng từ dưới sông Mạc Thủy vỗ cánh bay lên, bay vào khoảng trời xanh biếc trên đầu mọi người đang đứng, rồi lại rẽ về phía đông, bay về hướng mặt trời óng ánh như vàng. Bố nhìn thấy đàn gia súc, bắn thiu trên bãi, nhìn thấy hai con la đen của nhà mình đang nằm trên đất. Một con đã chết, trên đầu nó còn cắm chiếc xẻng. Cao lương rạp nát và khuôn mặt đáng yêu của con la máu đen nhuộm bẩn ghê gớm. Còn con kia ngồi dưới đất, đuôi đầy máu quét xuống đất, da bụng đầy run lên bần bật. Hai lỗ mũi phập phồng phát tiếng như thổi còi. Bố vô cùng yêu quý hai con la đen này. Bà đã từng ườn ngực, cao đều cười trên lưng con la, bố cũng trèo lên ngồi trong lòng bà, hai người cho la chạy trên cánh đồng cao lương, la chạy sóc lên sóc xuống khiến hai người đảo đi đảo lại xuýt ngã. Vó la xinh xắn làm tung bụi đường. Bố khoái chí la hét loạn xạ. Những người nô...

dân đứng thưa thớt trong ruộng cao lương tay cầm cuốc hoặc một nông cụ nào đấy, gương mặt nhìn khuôn mặt trắng trẻo xinh xắn của bà tôi, nữ chủ hiệu buôn mà tỏ ra ghen ghét căm giận.

Hai con la đen to nhà tôi, một con chết nằm còng queo trên đất, môi miệng nứt toác, hàm răng to, vuông vức trắng bong đang gặm đất. Còn con kia tuy còn đó nhưng còn khổ hơn cả chết. Bố nói với bà:

- Mẹ ơi, con la nhà ta!

Bà tôi vội bịt miệng bố tôi.

Thi thể của tên lính Nhật được đặt trước mặt tên sĩ quan Nhật đeo kính dắt chó. Hai tên lính ngụy lúi ông La Hán đẩy máu me đi đến chiếc cột buộc ngựa. Bố vẫn chưa nhận ra ông La Hán. Bố chỉ thấy đó là một quái vật hình người bị đánh đập như tử!

Đầu ông lúc vẹo sang bên trái, lúc vẹo sang bên phải, máu trên đầu vẫn rỉ rỉ chảy xuống đất như bùn bóng loáng ở ven sông, bị mặt trời làm khô nứt nẻ như chân chim. Hai chân ông khua khoắng trên mặt đất, vẽ lên đất những vật vòng vèo gầy khúc. Mọi người lặng lẽ co cụm lại bố cảm thấy bàn tay bà ấn mạnh xuống vai mình. Tất cả mọi người đều trở thành thấp bé, người thì

mặt lấm đất vàng, người thì mặt lấm bùn đen. Có một lúc tiếng chim bông im bật, nghe rõ tiếng thở phì phò của con chó, và tiếng rầm của viên sĩ quan Nhật dắt chó. Bố nhìn thấy tên lính ngụy lòi con quái vật hình người đến trước một cái cột buộc ngựa khá cao, hất thả tay, con quái vật như một đồng thịt róc hết xương đổ sụp xuống đất.

Bố thất thanh kêu:

- Ông La Hán!

Bà lại bịt lấy mồm ông.

Ở dưới cột ông La Hán từ từ động dậy, trước tiên ông chống hông lên, tạo thành hình chiếc cầu cong, rồi hai đầu gối quỳ, hai tay áp xuống mặt đất, đầu ngẩng lên. Mặt ông lão sưng mọng, đôi mắt như hai kẽ hở nhỏ, hai tia sáng xanh sẫm phát ra từ trong hai kẽ mắt ấy. Bố đứng đối diện với ông La Hán, bố tin rằng ông già nhất định là nhìn thấy mình. Khí quản trong lòng ngực bố đập phình phình, không rõ là kinh sợ hay phẫn nộ. Bố muốn gào thét to, nhưng tay bà tôi đã bịt chặt lấy miệng ông.

Viên sĩ quan Nhật tay dắt chó quát tháo mọi người. Một người Trung Quốc tóc húi cua, dịch lời viên sĩ quan Nhật cho mọi người nghe.

Bố không nghe được hết lời của tên thông ngôn. Ông bị bà bịt miệng chặt đến nổi, mắt hoa lên tai kêu ong ong.

Hai người Trung Quốc mặc áo đen lật hết quần áo ông La Hán, đoạn trói ông vào cọc gỗ. Tên sĩ quan Nhật khoát khoát tay, lại hai thằng mặc áo đen dẫn Tôn Ngũ, người trong thôn chúng tôi và cũng là một tay mỗ lợn nổi tiếng của vùng Đông bắc Cao Mật, từ trong lán gỗ đi ra, bọn chúng vừa đi vừa đẩy tên đồ tể.

Tôn Ngũ người thấp bé, mình nung núc những thịt, bụng như cái trống, đầu trọc long lóc, mặt mũi đỏ lừ. Khoảng cách giữa hai con mắt tí hí rất ngắn, mắt chìm sâu ở hai bên mũi. Tay trái hấn cầm con dao bầu, tay phải xách thùng nước lã, lăm lăm đi tới trước mặt ông già La Hán.

Viên thông ngôn nói:

- Quan lớn bảo, róc cho khéo, róc không khéo sẽ cho chó béc-giê cắn mày.

Tôn Ngũ vàng vàng dạ dạ, mí mắt chớp lia lịa. Hấn ngậm con dao vào miệng, nhấc thùng nước dội lên đầu ông La Hán. Bị dội nước lạnh, ông La Hán bỗng ngẩng đầu lên, nước máu chảy xuống mặt, xuống cổ.

chảy xuống chân bản ngâu. Một tên đốc công xách một thùng nước từ sông lên, Tôn Ngũ lấp miếng giẻ rách nhúng vào nước, lau sạch sẽ người ông La Hán. Hân lau ông già xong, ngoáy mũi đất, nói:

- Ông anh ạ...

Ông La Hán nói:

- Người anh em, hãy đảm cho ta một nhát. Ở dưới tuổi vàng ta sẽ không quên ân đức của người anh em.

Viên sĩ quan Nhật gầm gừ lên một tiếng.

Viên thông ngôn nói:

- Mau làm đi!

Tôn Ngũ biến sắc, thò ngón tay dùi đục, nắm lấy tai ông già, nói:

- Ông anh đàn em không có cách gì...

Bố nhìn thấy con dao của Tôn Ngũ thien vào tai ông già như cưa cây gỗ vậy. Ông La Hán kêu rống lên không ngớt, một dòng nước dãi vàng khè vọt ra từ giữa hai đùi ông. Chân bố run lên cập cập. Một tên lính Nhật bưng đĩa sứ trắng đi đến, đứng cạnh Tôn Ngũ. Tôn Ngũ đặt chiếc tai dày của ông La Hán vào chiếc đĩa sứ. Tôn

Ngũ lại cắt nốt tai kia rồi đặt vào đĩa. Bố thấy hai chiếc tai ở trong đĩa vẫn còn run rẩy và đập mạnh vào đĩa phát ra tiếng kêu pình pình.

Tên lính Nhật bê chiếc đĩa sứ đi chậm chậm qua trước mặt bọn dân phu và trẻ già trai gái. Bố thấy đôi tai đẹp của ông già đã tái nhợt, nhưng vẫn nháy nháy ở trong đĩa.

Tên lính Nhật bê đĩa tai đến trước mặt viên sĩ quan Nhật, tên này gật gật đầu. Rồi hắn đặt đĩa tai kia bên cạnh cái xác lính Nhật, đứng im lặng chốc lát, đoạn lại bê đến đặt dưới mồm con chó béc-giê.

Con chó béc-giê rụt lưỡi lại, chiếc mũi nhọn và đen ngửi ngửi hai cái tai. Nó bê đầu, rồi lại thè lưỡi ra, ngó xuống đất.

Tên thông ngôn nói với Tôn Ngũ:

- Này, cắt nữa đi!

Tôn Ngũ đi vòng quanh tại chỗ, miệng lẩm bẩm những gì không rõ. Bố thấy hắn mặt đầy mồ hôi, mắt chớp lia lịa như con gà mổ thóc. Chỗ cuống tai bị cắt của ông La Hán chỉ chảy mấy giọt máu. Mất tai bộ mặt ông già trở nên trần trụi kỳ dị.

Tên sĩ quan Nhật lại gào lên một tiếng.

Tên thông ngôn nói:

- Cắt mau đi!

Tôn Ngũ cúi xuống, đưa dao cắt bộ phận sinh dục của ông La Hán, đặt vào chiếc đĩa sứ tên lính Nhật đang cầm. Tên lính Nhật giờ hai cánh tay cứng cáp ra, hai mắt nhìn thẳng, như một tượng gỗ đi đến trước đám dân chúng. Bố cảm thấy ngón tay lạnh giá của bà nhún sâu vào bả vai ông. Tên lính Nhật đặt chiếc đĩa trước mặt con chó béc-giê, nó ngậm lấy rồi lại nhả ra.

Ông La Hán gào thét dữ dội, tấm thân gầy gò xương dầy dựa rất mạnh trên cột buộc ngựa.

Tôn Ngũ quăng dao đi quỳ xuống đất, gào khóc rất to.

Viên sĩ quan Nhật thả giây da ra, con chó béc-giê lao đến, hai chân trước nó chồm lên vai Tôn Ngũ, nhe hàm răng nhọn hoắt trước mặt Tôn Ngũ. Tôn Ngũ nằm lăn ra đất, hai tay ôm lấy mặt.

Viên sĩ quan Nhật huýt sáo, con chó béc-giê kéo lê dây da chạy trở lại.

Tên thông ngôn quát:

- Cát mau!

Tôn Ngũ bò dậy, cầm lấy dao, bước thấp bước cao đi đến trước mặt ông La Hán.

Ông La Hán ngoác mồm chửi lớn, tiếng chửi của ông làm cho tất cả mọi người ngẩng lên.

Tôn Ngũ nói:

- Ông anh... Ráng chịu nhé...

Ông La Hán phùng má phun máu vào mặt Tôn Ngũ.

- Cát, tiên sư mày, cắt đi.

Tôn Ngũ lại cầm lấy dao, tiếp tục lột da bắt đầu từ vết thương trên đầu ông lột xuống, tiếng dao kêu soàn soạt. Hẳn lột rất tỉ mỉ. Da đầu ông La Hán tụt xuống. Lộ ra đôi mắt tím xanh. Lộ ra từng tảng thịt...

Bố kể với tôi rằng, sau khi da mặt bị lột hết cái mồm không thành hình cái mồm của ông La Hán vẫn phát ra những tiếng ồ ồ; từng giọt máu đỏ tươi vẫn từ trên đầu giở xuống. Tôn Ngũ không còn là con người nữa, hẳn dùng dao điệu nghệ thế, lột cả tám da người mà không sót một chỗ nào. Ông già bị lột hết da biến thành một cục thịt, ruột ở trong bụng chuyển động co vào răn

ra, từng đàn nhặng xanh bay kín trời. Đàn bà con gái đều quỳ xuống đất, khóc động trời dậy đất. Đêm hôm ấy trời đổ mưa to, rửa sạch vết máu trên bãi buộc ngựa, xác và da của ông La Hán biến đâu mất. Tìm xác ông La Hán biến mất truyền đi trong xóm, một truyền mười mười truyền trăm, đời này truyền đời khác, và biến thành một câu chuyện thần thoại đẹp đẽ.

*

* *

“Nếu hăn dám trêu tức lão, thì lão lấy sọ hăn làm nổi đựng nước dãi cho mà xem”. Mặt trời càng cao càng nhỏ, toả nắng sáng trong làm khô những giọt sương trên ngọn cao lương, từng đàn vịt trời bay đi. Người của chi đội Lãnh vẫn chưa tới. Trên đường cái, thỉnh thoảng có con thỏ rừng chạy qua, ngoài ra không còn một động vật nào nữa. Về sau có thêm con cáo màu lửa đỏ lăm le lăm lét chạy qua. Tư lệnh Từ chỉ chi đội trưởng Lãnh xong, hét:

- Thôi đứng dậy! Tám phần mười là chúng ta mắc lừa thằng Lãnh mặt rồ chó chết rồi!

Các đội viên nằm phục mãi mệt lắm rồi, chỉ mong lời nói này của Tư lệnh Từ. Lệnh vừa truyền ra, tất cả mọi người đều đứng cả dậy. Người thì ngồi trên đê

đánh lửa hút thuốc, người thì đứng trên đê ra sức mà dặn dãi.

Sau khi trèo lên bờ đê, bố vẫn còn nhớ đến những chuyện năm ngoái: Chiếc áo bị lột hết da của ông La Hán vẫn không ngừng hiện ra trước mắt bố. Mọi người bỗng nhiên kéo ồ ra, làm đàn vịt trời kích động bay cả ra, rồi lại đậu xuống ven sông xa xa, chúng đi lắc lư, lông biếc lục và lông vàng nâu lấp lánh trong bụi cỏ.

Anh cầm xách mã tấu của anh ta và súng bộ binh của lão Dương đi đến trước mặt Tư lệnh Từ. Sắc mặt anh cảm khô héo, con người mất trở ra. Anh giơ tay chỉ mặt trời: mặt trời hửng lên ở phía đông nam; hạ tay chỉ con đường: đường vắng tanh; anh cầm chỉ vào bụng, kêu “be be”, rồi vung cánh tay chỉ thẳng vào hướng trong làng. Tư lệnh Từ trầm ngâm một lúc, nhìn về phía những người ở phía tây đường cái, hét:

- Tất cả đến đây!

Các đội viên vượt qua đường, tập hợp trên bờ đê. Tư lệnh Từ nói:

- Hỡi các anh em, thằng Lân mặt rỗ mà cả gan lừa ta, ta sẽ đập vỡ sọ hắn ra! Trời còn chưa sáng rõ, đợi một lát nữa, đợi đến trưa mà xe địch không đến, thì

chúng ta lao về đầm nhà họ Đàm để tính sổ với thằng Lãnh mặt rồ. Anh em hãy vào ruộng cao lương nghỉ ngơi, tôi sẽ sai Đậu Quan đi giục cơm. Đậu Quan!

Bố ghềnh mặt về hướng Tư lệnh Từ.

Tư lệnh Từ nói:

- Về bảo mẹ con làm ít bánh tráng đến trưa phải mang ra. Bảo mẹ con tự đưa đến!

Bố tôi gật đầu, xốc lại quần, giắt khẩu brô-ninh vào cạp quần, chạy như bay xuống chân đê, hướng về phía bắc con đường chạy một đoạn, rồi luồn vào trong ruộng cao lương, chạy về phía tây bắc. Bố như bơi trong biển cao lương, bắt gặp mấy xương sọ la, ngựa hình chữ nhật. Ông lấy chân đá một phát, từ trong sọ lòi ra mấy con chuột đồng đuôi ngắn lông lồm chồm, nhưng không sợ hãi mấy nhìn ông, rồi lại chui tọt vào trong sọ. Bố lại nhớ tới hai con la đen to của nhà mình, nhớ đến sau khi con đường đã đắp xong lâu rồi, mỗi lần nổi gió đông nam, ở trong làng vẫn còn ngửi thấy mùi xác chết đến ghê người. Trong sông Mặc Thủy, năm ngoái từng nổi lên mấy chục xác ngựa la trương phềnh rữa nát, chúng dạt vào chỗ nước cạn mọc đầy cỏ ở ven sông. Bụng các con ngựa con la, nặng rội làm trương phềnh, rồi bỗng nứt toác ra, ruột nổi lênh phềnh, tiết ra thứ nước màu xanh

sắm, chày vào sông Mạc Thủy.

5

Khi bà tôi vừa tròn mười sáu tuổi, cụ tôi bèn gả cho Đơn Biển Lang đứa con một của một tài chủ nổi tiếng tên là Đơn Đình Tú ở quê hương Đông bắc Cao Mật. Nhà họ Đơn chuyên nghề nấu rượu bằng nguyên liệu cao lương giá rẻ, rượu cất rất ngon, nổi tiếng khắp vùng hàng trăm dặm. Địa thế quê hương Đông bắc rất trũng, thường bị nước mưa thu tràn ngập, giống cây cao lương thân cao, chống được úng, được trồng ở khắp nơi, năm nào cũng được mùa. Sở dĩ nhà họ Đơn giàu có nhất vùng, là vì giá cao lương quá rẻ. Bà tôi lấy được Đơn Biển Lang là niềm vinh hạnh của cụ ngoại tôi. Bây giờ, có biết bao nhiêu người mơ ước được kết hôn với nhà họ Đơn, mặc dù có tin đồn Đơn Biển Lang mắc bệnh hủi. Đơn Đình Tú là một lão già nhỏ thó, khô không khốc, đằng sau gáy vắt vẻo một cái đuôi sam nhỏ cũng khô không khốc. Nhà ông ta tiền bạc đầy nương mà ăn mặc lại rách rưới, lại còn buộc một cái giây rơm ngang bụng nữa chứ! Bà tôi làm dâu nhà họ Đơn là do trời định. Hôm ấy, bà tôi đang chơi vui vẻ với các thiếu nữ tóc dài,

chân nhỏ ở bên cạnh cột đu. Hôm ấy là tiết thanh minh, đào hồng liễu xanh, mưa bụi phát phơ mặt ai nấy đều nở đẹp như hoa vì là con gái được giải phóng. Bà tôi lúc ấy cao một mét sáu mươi nặng sáu mươi ký lô, mình mặc chiếc áo vải ngoại hoa nhỏ, chiếc quần lĩnh màu xanh, cổ chân quần khăn lụa màu đỏ thắm. Do mưa bụi, bà tôi đi đôi hài hoa đã được tắm hơn chục lần bằng dầu cây đồng, bước đi kêu sột soạt. Phía sau gáy là chiếc búi tóc to đen bóng, cổ đeo một chiếc xuyên bạc khá nặng. Cụ ông tôi là thợ kim hoàn mà. Cụ bà tôi là con gái một địa chủ sa sút, cụ biết rằng chân nhỏ có ý nghĩa to lớn đối với người con gái như thế nào. Bà tôi chưa được sáu tuổi đã bắt đầu bó chân, mỗi ngày bó một chặt. Một mảnh vải dài hơn một trượng, cụ bà tôi dùng để bó chặt lấy chân bà tôi, làm cho các ngón chân không phát triển được, trông rất thảm! Mẹ tôi cũng chân nhỏ, mỗi lần nhìn thấy chân mẹ, lòng tôi đau đớn, những muốn hét lên: "Đả đảo chủ nghĩa phong kiến! Chân người được tự do muôn năm!". Bà tôi chịu hết cực khổ, cuối cùng bó thành gót sau vàng ba tấc. Mười sáu tuổi năm ấy, bà tôi đã nở nang đầy đặn, xinh đẹp khi đi hai tay vung vẩy, thân eo lắc la lắc lư như cây dương liễu bị gió thổi. Hôm ấy, Đồn Đình Tú xách một giỏ phân đi qua thôn của cụ ngoại tôi, trong nhiều loại hoa, ông ta thấy vừa ý bà tôi. Ba tháng sau,

một chiếc kiệu đã đón bà tôi đi.

Bà ngồi mãi trong kiệu hoa buồn bực, mắt hoa đầu vầng. Mảnh vải đỏ trùm đầu cho mát mắt bà tôi, vải hoa bốc ra mùi mốc rất khó chịu. Bà gơ tay vén tấm vải đỏ ra - Cụ bà tôi dạn đi dạn lại, cảm bà không được vén tấm vải đỏ trùm đầu - một chiếc kiềng bằng bạc tuột xuống cổ tay, bà nhìn thấy hình con rắn chạm ở trên chiếc kiềng, lòng dạ rối như tơ vò. Gió ấm thổi vào những cây cao lương xanh biếc mọc ở hai bên đường đất hẹp. Tiếng chim gáy kêu cúc cu từ ruộng cao lương vọng lại. Phấn hoa cao lương màu bạc toả ra mùi thơm thanh khiết. Trên tấm rèm kiệu che trước mặt bà thêu những con rồng, con phượng, mảnh vải đỏ trên rèm do cho thuê nhiều năm nên đã phai màu xỉn lại, ở giữa loang lổ một vết dầu to tướng. Cuối hạ đầu thu, ánh nắng bên ngoài kiệu chói chang, bọn phu khuân kiệu bước đi nhịp nhàng khiến cho chiếc kiệu cũng lắc lư theo, dây da bò chưa thuộc buộc kiệu kêu cọt két, rèm che kiệu nhẹ nhàng rung rinh, từng chùm tia sáng và từng làn gió mát lọt vào trong kiệu. Người bà đẩy mồ hôi, tim đập như gõ trống, lắng nghe tiếng bước chân nhịp nhàng và tiếng thở nặng nề của phu khuân kiệu, ở trong đầu bà hiện ra một cảm giác lúc thì lạnh lùng trơn nhẵn như đá sỏi, lúc thì nôn nóng cồn cào như sắt ốt.

Sau khi bà được Đơn Đình Tú đề ý không biết bao nhiêu người đã đến chúc mừng hai cụ ngoại tôi. Mặc dù bà cũng nghĩ đến những ngày sống sung sướng phong lưu nhưng mong hơn vẫn là lấy được người chồng có học, biết điều, mặt mày thanh tú. Khi ngồi trong khuê phòng thêu áo cưới, bà tôi đã thêu một bức tranh đẹp về người ông tương lai của tôi. Bà từng mong chóng đến ngày cưới, nhưng qua lời các bạn gái nói lấp lửng thì nghe đâu cậu công tử họ Đơn bị bệnh hủi, lòng bà giá lạnh. Bà nói nỗi lo ấy với bố mẹ. Cụ ông tôi lấp liếm không trả lời, cụ bà tôi mắng cho lũ bạn gái của bà tôi một trận, đại ý nói là cáo không lấy được nho ăn liền chê nho chua. Về sau cụ ông tôi lại nói công tử họ Đơn học rộng biết nhiều, trắng trẻo đẹp trai. Bà tôi hoang mang, không biết đâu là thật là giả, nhưng sau nghĩ lại trong thiên hạ không có bố mẹ nào lại nhẫn tâm với con. Có lẽ bọn bạn nói lieo. Bà lại bắt đầu mong sớm đến ngày cưới. Bà đang ở độ tuổi thanh xuân rạo rực nên cảm thấy buồn da diết và cô đơn lạnh lẽo. Bà ước ao được nằm trong lòng người đàn ông ấm áp để cho tiêu tan nỗi buồn và cô quạnh. Ngày cưới cuối cùng đã đến. Bà bị đưa lên chiếc kiệu lớn bốn người khiêng, kèn lớn kèn nhỏ thổi nghe thê thảm ở trước và sau kiệu, bà không cầm được nước mắt, để nó tự chảy xuống má. Khi kiệu được

khiêng đi, lững lờ như cười mây cười gió. thợ kèn lười biếng vừa ra khỏi làng không xa đã ngừng thổi, bước chân của phu khiêng kiệu bỗng trở nên nhanh hơn. Mùi thơm của cao lương thấm sâu vào lòng người. Chim lạ thú quý trong cánh đồng cao lương hót véo von trầm bổng khi từng tia nắng rơi vào trong kiệu, thì hình bóng người chồng của bà rõ dần lên. Lòng bà như bị kim châm, đau đến vô cùng.

Trời ơi, hãy cứu con! Lời cầu khẩn ở trong lòng bà khiến môi hồng mấp máy. Trên môi bà có một lớp lông tơ mềm mại. Bà xinh tươi rực rỡ, hồng hào nõn nà. Lời nói thâm của bà bị vách kiệu và vải rèm nặng nề hút hết sạch trơn. Bà đặt mảnh vải trùm đầu mềm mại vừa bị xé đặt lên đầu gối. Theo tục lệ xuất giá, trời rất nóng, bà vẫn phải mặc áo bông, quần bông mới. Phía trong kiệu sứt sọc dơ bẩn. Nó như chiếc quan tài, không biết đã nhốt bao nhiêu cô dâu, biến thành xác chết không hồn. Tám đoạn vàng che trên vách kiệu đầy những vết dầu ố, có năm con nhặng xanh, thì có ba con bay lượn ơng ơng trên đầu bà, còn hai con đậu trên rèm kiệu, chân đen xoa xoa đôi mắt sáng bóng. Bà buồn quá, nhẹ nhàng dùng bàn chân nhọn như cái măng chọc thủng rèm để nhìn trộm ra ngoài. Bà nhìn thấy những cặp giò của phu khiêng kiệu quá ống quần lụa rộng của họ, những bàn

chân to bè đi giày bện bằng dây. Bước chân rầm rập của họ hất tung bụi. Bà đoán thân hình họ phải lực lưỡng lắm. Không kìm được, bà di chuyển gót chân nhòai mình về phía trước. Bà nhìn thấy đòn khiêng gỗ hoè màu tím nhẵn bóng và đôi vai rộng của phu khiêng kiệu. Hai bên đường, cao lương liền một giải như một tấm phản, xô đến xô lại. Những bông cao lương màu xanh nhạt, hạt chưa mấy bông nào cũng giống bông nào. Cao lương mênh mông vô tận, trông như dòng sông đang chảy rào rạt. Đường có những chỗ rất hẹp, lá cao lương bám đầy rệp cọ vào kiệu nghe sột soạt.

Từ thân thể người phu kiệu toả ra mùi mồ hôi chua, bà hít lấy hít để mùi vị của đàn ông, trong lòng bà chắc chắn là nổi lên từng cơn sóng xuân tình. Khi kiệu đi qua hàng phố, phu kiệu đều bước chữ "bát" gọi là "đạo phố". Sở dĩ làm như vậy một mặt là cố làm vừa lòng chủ, để được thưởng nhiều tiền; mặt khác là để tỏ ra phong độ nghề nghiệp đẹp đẽ. Khi "đạo phố" bước đi không nhịp nhàng không phải là hảo hán, tay phải vịn vào đòn kiệu không phải là hảo hán. Phu kiệu lành nghề, hai tay đều chống nạnh, bước đi nhịp nhàng, nhịp kiệu lắc lư phải khớp với tiếng kèn véo von của các tay thợ thổi kèn, phải làm sao cho mọi người cảm thấy được đằng sau bất cứ một thành công nào cũng phải trải qua khổ luyện công

phu. Kiệu đi đến cánh đồng Bình Xuyên, thì các phu kiệu bắt đầu đi chệch choạc, một là để cho nhanh, hai là để trêu cô dâu. Có cô dâu, bị kiệu lắc mạnh quá nôn ọe bừa bãi làm bẩn cả áo hoa, hài thêu; phu kiệu thấy cô dâu nôn ọe lấy làm khoái trá. Những người con trai trẻ trung khoẻ mạnh này, thấy mình khiêng kiệu cho người ta hưởng sung sướng là một sự hy sinh, trong lòng nhất định là xót xa, nên họ mới trêu tức cô dâu.

Trong bốn người khiêng kiệu cho bà tôi hôm ấy, có một người đã trở thành ông tôi. Ông là Tư lệnh Từ Chiếm Ngao. Bấy giờ, ông vừa hai mươi tuổi, là người giỏi giang nhất trong đám phu nhà Đon của quê hương Đông bắc. Các chàng trai cùng lứa như ông tôi đều có tính cách rõ ràng như cao lương của người Đông bắc, vùng Cao Mật, hậu sinh hèn kém chúng tôi không bì được. Quy cách lúc bấy giờ, phu kiệu trên đường trêu ghẹo cô dâu chẳng khác gì bọn thợ nấu rượu được uống rượu nóng, cô dâu là con vua, con trời thì họ cũng cứ trêu như thường.

Lá cao lương quệt vào kiệu kêu sột soạt. Từ trong đám ruộng cao lương xa xa, bỗng vẳng lại tiếng khóc thảm thiết, làm mất đi vẻ đơn điệu dọc đường đi. Tiếng khóc và tiếng của bọn thợ kèn sao mà hoà nhịp thế. Bà liền nghĩ tiếng nhạc thể lương này nhất định là đám thợ

kèn cổ ý thổi đây. Bà lấy chân hất tấm rèm cửa nhìn thấy tấm lưng trần đẫm mồ hôi của một phu kiện, bà lại nhìn thấy rõ hơn đôi chân mình đi hài thêu hoa to màu đỏ. Đôi chân vừa nhọn vừa gầy trông rất thảm thương. Ánh sáng từ bên ngoài rọi vào chiếu lên đôi chân, trông chúng như hai cánh hoa sen, chúng lại càng giống đôi cá vàng đang lặn ở đáy nước trong vắt. Hai giọt nước mắt nhỏ long lanh như hai hạt cao lương ứa ra từ đôi mi mắt bà, lăn xuống má chảy vào mép. Lòng bà vừa buồn vừa khổ, hình bóng ông chồng được mô tả nhỏ nhẽ, phong lưu như các nhân vật trong kịch đã bị nước mắt làm mờ đi và mất hẳn. Bà sợ hãi tưởng tượng ra bộ mặt hủi ghê tởm của Biển Lang nhà họ Đon, lòng tê tái. Bà nghĩ: Lá ngọc cành vàng, mặt hoa da phấn, phong lưu dịu dàng lẽ nào lại để cho một tên hủi chiếm đoạt hưởng thụ. Nếu đúng như vậy thì thà chết còn hơn. Tiếng khóc thê thảm từ trong ruộng cao lương vọng lại nghe rõ từng câu: *"Trời xanh ơi, trời xanh - Ông trời đẹp đẽ sắc màu ơi - Người hại anh tôi chết mất rồi - Trời xanh làm hại đời em"*. Tôi không thể không nói cho bạn đọc biết rằng, những người đàn bà quê hương Đông bắc vùng Cao Mật chúng tôi khóc cũng hay như hát vậy. Năm dân quốc thứ nhất (tức 1911-ND), chuyện Trình Tiễn "Chuyên gia nghiên cứu tiếng khóc" của họ Khổng phu tử huyện

Khúc phụ từng đến đây học đấy. Ngày cưới mà gặp người vợ khóc chồng, bà cảm thấy đó là điều dữ, lòng đang trĩu nặng giờ càng trĩu nặng hơn. Lúc ấy, có một phụ kiện mở miệng nói :

- Em gái ngời kiện ơi, nói chuyện với các anh mấy câu nào! Đường xá xa xôi, buồn thấy mô!

Bà vội vàng cầm lấy mảnh vải đỏ trùm lên đầu ngón chân đang vạch rèm vải cũng nhẹ nhàng rút lại, trong kiện lại tối đen như mực.

- Hát một bài cho các anh nghe đi, các anh khiêng em mà!

Thợ thổi kèn như tỉnh mộng, thổi rộn lên ở phía sau kiện. Kèn lớn thổi:

- Toe toe - toe toe !

- Tò toe - tò toe. Đi phía trước kiện, các người bắt chước tiếng kèn. Đằng trước đằng sau kiện, vang lên tiếng cười khà ố.

Người bà đâm đĩa mô hôi. Trước khi bước lên kiện, cụ bà tôi dặn đi dặn lại bà tôi, dọc đường tuyệt nhiên không được hé miệng chuyện trò với phu kiện. Bọn họ, thợ kèn cũng như phu kiện đều là những bọn

xấu xa, quý quái, làm đủ mọi chuyện bậy bạ.

Bọn họ lắc kiệu mạnh, dít bà ngồi không yên, hai tay phải nắm lấy ván ngồi.

- Không mở miệng hả? Lắc! Lắc không ra lời thì phải lắc vãi nước dãi nó ra!

Chiếc kiệu bây giờ như con thuyền nhỏ giữa sóng gió, bà gắng hết sức nắm lấy ván ngồi, hai quả trứng ăn buổi sáng đang lộn lên ở trong bụng, đàn nhặng bay vo vo bên tai, cổ họng bà rất khó chịu, mùi tanh của trứng đưa lên miệng, bà mím chặt môi. Không được nôn, không được nôn! Bà tự ra lệnh cho mình, không được nôn. Người ta nói nôn ra kiệu là điều dữ nhất, nôn ra kiệu, thế hết đời sẽ bất hạnh...

Lời nói của bọn phu kiệu mỗi lúc một khá ố. Bọn họ, kẻ thì rửa cụ ông tôi là tiểu nhân, thấy tiền thì sáng mắt ra, kẻ thì nói chẳng khác gì hoa thơm cắm vào bãi cứt trâu, kẻ thì nói Đồn Biển Lang là thằng hủi chảy mủ vàng. Họ nói, đứng ở ngoài sân cũng có thể ngửi thấy mùi thối của thịt rữa, trong sân nhà họ Đồn, nhặng xanh bay thành đàn...

- Cô em ơi, chớ để cho thằng Đồn Biển Lang nó mó vào người, nó mà mó vào, người em cũng thối rữa ra

đấy!

Kèn lớn, kèn nhỏ thổi lúc to lúc nhỏ. Mùi trứng tanh càng bốc lên dữ dội, bà nghiêng răng múm môi, cổ họng như có nắm đấm, đang nện, bà không nhìn được nữa, vừa há mồm, bên nôn thốc nôn tháo ra rèm kiệu, năm con nhặng xanh hay nhanh như viên đạn lao đến bãi nước vừa nôn.

- Nôn rồi nôn rồi, lắc mạnh vào! - Bọn phu kiệu hò hét. - Lắc nữa, sớm muộn thế nào rồi cũng phải mở miệng thôi.

- Các anh ơi... tha cho em. - Bà tôi vừa ọc vừa nói một cách khó nhọc, nói xong, bà khóc oà lên. Bà cảm thấy mình bị oan ức, bà thấy tiền đồ đen tối, suốt đời không thoát được bể khổ. - Ôi bố, ôi mẹ, bố tham tiền, mẹ nhẫn tâm, bố mẹ huỷ diệt đời con.

Bà khóc rống lên, con đường nhỏ trong cao lương rung động. Bọn phu thôi không lắc kiệu nữa, bọn thợ kèn theo đám ăn tàn cũng thôi không thổi nữa. Chỉ còn lại có tiếng nấc của bà, rồi tiếng sáo bi thảm nức nở theo tiếng khóc còn hay hơn cả tiếng khóc của người con gái. Bà thôi khóc để lắng nghe tiếng sáo, như nghe âm nhạc từ thiên quốc vọng tới. Mặt bà son phấn phôi pha, nước mắt lã chã, trong tiếng nhạc bi ái, bà nghe thấy tiếng của sự

chết nghĩ thấy mùi của sự chết, nhìn thấy môi đỏ thẫm như cao lương của thân chết và nụ cười vàng như ngô của thân chết.

Phu kiệu lặng im không nói, bước chân nặng nề. Tiếng nấc nghẹn của người bất hạnh trong kiệu, và tiếng sáo phía sau kiệu làm cho họ lòng dạ rối bời, bồn chồn lo ngại. Đi trên con đường nhỏ trong ruộng cao lương này, không còn giống đoàn đi rước dâu nữa, mà giống như cuộc đưa đám. Người phu kiệu ở phía trước chân bà - tức là Từ Chiếm Ngao, ông tôi sau này ông có một dự cảm không bình thường nó như một ngọn lửa rực cháy chiếu sáng con đường tương lai của ông. Tiếng khóc của bà tôi, đã gọi lên tình thương sớm tiềm ẩn trong lòng ông.

Giữa đường phu kiệu dừng lại nghỉ, kiệu hoa chạm đất. Bà tôi khóc ngất đi, vô tình để lòi một chiếc chân nhỏ ra ngoài kiệu. Phu kiệu nhìn thấy cái chân nhỏ xinh xắn mịn màng, bất chợt hồn siêu vách lạc. Từ Chiếm Ngao đi tới, cúi xuống, khẽ khàng, nhẹ nhàng, nắm lấy bàn chân như cầm con chim nhỏ chưa đủ lông cánh, nhẹ nhàng đẩy vào trong kiệu. Ngồi ở trong kiệu, bà xúc động về cử chỉ dịu dàng ấy, bà rất muốn vén màu che, nhìn xem người thanh niên dịu dàng kia là người như thế nào.

Tôi nghĩ, nhân duyên xa ngàn dặm một sợi chỉ se lại là xong, tình duyên của con người là trời đất tác thành nên. Đây là chân lý không thể nào tự chọn được. Do nắm lấy bàn chân bà tôi, lòng Từ Chiêm Ngao trở dậy một linh cảm vĩ đại về một cuộc sống mới sáng tạo. Từ đó, cuộc sống của ông thay đổi hoàn toàn, và cũng hoàn toàn thay đổi cuộc sống của bà tôi.

Chiếc kiệu lại lên đường, tiếng kèn rít lên như tiếng vượn hú, rồi tắt ngấm. Gió nổi, gió đông bắc, trên trời đường đám mây vẩn vù che kín ánh mặt trời, trong kiệu càng trở nên u ám. Bà nghe thấy tiếng gió thổi, cao lương kêu xào xạc đủ đợt. Sóng cao lương rập rập, vang mãi ra xa. Bà nghe thấy tiếng sấm vang lên từ hướng đông bắc. Bọn phu kiệu đồn chân chạy kiệu còn cách nhà họ Đơn bao xa, bà không biết bà bây giờ như con dê bị trói, càng gần đến chỗ chết, lòng càng bình tĩnh. Từ trong ngực, bà rút ra một con dao sắc, có thể là chuẩn bị cho Đơn Biển Lang và cũng có thể là chuẩn bị cho mình.

Chuyện kiệu hoa bà tôi bị cướp ở đầm Con Cóc nó chiếm một vị trí đáng kể trong truyền thuyết của họ hàng nhà tôi. Đầm Con Cóc là cái đầm nhỏ trong cái đầm lớn, đất rất màu mỡ, nước đầy đủ, cao lương mọc tốt tươi. Kiệu hoa bà tôi đi đến đây, ánh chớp đỏ như máu xé ngang bầu trời đông bắc, một tia sáng vàng màu

mơ chui từ trong đám mây đen vệt ra chiếu xuống đường. Bọn phu thờ phì phò, nóng quá mồ hôi nhễ nhại. Đi đến đám Con Cóc, không khí nặng nề, cao lương bên đường đen hầu ánh, không nhìn thấy gốc, cỏ hoa đại trên đường như mọc nghẽn cả lối đi. Rất nhiều cúc thử xa, cọng nhỏ và dài vươn lên trong đám cỏ, nở ra những bông hoa màu tía, lam, hồng, trắng bốn màu. Trong đám ruộng cao lương ở xa, tiếng cóc kêu ran lên, tiếng con cànch cànch kêu thê lương, tiếng cáo kêu kéo dài. Ngồi trong kiệu, bà bỗng cảm thấy lạnh người, da dễ nổi gai ốc. Bà còn chưa rõ chuyện gì thì nghe thấy phía trước kiệu có tiếng người quát to:

- Mau nộp tiền mãi lộ!

Tim bà giật thót một cái, không biết là buồn hay vui, trời ơi. gặp phải "cướp nhét bánh" rồi!

Quê đông bắc vùng Cao Mật, thổ phỉ đông như rươi, bọn chúng đi lại bất thường như con cá trong ruộng cao lương, kết bè kéo đảng, bắt lừa cướp của, làm tất cả mọi chuyện từ dở đến hay. nếu cứ đói bụng là bắt hai người, giữ một người, thả một người. Bắt người được thả về thôn báo tin, bắt phải mang đến những chiếc bánh trắng to tròn trứng gà và hành. Bọn chúng ăn bánh, dùng cả hai tay ấn vào mồm, từ đó có tên là bọn cướp nhét

bánh.

- Mau nộp tiền mãi lộ!

Tên cướp nhét bánh kia quất thật to. Bọn phu dừng lại, lặng lẽ nhìn tên cướp đứng gù rạng chân ra. Tên cướp, người không cao lắm, mặt bôi đầy mực đen, đầu đội chiếc nón bện bằng cộng cao lương, mình khoác chiếc áo tơi. Áo tơi phanh ra, lộ ra chiếc áo thâm nhiều cúc và chiếc thắt lưng rộng bản cuốn ngang lưng. Trong thắt lưng cộm lên một vật bọc bằng lụa đỏ. Tên cướp đứng dề lên bọc đó.

Trong phút chốc, bà thấy chẳng có gì đáng sợ cả, chết không sợ, còn sợ cái gì? Bà vén màn kiệu lên, nhìn tên cướp.

Tên cướp lại hét:

- Mau nộp tiền mãi lộ! Không thì ông nện cho chúng mày một trận bây giờ!

Hắn vỗ vỗ vào cái bọc lụa đỏ.

Thợ kèn móc từ trong lưng ra những chuỗi tiền đồng mà cụ ngoại đã cho họ, rồi ném ra trước mặt tên cướp. Phu kiệu hạ kiệu xuống, cũng móc những đồng tiền đồng máu xuống.

Tên cướp dùng chân vun gọn tiền lại thành đồng, mắt cứ nhìn chăm chăm vào bà tôi trong kiệu.

- Các người mau cút ra phía sau kiệu, nếu không tao bắn. - Hắn dùng tay vỗ vỗ vào cái vật cộm cộm ở ngang lưng, quát.

Bọn phu chậm chạp đi về phía sau kiệu. Từ Chiêm Ngao đi sau cùng, bỗng ông quay lại, hai mắt nhìn trừng trừng tên cướp. Phút chốc tên cướp biến sắc mặt, tay giữ chặt lấy chiếc bọc vải đỏ bên lưng, thét lên:

- Không được quay đầu lại! Quay lần nữa tao sẽ bắn!

Tên cướp tay vẫn đề lấy vật ở thắt lưng, chân bước vội đến trước kiệu, thò tay nắn nắn chân của bà. Bỗng bà tôi cười lên, tay tên kia như chạm phải lửa, rụt ngay lại.

- Xuống kiệu, đi theo ta! - Hắn nói.

Bà ngồi ngay ngắn bất động, nụ cười vẫn in trên khuôn mặt.

- Xuống kiệu!

Bà cúi người, nhảy ra khỏi kiệu, đứng giữa hoa cúc thả xa mọc đầy đường. Mắt phải bà nhìn tên cướp,

mắt trái nhìn đám phu và thợ kèn.

- Đi vào trong ruộng cao lương! - Tên cướp vừa sờ vào cái bọc lụa đỏ ở lưng vừa nói.

Bà đứng thán nhiên trên đất, ánh chớp trong mây loé sáng cùng tiếng sấm ùng ùng, nụ cười sáng khải trên mặt bà bị xé ra thành nhiều mảnh khi đứt khi nối.

Tên cướp giục bà đi vào đám ruộng cao lương, tay hấn vắn đề lên vật kia ở thắt lưng. Bà nhìn Từ Chiếm Ngao bằng cặp mắt khảng khái, khích lệ.

Từ Chiếm Ngao đi thẳng về phía tên cướp, đôi môi mỏng của ông mím chặt thành một đường thẳng cương nghị, hai mép, cái thì vểnh lên, cái thì sệ xuống.

- Đứng lại! - Tên cướp hoảng hốt quát. - Đi bước nữa tao bắn! - Tay hấn đề lên cái vật bọc lụa đỏ ở thắt lưng.

Từ Chiếm Ngao bình tĩnh tiến về phía tên cướp, ông tiến một bước, tên kia lùi một bước. Mắt tên cướp bỗng hoa lên, từng dòng mồ hôi sáng trong trắng bệch từ trên bộ mặt kinh hoàng chảy xuống. Khi Từ Chiếm Ngao còn cách hấn ba bước, hấn xáu hổ kêu lên một tiếng quay người chạy. Từ Chiếm Ngao bay người, nhắm trúng mông hấn, đá một cú rất nhanh. Người tên cướp nằm bẹp

dí trên ngọn cỏ, lướt đi trên hoa cúc thả xa, lặn mấy vòng, chân tay lão đảo trên không như đĩa bé thơ dại, cuối cùng rơi tõm xuống ruộng cao lương.

- Xin các vị, tha tội chết cho! Nhà tiểu nhân còn có mẹ già tám mươi tuổi, bắt đắc dĩ mới phải làm cái nghề này. Tên cướp nằm dưới tay Từ Chiếm Ngao kêu gào khẩn thiết.

Từ Chiếm Ngao túm lấy gáy hắn, lôi lại trước kiệu, quăng mạnh một cái xuống đường, đoạn nhăm cái miệng đang van xin không ngớt đá một cú. Tên cướp bèn thét lên, một nửa nhổ đi, một nửa nuốt vào trong bụng, máu mũi chảy ra.

Từ Chiếm Ngao cúi xuống lục tìm cái vật ở trong lưng tên cướp, vứt mảnh vải đỏ đi, lôi ra một mẫu gỗ cong cong, mọi người đều bàn tán xì xào mãi không thôi.

Tên kia quỳ dưới đất van lạy xin tha liền hồi. Từ Chiếm Ngao nói:

- Tên cướp này nói nhà hắn còn có mẹ già tám mươi tuổi. - Đoạn ông lùi ra một bên, nhìn bọn phu và thợ kèn, như con chó đầu đàn nhìn bầy chó vậy.

Bọn phu và thợ kèn hò hét, lao đến; vây lấy tên kia, rồi giơ nắm đấm lên giáng vào người tên cướp. Lúc

đầu tên cướp còn kêu ré lên. lát sau, không nghe thấy nữa. Bà đứng bên đường nghe tiếng đám tối tập vào xác thịt tên cướp, liếc nhìn Từ Chiếm Ngao, rồi ngẩng đầu nhìn tia chớp ở chân trời, trên khuôn mặt bà vẫn nở nụ cười rực rỡ, cao quý như vàng.

Một người thợ kèn vung cái kèn lên, nhằm đúng bụng tên cướp, chụp xuống, vành loa kèm cầm phập vào da thịt tên cướp, rút mái mới da. Bụng tên cướp kêu cùng cục, thân thể gân cốt hẫng giãn ra, nằm nhũn như bánh ở dưới đất. Một dòng nước đỏ trắng lẫn lộn từ vết thương sâu hoắm từ từ chảy ra.

- Chết rồi? - Một thợ kèn, xách kèn thổi, hỏi.

- Đánh chết rồi, cái của này, không chịu được đòn!

Đám phu và thợ kèn tái xanh tái mét, tỏ ra hoảng hốt, lo lắng.

Từ Chiếm Ngao ngó kẻ chết, rồi lại nhìn người sống, không nói một câu. Ông vật ít lá cao lương gột sạch đồng nôm của bà ở trong kiệu, rồi lại giơ cái mẩu gỗ nhìn nhìn, lấy mảnh lụa đỏ bọc lại rồi quăng mạnh ra xa cục gỗ vượt đi trước, mảnh lụa bọc tụt lại sau, như cánh bướm lớn màu đỏ đỏ xuống ruộng cao lương.

Từ Chiếm Ngao đỡ bà lên kiệu và nói:

- Sắp mưa rồi, đi mau!

Bà xé tấm màn che kiệu, nhét vào một góc kiệu, bà hít thở không khí tự do, ngắm nhìn vai rộng lưng eo của Từ Chiếm Ngao. Ông đứng cách kiệu rất gần, bà chỉ việc ruỗi chân một cái là có thể chạm vào da đầu ông.

Gió ngày một mạnh, cao lương bị đẩy trước đôn sau, tạo thành những cơn sóng bất tận, cao lương bên đường thò đầu ra giữa đường, như uốn cong người chào bà tôi. Phu kiệu chạy như bay mà chiếc kiệu vẫn êm ả lạ thường, như chiếc thuyền con lướt trên ngọn sóng. Éch nhái phán khởi kêu ong ong, đón chào cơn mưa to mùa hè sắp đổ xuống, màn trời thấp, nặng nề nhìn xuống khuôn mặt cao lương màu chì, từng ánh chớp đỏ rực quất lên cao lương; tiếng sấm dữ dội, rung cả màng nhĩ, nhưng lòng bà vẫn khảng khái, phấn chấn, nhìn chăm chú cơn sóng xanh tạo nên bởi làn gió đen mà không hề biết sợ; mây vẫn vũ chuyển động cũng tạo nên âm thanh, hướng gió thay đổi, cao lương lắc lư bốn phía, đồng ruộng cuồng loạn. Giọt mưa hung hãn đầu tiên dội xuống làm cho cao lương run rẩy, làm cho ngọn cỏ rầu rầu, làm cho cát bụi trên đường tụ lại thành đồng, rồi lập tức lại vỡ ra, làm cho đỉnh kiệu kêu lộp bộp; giọt mưa

đánh vào đôi hài hoa của bà, đánh vào đầu của Từ Chiếm Ngao, xuyên vào mặt bà.

Bọn Từ Chiếm Ngao chạy vội như thỏ mà vẫn không tránh được trận bão táp trước giờ Ngọ. Mưa quật đổ bao nhiêu cây cao lương, mưa rào vùi trên khắp cánh đồng, cóc nhái nấp dưới gốc cao lương, run rẩy da trắng bệch; lũ cáo ngồi chồm hổm trong hang động tối om, nhìn hạt mưa từ lá cao lương rơi xuống. Đường xá mau chóng biến thành lầy lội, cỏ nằm dí xuống đất, hoa cúc thi xa vẫn tỉnh táo ngóc đầu ướt át. Quần đen rộng thùng thình của phu kiệu dính chặt vào da thịt, thân thể họ nên mảnh khảnh dễ coi. Da đầu của Từ Chiếm Ngao được nước mưa rửa sạch bóng láng, trong con mắt của bà trông như một vành trăng tròn. Quần áo của bà cũng bị nước mưa làm ướt, lẽ ra bà có thể treo tấm màn kiệu lên che mưa, nhưng bà không treo, và cũng không muốn treo. Qua cửa kiệu sáng loáng, bà nhìn thấy thế giới bao la hùng vĩ, rối loạn, không yên.

6

Bố rẽ cây cao lương, hướng về phía Tây bắc - quê

hương chúng tôi - mà luôn thật nhanh. Bò lên được con đường đất, không còn cao lương vướng chân, chạy nhanh như thỏ rừng, khẩu súng brô-ninh nặng trĩu làm cho giầy lừng bằng vải màu đỏ uốn thành trăng lưỡi liềm. Súng lục đập vào xương hông của ông, tuy đau đớn nhưng ông thấy mình đã trở thành chàng trai biết cười ngửa, vung gươm rồi. Thôn trang còn ở xa xa, đầu thôn có cây cò trắng xum xuê um tùm đã sống hơn một trăm năm, đón chờ ông. BỐ rút súng ra, cầm trong tay vừa chạy vừa ngấm nhìn bóng quạ đen đẹp dễ chao đi chao lại trong không trung.

Trên đường phố không một bóng người, không biết con lừa lông lá, chân què, mắt mù của nhà ai buộc cạnh bức tường đất đã rụng vôi vữa, con lừa cúi đầu đứng bất động. Trên hai con lán bằng đá để lộ thiên, có hai con quạ xanh thắm đậu trên đó. Người trong thôn thường tụ tập trên bãi đất trống trước lò nấu rượu của nhà tôi. Ở đây từng đỏ trời đỏ đất, từng đóng cao lương đỏ nhà tôi mua về. Lúc bấy giờ bà tôi thường cầm cái phất trần đuôi trắng, kéo lê đôi chân nhỏ xíu, đi coi những người say rượu của nhà tôi. Bà dùng đầu gối để mua cao lương, mặt bà hồng hào rực rỡ như ánh ban mai. Những người trên bãi đất hướng về phía đông nam, nghe ngóng tiếng súng vọng đến bất cứ lúc nào. Một số trẻ con tinh

ngịch bằng tuổi bố tôi, tuy chân tay ngứa ngáy, nhưng cũng không dám nghịch quấy.

Bố tôi và Tôn Ngũ, người đã dùng dao bầu tróc da ông La Hán, từ hai hướng khác nhau cùng đi đến bãi đất. Sau khi bàn việc ấy, Tôn Ngũ thân kinh hoảng loạn, khoa chân múa tay, mắt nhìn trừng trừng, mồm thường lấp báp, ăn nói lung tung, miệng nhỏ nước bọt trắng, quỳ xuống đất, hét:

- Anh ơi, anh, anh ơi, quan trên bắt tôi làm, tôi không thể không làm. Anh chết rồi lên thiên đàng, cưỡi ngựa bạch, ngồi yên gấm, mặc long bào, cầm roi vàng...

Người trong thôn thấy anh ta thế, cũng bớt giận anh ta. Sau khi điên mấy tháng Tôn Ngũ lại thêm chứng bệnh nữa. Sau khi gào thét một hồi bỗng mồm anh ta méo xệch, nước mũi nước miệng cứ chảy ra, nói không nghe rõ nữa. Người trong thôn bảo đó là trời phạt.

Bố tôi tay xách khẩu brô-ninh, thở hồng hộc, trên đầu đầy phấn trắng, bụi đỏ của cây cao lương. Tôn Ngũ quần áo rách bươm, nhầu nát, chân trái cứng đơ, chân phải mềm nhũn, đi cà nhắc vào trong bãi đất, không ai thèm quở hấn. Mọi người đều nhìn bố hiền ngang khí khái.

Bà đi đến trước mặt bố. Bà mới hơn ba mươi tuổi, tóc búi tó, phía trước trán mấy sợi tóc uốn cong rũ xuống như chiếc khăn thưa che ánh sáng mặt trời. Mắt bà vẫn long lanh như nước mùa thu, có người nói rượu cao lương nhuộm nên đấy. Mười năm gió mưa quay cuồng, bà trôi từ một người con gái trinh tiết đã trở thành một thiếu phụ phóng đãng.

Bà hỏi:

- Thế nào?

Bố thở hổn hển, giắt khẩu brô-ninh vào thắt lưng.

- Bọn giặc không đến à? - Bà hỏi.

- Chi đội Lãm, đổ chó chết, chúng ta không tha cho nó đâu! - Bố nói.

- Có chuyện gì thế? - Bà hỏi.

- Tráng bánh tráng. - Bố nói.

- Không nghe nói phải làm. - Bà nói.

- Tráng bánh tráng, cho nhiều trứng gà và hành vào.

- Bọn giặc không đến à? - Bà hỏi.

- Tư lệnh Từ bảo tráng bánh tráng và bảo bà đưa bánh đi.

Bà nói:

- Bà con ơi, về nhào bột trắng bánh đi.

Bố quay người định chạy, bị bà giơ tay kéo lại, bà nói:

- Đâu Quan nói cho mẹ biết, chi đội Lân làm sao?

Bố rút buột khỏi tay bà, giận dữ nói:

- Chi đội Lân chẳng thấy bóng vía đâu, cả Tư lệnh Từ không tha cho họ đâu!

Bố chạy đi. Bà dõi theo bóng nhỏ gầy bé của bố, thở dài. Trên mảnh đất rộng lớn, Tôn Ngũ đứng nghiêng nghiêng, ngó bà trân trân, hần giờ tay chỉ chỗ, nước giải chảy vòng quanh miệng.

Bà không để ý đến Tôn Ngũ đi về phía cô gái mặt trái xoan đang dựa vào tường. Cô gái mặt trái xoan cười sảng sặc với bà. Khi bà đi đến trước mặt cô gái, cô ta bỗng ngồi thụp xuống, hai tay túm chặt lấy cạp quần và kêu ré lên. Đôi mắt cô ta sâu như vực thẳm, ánh lên một ánh sáng điên dại. Bà vuốt mặt cô ta, nói:

- Linh Tử, cháu ngoan đừng sợ.

Cô Linh Tử mười bảy tuổi, là cô gái đẹp nhất thôn chúng tôi lúc bấy giờ. Hồi đầu Tư lệnh Từ phát cờ chiêu binh tập mã, tổ chức lên đội quân hơn năm mươi người. Trong đội quân có một chàng trai mảnh khảnh, mặc bộ đồ đen, đi đôi giày da trắng, mặt trắng xanh, để bộ tóc dài đen. Nghe nói Linh Tử yêu người thanh niên ấy. Anh ta nói giọng Bắc Kinh rất hay, chưa bao giờ cười, lông mày co rúm lại, giữa hai lông mày có ba vết nhân nằm dọc. Mọi người đều gọi anh ta là phó chỉ huy Nhiệm. Qua vẻ bề ngoài lạnh lùng của phó chỉ huy Nhiệm, Linh Tử thấy có ngọn lửa nóng ghê người, nung đốt, khiến cô đứng ngồi không yên. Lúc bấy giờ, đội quân của Tư lệnh Từ sáng nào cũng đến sân nhà tôi nơi mua cao lương, để tập luyện, lính thổi kèn của Tư lệnh Từ là Lưu Tứ Sơn. Mỗi lần trước khi tập, Lưu Tứ Sơn thổi kèn tập hợp đội ngũ. Hễ nghe thấy tiếng kèn, Linh Tử từ trong nhà chạy vội ra bãi tập, trèo lên tường đất trông đợi phó chỉ huy Nhiệm. Phó chỉ huy Nhiệm là sĩ quan huấn luyện, anh ta thắt dây da bò rộng bản, khẩu súng ngắn brô-ninh đeo lưng lẳng trên thắt lưng da.

Phó chỉ huy Nhiệm uốn ngực thót bụng, đi đến trước hàng quân, hô nghiêm, hai gót chân đập đánh bộp một cái. Phó chỉ huy Nhiệm nói:

- Khi đứng nghiêm, hai chân phải thẳng, bụng thót, ngực uốn về phía trước, mắt mở tròn như con báo ăn thịt người vậy. Hãy trông dáng của thằng cha này! - Phó chỉ huy Nhiệm đá Vương Văn Nghĩa một cái, nói, - Sao cứ dạng ra như lừa ngựa đứng đái vậy, đứng nghiêm thôi mà tập cũng không ra hồn.

Linh Tử thích xem phó chỉ huy Nhiệm đánh người, thích nghe phó chỉ huy Nhiệm quát mắng người. Tác phong lạnh lợi của phó chỉ huy Nhiệm khiến cô nhìn đến mê người. Khi không có việc gì, anh thường đến sân nhà tôi, chấp tay sau lưng đi dạo, Linh Tử nấp sau tường nhìn trộm anh ta.

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi:

- Cô tên gì?

- Linh Tử.

- Cô nấp sau tường xem cái gì?

- Xem anh.

- Cô biết chữ không?

- Không biết.

- Cô muốn đi lính không?

- Ua, không muốn.

Về sau Linh Tử hối hận, cô ta nói với bố tôi rằng, nếu như phó chỉ huy Nhiệm hỏi lại cô, thì cô sẽ nói muốn đi lính. Nhưng phó chỉ huy Nhiệm không hỏi lại nữa.

Linh Tử và bố tôi đứng ở đầu tường, xem phó chỉ huy Nhiệm đang dạy hát từng bài hát cách mạng ở trên bãi. Bố người thấp, dưới chân phải kê đến ba hòn gạch mới có thể nhìn thấy cảnh vật ở trong sân. Còn Linh Tử thì ghéch cằm xinh xắn lên bờ tường, dán mắt nhìn phó chỉ huy Nhiệm đang tắm ánh ban mai. Anh dạy đội ngũ hát:

Cao lương đỏ,

Cao lương đỏ,

Bọn giặc Nhật đến rồi!

Bọn giặc Nhật đến rồi!

Nước mất, nhà tan.

Đồng bào ơi mau, đứng dậy,

Cầm dao, cầm súng,

Đánh giặc bảo vệ quê hương...

Những người trong hàng quân lữôi cứng vụng về, hát mãi chẳng thành câu điệu. Còn lũ trẻ đứng bên ngoài

tường, hát theo đã thuộc lâu lâu. Khi bố tôi còn sống, người vẫn còn nhớ rất rõ bài hát ấy.

Một hôm, cô gái Linh Tứ bạo dạn đi tìm phó chỉ huy Nhiệm, nhưng lại đi nhầm vào phòng của trưởng phòng quân nhu. Trưởng phòng quân nhu là Từ Đại Nha, chú ruột của Tư lệnh Từ, hơn bốn mươi tuổi, uống rượu như uống nước, tham tài hiếu sắc. Hôm ấy lão ta uống đã ngà ngà say, Linh Tứ xông vào, chẳng khác gì con thiêu thân lao vào lửa, con dê chui vào hang hổ.

Phó chỉ huy Nhiệm lệnh cho mấy đội viên, bắt trói Từ Đại Nha vừa làm nhục cô gái Linh Tứ.

Lúc bấy giờ, Tư lệnh Từ đang ở nhà tôi khi phó chỉ huy Nhiệm đi báo cáo thì Tư lệnh Từ đang ngủ trên giường lò⁽¹⁾ của bà tôi. Bà đã dọn dẹp xong, đang chuẩn bị rán mấy con cá liểu để nhấm rượu, thì phó chỉ huy Nhiệm xông xộc đi vào, khiến bà tôi giật mình đánh thót một cái.

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi bà:

- Tư lệnh đâu?

- Đang ngủ trên giường lò! - Bà nói.

(1) Ở miền bắc Trung Quốc, người ta làm giường bằng đất hoặc xây bằng gạch, trên trải chiếu để ngủ, dưới có đường ống thông với ống dẫn khói, mùa đông có thể đốt lửa cho ấm.(ND)

- Gọi ông ấy dậy!

Bà gọi Tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ mắt nhắm mắt mở đi ra, vươn vai, ngáp một cái, nói:

- Có chuyện gì thế?

- Thưa Tư lệnh, nếu như người Nhật Bản hiệp dân chị em của tôi, có nên giết không? - Phó chỉ huy Nhiệm hỏi.

- Giết! - Tư lệnh Từ trả lời.

- Thưa Tư lệnh, nếu như người Trung Quốc hiệp dân chị em của mình, có nên giết không?

- Giết!

- Hay lắm, tôi chỉ chờ câu nói đó của Tư lệnh. - Phó chỉ huy Nhiệm nói - Từ Đại Nha hiệp dân Tào Linh Tử, con gái nhà dân, tôi đã bảo anh em gọi trời lại rồi.

- Có chuyện ấy à? - Tư lệnh Từ hỏi.

- Thưa Tư lệnh, khi nào thì hành lệnh bắn?

Tư lệnh Từ nắc lên một cái, nói:

- Ngủ với một đứa con gái, hệ trọng gì?

- Thưa Tư lệnh, đến con vua mà phạm pháp cũng

đều là phạm tội tấ!

- Anh xem nên xử hấn ta tội gì? - Tư lệnh Từ hỏi một cách nặng nề.

- Xử bắn! - Phó chỉ huy nói một cách dứt khoát.

Tư lệnh Từ hừ một tiếng, mặt hầm hầm, đi đi lại lại tỏ vẻ khó chịu. Sau đó, mặt ông nở nụ cười nói:

- Đồng chí Nhiệm, đánh cho hấn ta năm mươi roi trước mặt mọi người, đền cho gia đình cô ta hai mươi đồng, có được không?

Phó chỉ huy Nhiệm hỏi chua chát:

- Chỉ vì hấn ta là chú ruột Tư lệnh?

- Đánh tám mươi roi, bắt phải lấy Linh Từ. Tôi cũng đành lòng gọi là thím trẻ vậy.

Phó chỉ huy Nhiệm bèn cõ giấy lưng kèm cả khẩu súng brô-ninh quăng vào lòng Tư lệnh Từ. Anh ta chấp hai tay nói:

- Tư lệnh, thế là tiện cả đôi đường. - Đoạn xoay cẳng bước ra ngoài sân.

Tư lệnh Từ cầm súng, nhìn theo lưng phó chỉ huy Nhiệm, nghiến răng nói:

- Cút mẹ mày đi, một thằng học trò ranh ma dám chỉ huy cả lão! Lão đây đã làm thổ phỉ mười năm, chưa một đứa nào dám làm phách như thế bao giờ.

Bà tôi nói:

- Chiếm Ngao, anh không được để phó chỉ huy Nhiệm bỏ đi. Nghìn quân dễ kiếm, một tướng khó tìm.

- Đàn bà con gái biết cái gì! - Tư lệnh Từ ngao ngán nói.

- Tưởng rằng anh là anh hùng hảo hán, té ra chỉ là đồ hèn! - Bà nói.

Tư lệnh Từ lên cò súng, nói:

- Chán sống rồi hả?

Bà tôi bèn xé ngực áo ra, lộ ra bộ ngực trắng tròn, nói:

- Bắn đi!

Bố tôi hét gọi mẹ, lao đến trước ngực bà tôi.

Từ Chiếm Ngao nhìn đầu ngay ngắn của bố tôi, nhìn khuôn mặt xinh xắn của bà tôi, bất giác nhớ lại những chuyện ngày xưa. Ông thở dài, hạ súng xuống, nói:

- Sửa lại áo sống đi!

Đoạn ông xách roi ngựa, chạy ra ngoài sân, cưỡi thường lấy con ngựa vàng, nhỏ, nhưng là giống ngựa hay, không thắng yên, cưỡi thẳng ra bãi tập.

Các đội viên đang ngồi tựa vào tường nghỉ, thấy Tư lệnh đến, vội đứng nghiêm, không ai dám thở mạnh.

Từ Đại Nha bị trói hai tay, cột dưới gốc cây.

Tư lệnh Từ xuống ngựa, đi đến trước mặt Từ Đại Nha nói:

- Chú làm thế thật à?

Từ Đại Nha nói:

- Cháu Chiếm Ngao, hãy cởi trói cho chú. Thôi từ nay chú không làm thế nữa.

Các đội viên đều trở mắt nhìn Tư lệnh Từ. Tư lệnh Từ nói:

- Chú, tôi sẽ bắn chú.

Từ Đại Nha gào lên:

- Đồ bất hiếu, mày lại dám bắn chú mày à? Hãy nhớ lại ân huệ chú đã ban cho mày. Bố mày chết sớm,

chú phải đi làm nuôi hai mẹ con mày. Nếu không có chú thì xác mày đã bị chó ăn rồi!

Tư lệnh Từ vung roi, quát vào mặt Từ Đại Nha, chửi:

- Đồ chó ghẻ!

Đoạn quỳ hai đầu gối xuống, nói:

- Chú ơi, Chiếm Ngao không bao giờ quên ơn nuôi dưỡng của chú. Chú chết rồi, cháu sẽ đội mũ gai tang chú, ngày tết, ngày giỗ, cháu sẽ ra mộ cúng chú.

Tư lệnh Từ quay người, nhảy phắt lên lưng ngựa, vút một roi vào mông ngựa, phi về hướng phó chỉ huy Nhiệm, tiếng vó ngựa lộp cộp lộp cộp, chấn động cả thế giới này.

Khi bắn Từ Đại Nha, bố tôi cũng ở đấy. Từ Đại Nha bị anh cầm và hai đội viên khác điệu đến đầu phía tây thôn. Nơi hành hình ở cạnh cái đầm nước hình bán nguyệt, nước tù đen ngòm thối hoắc, đầy ếch nhái và sâu bọ. Cạnh đầm có một cây nhỏ lá vàng héo, đứng cô độc. Trong đầm cóc nhái nhảy tứ tung, trên đám rác đầy tóc rồi là một chiếc giấy phụ nữ.

Hai đội viên giải Từ Đại Nha đến bên đầm buông

tay, nhìn anh câm. Anh câm tháo khẩu súng trường khoác trên vai xuống, lên cò bấm, đưa đạn vào ổ đạn.

Từ Đại Nha quay người lại, nhìn thẳng vào anh câm, cười cười. Bố tôi phát hiện ra cái cười của ông ta sao mà hiền lành thế, trông giống như mặt trời chiều sắp lặn.

- Anh câm ơi, hãy cởi trói cho tôi, tôi không thể chết mà còn đeo cả đây!

Anh câm nghĩ ngợi một lát, xách súng đi lên, từ trong thắt lưng rút ra một lưỡi lê, soẹt soẹt vài ba cái, cắt đứt giây trói. Từ Đại Nha rũ cánh tay, quay người lại, hét lớn :

- Bắn đi, hỡi người anh em câm ơi, bắn trúng vào trán đây, đừng để ta phải đau đớn!

Bố nghĩ rằng con người ta lúc trước khi chết sẽ run sợ biết chừng nào, nhưng Từ Đại Nha là hạt giống của quê hương Đông bắc Cao Mật, ông phạm tội lớn, chết cũng chưa hết tội, thế mà trước khi chết ông lại tỏ ra khí khái anh hùng

Nhìn Từ Đại Nha, bố tôi vô cùng xúc động, bàn chân cứ như nóng ran lên, muốn nhảy lên mà không được.

Từ Đại Nha quay về phía đầm, nhìn dòng nước
sâm sấp dưới chân, nhiều sen đại màu lục có một bông
hoa trắng toát gầy gò, rồi lại nhìn cánh đồng cao lương
sáng loáng trước mặt hồ, bỗng bật lên hét thật to:

Cao lương đỏ,

Cao lương đỏ,

Bọn giặc Nhật đến rồi.

Bọn giặc Nhật đến rồi

Nước mắt, nhà tan...

Khẩu súng của anh cầm gương lên lại hạ xuống,
hạ xuống rồi lại gương lên.

Hai đội viên nói:

- Anh cầm ơi, hãy nể mặt Tư lệnh, tha cho anh ta
đi!

Anh chống súng xuống, lắng nghe Từ Đại Nha
hét lộn xộn.

Từ Đại Nha quay lại, mắt tròn trừng, hét lớn:

- Bắn đi! Hỡi người anh em chẳng lẽ tao phải tự
bắn tao à?

Anh cầm nâng súng lên, nhắm vuông trán như

viên ngói của Từ Đại Nha, bóp cò.

Bố tôi nhìn thấy văng trán của Từ Đại Nha vỡ ra như viên ngói vụn liền với tiếng súng chói tai. Anh cầm cúi đầu, một luồng khói trắng từ họng súng bốc ra. Chỉ trong nháy mắt thân Từ Đại Nha bất động như một khúc gỗ, lăn nhanh xuống đầm.

Anh cầm xách súng đi, hai đội viên đi theo sau.

Bố tôi cùng lũ trẻ, hoảng sợ đi đến bên đầm, từ trên cao ngó xuống nhìn Từ Đại Nha nằm ngửa ở dưới đầm. Mặt ông ta chỉ còn lại cái mồm là lành lặn, mảng sọ đầu bay mất, óc chảy xuống hai tai, một con người bật ra ngoài, như quả nho to đeo lủng lẳng bên tai. Khi thân ông ta đổ xuống, bùn loãng bị đè bắn tứ tung, bông hoa sen trắng gầy gò bị đứt cuống, vẫn còn mấy sợi tơ vương vẩn bên tay ông ta. Bố ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng của bông sen.

Sau đó, phó chỉ huy Nhiệm cho mang đến một quan tài gỗ bách, trong lót lụa vàng, ngoài sơn lớp sơn màu vàng thau, đặt Từ Đại Nha vào quan tài đem chôn ở dưới gốc liễu cạnh đầm một cách khá chu đáo. Hôm đưa tang, phó chỉ huy Nhiệm cũng mặc áo tang đen, trên cánh tay trái còn đeo một băng lụa đỏ. Tư lệnh Từ đội mũ gai để tang, khóc thảm thiết vừa đi ra đầu thôn, ông

cầm một cái chậu sành mới quăng mạnh vào đầu hòn gạch.

Hôm ấy, bà đội cho bố tôi một khăn tang trắng - bà cũng đội khăn gai để tang - bố tôi tay cầm gậy liễu còn tươi đi theo sau Tư lệnh Từ và bà. Bố nhìn thấy mảnh chậu vỡ trên đầu hòn gạch, lại nghĩ đến sọ Từ Đại Nha cũng vỡ ra như ngói vụn. Ông lơ mờ cảm thấy hai cánh vỡ vụn ấy có một mối liên lạc nội tại, tất yếu. Việc kia gặp việc này, rồi sẽ xảy ra một việc thứ ba nữa.

Bố không rơi một giọt lệ nào, ông chỉ lạnh lùng nhìn đám người đến đưa ma. Những người đưa ma đứng vòng tròn vây quanh dưới gốc cây liễu. Mười sáu tràng trai lực lưỡng, cầm tám sợi giây dồng chiếc quan tài nặng kia xuống cái huyết khá sâu. Tư lệnh Từ bốc một nắm đất, lạnh lùng ném lên chiếc quan tài, gây nên tiếng động làm cho mọi người rùng mình. Máy người cầm xẻng xúc từng mảng đất đen to hất xuống mộ, chiếc quan tài kêu lên một cách tức tối, rồi dần chìm sâu vào trong đất đen. Đất đen đầy dần, ngang với miệng huyết, rồi nhô lên khỏi mặt đất và thành một cái ụ to hình dáng giống như chiếc bánh bao. Tư lệnh Từ rút súng ra, ngẩng lên, hướng về bầu trời trên đầu ngọn liễu, bắn liên ba phát. Đạn xuyên qua lùm lá, làm rơi mấy chiếc lá hình lông mày màu vàng, rồi bay vút trong tầng không. Ba

chiếc vô đạn rơi xuống dưới đầm hôi thối, một chú bé bèn nhảy xuống đầm, dầm bóp bóp xuống bùn xanh, nhặt lấy vỏ đạn. Phó chỉ huy Nhiệm cũng rờ khẩu brôninh ra bắn liên ba phát. Đạn bay như tiếng gà kêu, lao vào bầu trời trên ruộng cao lương. Tư lệnh Từ và phó chỉ huy Nhiệm tay cầm súng còn bốc khói, bốn mắt nhìn nhau. Phó chỉ huy Nhiệm, nói: "Đúng là đại anh hùng!" đoạn giắt súng vào lưng rào cẳng đi về trong xóm.

Bố tôi phát hiện ra tay cầm súng của Tư lệnh Từ từ từ nâng lên, hướng họng súng về phía lưng của phó chỉ huy Nhiệm. Mọi người hết sức kinh sợ, nhưng không ai dám lên tiếng. Phó chỉ huy Nhiệm tuyệt nhiên không biết, vẫn cao đầu bước đi đều đều ngẩng nhìn về hướng vắng mặt trời như chiếc bánh, rồi đi vào trong xóm. Bố tôi thấy khẩu súng lục trong tay Tư lệnh Từ rung lên. Bố hầu như không nghe thấy tiếng viên đạn nổ, nó nổ bé quá và ở xa nữa. Nhưng bố nhìn thấy viên đạn bay liệng trên không trung, rồi lướt qua tóc đen ánh của phó chỉ huy Nhiệm. Phó chỉ huy Nhiệm không quay lại, ông vẫn bước đều đều, nhịp nhàng tiếp tục đi về phía trước. Từ phía phó chỉ huy Nhiệm bố nghe thấy tiếng huýt sáo thổi từ môi người ra, làn điệu rất là quen thuộc: "Cao lương đỏ, cao lương đỏ!" bố tôi nước mắt lưng tròng. Phó chỉ huy Nhiệm càng đi càng xa, bóng ông càng to lớn. Tư

lệnh Từ lại bắn phát nữa. Tiếng súng lần này vang động đất trời, bố tôi đều cảm nhận được cả đường đạn bay và tiếng súng cùng một lúc. Đạn bắn vào đầu một cây cao lương, cây cao lương đổ xuống đất. Khi bông cao lương đang từ từ ngã xuống đất, thì một viên đạn nữa bắn nó tan tành. Bố hoảng hốt. Phó chỉ huy Nhiệm cúi xuống bên đường ngắt bông hoa rau đắng màu vàng, đưa lên mũi ngửi.

Bố từng nói với tôi rằng, phó chỉ huy Nhiệm đúng là đảng Cộng sản. Ngoài đảng Cộng sản ra, thì khó tìm được một tay hảo hán thuần chủng đến như thế. Chỉ đáng tiếc là người anh hùng đó mệnh đoản. Sau lần ông cao đầu rào bước, tỏ ra khí khái anh hùng ấy, thì ba tháng sau, trong khi lau chùi khẩu súng brô-ninh, bị cướp cò giết chết. Đạn xuyên từ mắt trái ra tai phải, một nửa mặt dính đầy khói thuốc súng, tai phải rỉ ra dăm ba giọt máu đen. Mọi người nghe thấy tiếng súng đều lao đến, thì ông đã ngã vật ra chết.

Tư lệnh Từ nhặt lấy khẩu súng brô-ninh, hồi lâu không nói.

7

Bà tôi gánh một gánh bánh trắng, vợ Vương Văn

Nghĩa gánh hai thùng canh đậu xanh, chạy vùn vụt về phía cầu lớn trên sông Mặc Thủy. Đáng lẽ họ định đi tắt qua ruộng cao lương, rẽ thẳng về phía đông nam, nhưng sau khi đi vào ruộng cao lương thì họ mới hiểu ra rằng đường gánh nặng khó đi. Bà nói:

- Thím ơi, ta đi đường thẳng thôi, chậm mà lại nhanh đấy.

Bà và vợ Vương Văn Nghĩa như hai con chim to bay lượn trong không trung, chuyển động rất nhanh. Bà mặc một chiếc áo đỏ thắm, tóc đen sức dầu thơm láng bóng. Vợ Vương Văn Nghĩa người nhỏ nhẹ thông minh, chân tay lanh lẹn. Khí Tư lệnh Từ chiêu binh tập mã, chỉ đưa chồng đến nhà tôi, nhờ bà tôi nói giúp với Tư lệnh Từ cho chồng chị được tham gia đội du kích. Bà cười nhận lời. Nể tình bà tôi, Tư lệnh Từ đồng ý cho Vương Văn Nghĩa ở lại. Tư lệnh Từ hỏi Vương Văn Nghĩa:

- Anh có sợ chết không?

- Sợ. - Vương Văn Nghĩa đáp.

Vợ anh ta nói:

- Thưa ông Tư lệnh, anh ấy nói sợ tức là không sợ. Tàu bay Nhật đã giết chết ba đứa con nhà em.

Vương Văn Nghĩa sinh ra vốn không phải là để làm lính, anh ta đần độn chậm chạp, không phân biệt đâu là bên phải đâu là bên trái. Khi luyện tập ở thao trường không biết anh ta đã bị phó chỉ huy Nhiệm quát bao nhiêu lần. Vợ anh ta bầy cho anh ta một kế, buộc cộng cao lương vào tay phải, hễ nghe khẩu lệnh là quay phải, thì cứ quay về phía tay có buộc cộng rơm. Vương Văn Nghĩa sau khi làm lính, không có vũ khí, bà tôi đưa khẩu súng bắn chim cho anh ta.

Họ đi trên bờ đê sông Mạc Thủy ngoằn ngoèo, không để ý đến hoa vàng đang nở rộ trên bờ đê và cao lương đỏ như máu mọc san sát ở ngoài đê, họ đang bước vội về phía đông. Vợ Vương Văn Nghĩa chịu khổ đã quen, bà hưởng sướng đã quen. Bà mồ hôi đầm đìa, vợ Vương Văn Nghĩa không có một giọt mồ hôi nào.

Bố tôi chạy trước về đầu cầu. Bố báo cáo với Tư lệnh Từ là bánh trắng lát nửa là có, Tư lệnh Từ vui mừng, phát vào đầu bố một cái. Các đội viên phần lớn nằm trong ruộng cao lương, phơi mũi dưới ánh mặt trời. Bố buồn quá, đi đến ruộng cao lương phía tây đường xem bọn anh cầm đang làm gì. Anh cầm đang chăm chú mài dao, bố ấn tay vào khẩu brô-ninh đeo ở thắt lưng, đứng trước mặt anh cầm, nở nụ cười đắc thắng. Thấy bố tôi, anh cầm cười nhe răng. Có một đội viên ngủ ngáy

khò khò. Bố lại chạy lên mặt đường, mặt đường lổm đổm chỗ vàng, chỗ trắng, bố cảm thấy rất mệt mỏi. Bốn chiếc bừa chặn đường đi, ràng nhon hoắt chia lên trời, bố nghĩ, chúng nhất định là cùng đợi đến phát khó chịu. Chiếc cầu đá nằm trên dòng nước như một người bệnh vừa thoát khỏi một cơn ốm nặng. Rồi bố lên trên đê ngồi. Ông ngó đông rồi lại ngó tây, lúc thì nhìn dòng nước chảy, lúc thì nhìn đàn vịt trời. Cảnh sắc bên sông rất đẹp, mỗi ngọn cỏ nước đều đang sống, mỗi một làn sóng nhỏ đều ẩn giấu một điều bí mật. Bố nhìn thấy mấy đống xương trắng không biết là xương la hay xương ngựa đang bị đám cỏ nước bao bọc dày đặc. Bố lại nghĩ đến hai con la đen to của nhà. Mùa xuân, thỏ rừng chạy từng đàn trên khắp cánh đồng, bà cười la, tay cầm súng săn rượt thỏ rừng, bố ngồi trên lưng la ôm lấy lưng bà. Con la chạy làm cho thỏ rừng kích động, bà bắn thỏ rừng chết. Khi trở về nhà, trên cổ con la, bao giờ cũng đeo hàng xâu thỏ rừng, Khi ăn thịt thỏ rừng, một hạt sạn đã giắt vào kẽ răng bà, gầy mãi thế nào cũng không lấy ra được. Bố lại nhìn những con kiến đang chạy ở trên đê. Một đàn kiến đen màu nâu đỏ, đang vội vàng chuyển đất bùn. Bố thả một hòn đất to vào giữa lối đi của chúng, đàn kiến không chịu đi vòng mà cố bò qua hòn đất. Bố nhặt hòn đất lên, ném xuống sông, gởi lên một chút

sống, nhưng không một tiếng động. Mặt trời đã đứng bóng, nước sông bốc lên mùi tanh nóng hôi hổi, chỗ nào cũng sáng loáng, chỗ nào cũng phát ra tiếng râm ran. Bố cảm thấy giữa trời đất đầy những phần hồng của cao lương, đầy những hương thơm của rượu cao lương. Bỗng người nằm xuống đê, thì đúng lúc ấy, tim ông giật thót một cái, sau mới hiểu rằng, thì ra tất cả mọi sự chờ đợi đều có thể có kết quả, và khi kết quả xuất hiện thì đó là chuyện bình thường, tự nhiên. Bố phát hiện ra trên con đường quốc lộ phủ kín cao lương, có bốn con quái vật trông như bộ hung màu xanh sẫm, đang lặng lẽ bò tới.

- Ô tô! - Bố tôi nói một câu mơ hồ. Không ai để ý lời ông nói.

- Xe của bọn giặc! - Bố tôi nhảy lên, kính ngạc nhìn về những chiếc ô tô đang lao vút như sao sa. Phía sau xe là cái đuôi màu vàng dài, trên đầu xe phát ra tia sáng trắng lila quét lối đi.

- Ô tô đến rồi! - Lời của bố như một lưỡi dao chém vào tất cả mọi người, phá tan sự im lặng ngây đại đang bao trùm lấy cánh đồng cao lương.

Tư lệnh Từ sung sướng gào lên:

- Thế là các chú mày đến rồi! Hỡi các anh em,

chuẩn bị cho tất cả vào, tôi hô bắn là bắn.

Bên tây bờ đường, anh cầm phễu đất, nhảy cẫng lên. Mấy chục đội viên đều đứng dậy, cầm lấy súng bò lên ụ đất trên đê.

Đã nghe thấy tiếng ô tô nổ xình xịch. Bố nằm phủ phục bên cạnh Tư lệnh Từ, giờ cao khẩu brô-ninh, cổ tay mỗi nhừ, bàn tay nhóp nháp mồ hôi, kẽ giữa ngón tay cái và ngón tay trở bỗng nổi lên một miếng thịt và nó cứ giãn giãn rất mạnh. Bố ngạc nhiên thấy mảng da trên miếng thịt to bằng hạt mơ ấy nhảy nhảy theo tiết tấu nhịp nhàng, dường như trong đó có con chim con đang mổ vỏ để chui ra.

Bố muốn giữ không cho nó nhảy, nhưng vì dùng quá sức, nên cả cánh tay đều run lên. Tư lệnh Từ ấn lưng bố xuống, cái miếng thịt kia bỗng dừng lại, bố chuyển khẩu brô-ninh sang tay trái, nắm ngón tay phải cứng đờ, ruỗi mãi không thẳng ra được.

Ô tô đã phóng đến gần, hình dáng to dần, hai con mắt to như chân ngựa ở đầu xe phát ra tia sáng trắng, tiếng động cơ phành phạch nghe như tiếng gió trước khi trời đổ mưa, gây nên sự kích thích xa lạ nhưng làm thất tim người. Bố tôi lần đầu tiên mới thấy ô tô, bố đang đoán xem loại quái vật này ăn cỏ hay ăn thóc gạo,

uống nước hay uống máu, chúng chạy nhanh hơn cả hai con la tơ khoẻ mạnh, chân thon của nhà tôi. Bánh xe tròn như mặt trăng quay tít, bụi vàng bay lung tung. Dần dần đã nhìn thấy những vật ở trong xe. Đi đến gần cầu đá, xe giảm tốc độ, khối vàng ở cuối xe bay lên đầu xe, che lấy hai mươi mấy người mặc quần áo màu mơ vàng, đầu đội mũ đen sáng loáng. Sau này bố mới biết cái mũ ấy gọi là cái mũ sắt.

Hồi luyện gang thép năm 1958, nổi nấu cơm nhà chúng tôi đều bị trưng thu hết, anh tôi ăn cắp được chiếc mũ sắt từ trong đồng sắt vụn, treo lên bếp lửa, đổ nước vào nấu cơm.

Bố chăm chú nhìn những chiếc mũ sắt biến màu trong khói lửa.

Hai chiếc xe giữa, chất đầy một đồng bao trắng cao như núi. Chiếc xe sau cùng, cũng như chiếc xe đầu, chở hai mươi tên lính Nhật đội mũ sắt.

Xe đến gần cầu, bánh xe quay chậm trông cao to, nặng nề, đầu xe vuông vức, theo con mắt của bố, nó như đầu con cào cào cực lớn. Bụi vàng tan dần, đất xe phun ra từng luồng khói xanh.

Bố rút đầu lại, một dòng nước lạnh chưa từng

thấy, chạy từ chân lên bụng, nó tụ lại ở bụng, ép vào bụng đá, làm cho ông rất mệt, nước đá giổ giọt ở đầu chim. Ông thót bụng lại, để hãm nước đá khỏi tuôn ra. Tư lệnh Từ nghiêm sắc mặt, nói:

- Chó con, đừng động đây!

Bố mệt quá, không sao được, phải gọi bố nuôi, xin cho đi đá.

Được Tư lệnh Từ cho phép, bố bò xuống ruộng cao lương, trút một bãi nước đỏ như cao lương. Nước đá nóng làm đầu chim tê buốt. Đá xong ông thấy dễ chịu quá. Vô tình, ông liếc nhìn sắc mặt các đội viên, trông người nào người nấy đều hằm hằm dữ tợn như các ông tượng dữ trong miếu. Vương Văn Nghĩa thè đầu lưỡi nhọn, ánh mắt trông như con thạch sùng, nhìn trừng trừng không động đây.

Đoàn xe như lũ dã thú rất cảnh giác, nín thở tiến lên. Bố ngửi thấy mùi thơm sực nức toát ra từ những chiếc xe. Vừa lúc ấy, bà tôi trong chiếc áo lụa đỏ đậm mô hôi và vợ Vương Văn Nghĩa thở hỗn hển xuất hiện trên dè sông Mạ Thủy ngoằn ngoề.

Bà tôi gánh một gánh bánh trắng, vợ Vương Văn Nghĩa gánh một gánh canh đậu xanh, khoan khoái nhìn

lên cầu to ọp ọp bắc ngang sông Mặc Thủy. Bà an ủi vợ Vương Văn Nghĩa, nói:

- Thím ơi, thế là đến rồi.

Bà tôi sau khi lấy chồng, vẫn được ăn trắng mặc trơn, gánh bánh nặng đã hằn trên vai bà một vết tím bầm. Vết tím này đã theo bà rời khỏi trần gian, lên thiên đường. Vết tím này là dấu hiệu vinh quang anh dũng chống Nhật của bà tôi.

Trong khi mọi người vẫn chăm chú theo dõi đoàn xe đang từ từ lao tới, bố tôi nhờ sức mạnh thần bí nào đó giúp đỡ, là người đầu tiên phát hiện ra bà tôi. Ông ngoẹo đầu về phía tây, nhìn thấy bà như một con bướm to màu hồng tươi đang hân hoan bay đến. Bố gọi thật to:

- Mẹ-oi-

Tiếng gọi của bố như truyền đạt mật mệnh lệnh, từ trên xe của bọn Nhật bắn xuống một làn đạn dầy đặc. Ba khẩu súng máy của bọn chúng bắn trên mui xe. Tiếng súng trầm trầm, buồn buồn như tiếng chó sủa trong đêm mưa âm u. Bố nhìn thấy ngực bà tôi thùng mẩy lõ. Bà kêu lên một tiếng, đầu gục xuống, đòn gánh rơi đè lên người bà. Hai sọt bánh, một sọt lần về phía nam bờ đê, một sọt lần về phía bắc bờ đê. Bánh trắng như tuyết,

hành xanh, trứng gà vàng óng vương vãi ra trên bãi cỏ xanh mượt. Sau khi bà tôi ngã xuống, thì đầu vợ Vương Văn Nghĩa cũng chảy ra một thứ nước vừa vàng vừa đỏ, nước bắn rõ thật xa, bắn cả xuống cao lương dưới chân dê. Bố nhìn thấy người đàn bà nhỏ nhắn ấy bị trúng đạn, lùi một bước, ngã xuống bờ nam dê, rồi lăn xuống lòng sông. Gánh canh đậu xanh của chị, thùng thứ nhất đổ, thùng thứ hai cũng đổ, nước canh lênh láng như máu người anh hùng. Một trong hai chiếc thùng sắt lăn toong toong xuống sông, trôi bồng bềnh trên giong sông nước đen, trôi qua mặt anh cầm, va vào trụ cầu, chúi qua gầm cầu, rồi trôi qua trước mặt Tư lệnh Từ, bố tôi, Vương Văn Nghĩa và anh em đồng đội.

- Mẹ ơi -

Bố tôi hét lên một tiếng xé ruột xé gan, nhảy chồm lên dê. Tư lệnh Từ, chớp lấy bố, nhưng chớp không được. Ông quát:

- Quay lại!

Bố tôi không nghe lệnh ông. Bố không nghe thấy gì cả. Thân hình bố nhỏ yếu bò người lên bờ dê chật hẹp, ánh sáng rực rỡ chiếu xuống người ông. Khi ông lao lên bờ dê thì đồng thời cũng quăng khẩu súng lục vào khóm hoa vàng gãy nát. Ông giang hai cánh tay, như con chim

nhỏ bay lao tới bà. Trên bờ đê rất yên lặng, giòng sông nước như ngừng chảy, cao lương ngoài đê yên lành, trang trọng. Tấm thân gầy yếu của bố đang chạy trên đê, bỗng trở nên cao lớn đẹp đẽ. Bố gào to:

- Mẹ ơi - Mẹ ơi -

Tiếng gọi “mẹ ơi”, như thấm đượm nước mắt và máu của nhân gian, thấm đượm tình thương ruột thịt và tư tưởng cao thượng. Bố chạy hết bờ đê bên đông, vượt qua những chiếc bờ liên hoàn, rồi lại bò lên bờ đê phía bắc. Dưới chân đê, bọn anh cầm mặt như hoá đá liếc nhìn bố tôi. Bố chồm tới chỗ bà tôi, rồi lại gọi mẹ. Bà tôi nằm thẳng sấp trên đê, mặt úp xuống mặt cỏ. Trên lưng có hai lỗ đạn, một mùi rượu cao lương thơm nức toát ra từ hai lỗ đạn ấy. Bố nắm lấy vai bà, lật ngửa lại. Mặt bà không bị thương, nét mặt nghiêm trang, tóc vẫn chải chuốt không rối, năm búp tóc rũ xuống, đôi lông mày cong dài, mắt hé mở, đôi môi đỏ hồng trên khuôn mặt trắng xanh. Bố nắm lấy tay ấm áp của bà, lại gọi mẹ. Bà mở mắt, nở nụ cười hiền lành, rồi bà giơ tay ra, đưa cho bố...

Xe của bọn giặc Nhật dừng lại ở đầu cầu, tiếng máy nổ lúc kêu lúc to lúc nhỏ.

Một bóng người cao to lao vút lên trên đê, bố và

bà bị lúi xuống chân dê. Anh cảm làm một việc rất dũng cảm. Bố chưa kịp nghĩ gì, lại một trận mưa đạn bắn xối xả, cao lương trên đầu họ bị đứt rụng rào rào.

Bốn chiếc xe đi gần đến, dừng lại ở ngoài cầu đá. Trên chiếc xe đầu và cuối, có đặt tám khẩu súng máy, đạn bắn ra đạn thành chiếc quạt lửa khổng lồ, lúc hướng về phía đông con đường, lúc hướng về phía tây con đường. Cao lương cùng kêu rên lên, thân cây cao lương bị bắn toé bởi tung lên trời. Đạn xuyên vào dê, từng vòng bụi vàng bốc lên, kêu bực bực.

Các đội viên du kích nấp ở các ụ ven dê, nằm dán mình xuống cỏ và đất đen, bất động. Súng máy bắn liên tục trong ba phút, bỗng nhiên ngừng lại, chung quanh xe đầy vỏ đạn vàng óng.

Tư lệnh Từ thấp giọng nói khẽ:

- Không được bắn.

Bọn giặc im lặng. Từng luồng khói thuốc súng bay trên mặt sông, theo làn gió nhẹ bay về đông.

Bố kể với tôi rằng, trong giây phút im lặng ấy, Vương Văn Nghĩa lắc lư đi trên dê, anh đứng trên dê, tay cầm cây súng bắn chim, mắt trừng miệng há, vô cùng đau khổ, gọi to:

- Mẹ thằng cu ơi!

Vừa dứt lời, mấy chục viên đạn xuyên vào bụng làm thủng một mảng lớn. Những viên đạn có dính ruột vun vút bay qua đầu Tư lệnh Từ.

Vương Văn Nghĩa chúc đầu xuống mặt đê, rồi cũng lần xuống lòng sông, cách chỗ vợ anh một cái cầu. Tim anh vẫn còn đang đập, đầu anh vẫn còn nguyên vẹn. Một cảm giác trống rỗng lạ thường đã dội vào trong tim anh.

Bố kể với tôi rằng, vợ Vương Văn Nghĩa đã đẻ liền ba đứa con. Ba đứa con nuôi bằng cao lương lớn như thổi, đầu to, tai cũng to. Một hôm, Vương Văn Nghĩa và vợ đi làm đồng, ba đứa con ở nhà chơi trong sân. Một chiếc máy bay Nhật kêu ù ù, bay qua xóm. Máy bay "đẻ trứng", rơi trứng vào sân nhà Vương Văn Nghĩa, xé tan ba đứa con ra thành từng mảnh, quăng lên xà nhà, treo lên ngọn cây và dính chặt vào tường nhà... Do đấy, thấy Tư lệnh Từ dựng cờ kháng Nhật, Vương Văn Nghĩa bị vợ đưa đi...

Tư lệnh Từ nghiêng răng trợn mắt giận dữ nhìn Vương Văn Nghĩa nửa đầu đang chìm dưới nước sông, rồi rút lên khe khẽ:

- Không được động đây!

8

Những bông cao lương đung đưa chấm chấm vào mặt bà, có một hạt cao lương nhảy vào giữa làn môi hé nở của bà, và mắc bị trong hàm răng trắng ngà của bà. Nhìn đôi môi hồng hào đang tái dần đi của bà, bố nấc lên gọi mẹ, đôi dòng nước mắt giờ xuống ngực bà, bà mở mắt ra. Mắt bà ánh lên sắc màu rực rỡ như hạt trân châu. Bà nói:

- Con ơi bố con đâu?

Bố nói:

- Bố con đang đánh giấc.

Bà nói:

- Ông ấy là bố đẻ của con đấy.

Bố gật gật đầu.

Bà cự mình muốn ngồi dậy, bà vừa cử động, hai dòng máu trào ra.

- Mẹ, còn đi gọi bố nhé. - Bố nói.

Bà xoa tay, bỗng ngồi hẳn dậy, nói:

- Đâu Quan... con của mẹ... đâu mẹ... về nhà, về nhà...

Bố quỳ xuống, bảo bà quàng tay qua cổ mình rồi, rón sức đứng dậy, đưa bà đi chẳng mấy chốc máu ở ngực bà đã làm ướt cả đầu, cả cổ bố. Từ trong máu của bà, bố vẫn ngửi thấy mùi rượu cao lương thơm nức. Tấm thân nặng nề của bà đè lên người bố, khiến hai chân bố run run, bước lảo đảo, đi vào trong ruộng cao lương. Đạn vẫn rất rít trên đầu họ, làm rụng lá cao lương. Bố gạt cành cao lương dây đặc, đi từng bước một, mồ hôi, nước mắt quện với máu tươi của bà, làm cho mặt bố nhem nhuốc, loang lổ. Bố cảm thấy người bà ngày một nặng, cành cao lương cố tình quăn lấy người bố, lá cao lương cứa người bố rất đau. Bố ngã xuống đất, vẫn cống bà trên lưng. Bố lách ra từ dưới thân bà, đặt bà nằm thẳng. Bà nằm ngửa, thở một hơi dài, mỉm cười với bố. Nụ cười thân bí vô cùng, nụ cười này như thép nóng in vào ký ức của bố một cái dấu hình móng ngựa.

Bà vẫn nằm, ngọn lửa trong ngực ngày một yếu dần. Bà mơ hồ cảm thấy con trai đang cởi áo cho bà, dùng tay bịt lấy lỗ đạn ở trên vú, rồi lại bịt lấy lỗ đạn ở dưới vú. Máu của bà nhuộm đỏ tay bố. Chiếc ngực trắng

tréo của bà bị nhuộm xanh, rồi lại nhuộm đỏ bởi chính máu của mình. Đạn đã xuyên qua bầu vú cao quý của bà, làm lòi cả mảng thịt đỏ nhạt. Bố nhìn bầu vú của bà, vô cùng đau khổ. Bố không bites được dòng máu ở vết thương của bà, tận mắt nhìn thấy do mất máu, mặt bà ngày một tái nhợt. Người bà ngày một nhẹ, dường như có thể bay lên không trung bất cứ lúc nào.

Dưới bóng râm của cao lương, bà sung sướng ngắm nhìn khuôn mặt khôi ngô của bố do bà và Tư lệnh Từ sáng tạo nên. Cuộc sống sinh động của những năm tháng qua như con ngựa phi lướt qua trước mặt bà.

*

* *

Bà tôi nhớ lại năm đó, trong cơn mưa to, chiếc kiệu như con thuyền đi vào thôn của Đon Đình Tú, đường đi nước lênh láng, trên mặt nước nổi lên những vò trấu cao lương. Khi kiệu hoa đến cổng nhà họ Đon, chỉ có một lão già gầy gò tết đuôi sam ra đón. Sau khi mưa tạnh nhưng vẫn còn vài hạt lất nhắt rơi xuống nước lênh láng trên mặt đất. Mặc dù thợ kèn thổi rộn rã, nhưng vẫn không có người đến xem, bà biết có chuyện chẳng lành. Đờ bà tôi đến lễ trời đất là hai người đàn ông, một người hơn năm mươi tuổi, một người hơn bốn mươi tuổi. Người

hơn năm mươi tuổi là ông lưu La Hán, người hơn bốn mươi tuổi là một người làm công chuyên nấu rượu.

Phu kiều, thợ kèn ướn như chuột lột, đứng trong vũng nước, nét mặt nghiêm nghị, nhìn hai người đàn ông khô đét dừ bà tôi xinh đẹp đi vào gian thờ u tối. Từ thân hai người đàn ông, bà ngửi thấy mùi rượu nồng nặc, tựa như họ vừa tắm trong rượu ra.

Khi bà ở trong gian thờ, vẫn phải trùm một cái khăn trùm đầu rất hôi hám. Trong mùi tanh tanh của ngọn nến cháy, bà nhận được một đầu chiếc khăn lụa mềm mại, rồi bị người ta kéo đi. Đoạn đường đi này tối om, nghẹt thở, thật đáng sợ. Bà được đưa đến ngồi trên chiếc giường lò. Vẫn không có ai đến cởi khăn đỏ trùm đầu cho bà, bà tự tay cởi lấy. Bà nhìn thấy một người đàn ông mặt mũi co rúm, ngồi thu lu trên chiếc ghế đầu dưới giường. Người đàn ông đầu bẹt và dài, mi mắt dưới loét đỏ. Anh ta đứng lên, giơ bàn tay nhọn như móng chân gà về phía bà, bà kêu to lên một tiếng, rút con dao nhọn từ trong bụng ra, đứng trên giường, nhìn chăm chăm người đàn ông kia một cách dữ tợn. Người đàn ông lùi lại ngồi vào ghế như cũ. Đêm ấy, bà không lúc nào rời con dao cầm trong tay, và người đàn ông đầu bẹt kia cũng không lúc nào rời khỏi chiếc ghế đầu.

Sáng sớm ngày thứ hai, thừa lúc người đàn ông kia còn đang ngủ, bà tuột xuống giường, chạy ra cửa buồng, mở cửa, định bỏ chạy, thì bị giữ lại. Cái lão già gầy gò tét đuôi sam kia nắm lấy tay bà, nhìn bà giận dữ.

Đơn Đình Tú giăng háng hai tiếng, đổi giận làm lành, nói:

- Con ơi, con đã gả chồng, bây giờ con như con gái ta vậy. Biển Lang không phải là bị cái bệnh ấy đâu, con chớ nghe người ta nói bậy. Cơ ngơi nhà ta lớn, Biển Lang thật thà, con về đây, thì cơ nghiệp này sẽ thuộc về tay con cai quản.

Đơn Đình Tú đưa cả chùm chìa khoá đồng cho bà, bà không cầm.

Đêm thứ hai, bà vẫn cầm con dao, ngồi cho đến sáng. Buổi sáng ngày thứ ba, cụ ngoại dắt một con lừa đến đón bà tới trở về nhà. Cưới ba ngày, con gái trở lại chào bố mẹ để là phong tục của quê hương đồng bắc Cao Mật. Cụ ngoại tới uống rượu với Đơn Đình Tú mãi đến khi mặt trời lên cao mới lên đường trở về.

Bà cưới con lừa rậm lông, trên lưng lừa rải một chiếc chăn mỏng, lắt lư đi ra khỏi thôn. Sau cơn mưa ba ngày, mặt đất vẫn còn ẩm ướt, ruộng cao lương bốc lên

những ngọn khói trắng, nó phủ lên vạt cao lương xanh, trông mờ ảo như cảnh tiên vậy. Tiền bạc trong hầu bao của cụ ngoại tôi kêu lèng rèng, say rượu cụ đi chân nam đá chân chiêu, ánh mắt lơ mơ. Con lừa rứt chiếc cổ dài, đi chậm chạp, móng nhỏ in trên đường ẩm ướt rõ mồn một. Bà ngồi trên lưng lừa, mắt hoa đầu vầng, mi mắt mọng đỏ, đầu tóc rối tung. Hàng cao lương ba ngày vừa rồi đã lớn lên một đốt, nhìn bà tôi một cách giễu cợt.

Bà nói:

- Bố ơi con không trở về nhà nó nữa đâu. Thà chết con cũng không đến nhà nó nữa...

Cụ ngoại tôi nói:

- Con gái cứng của bố. Con là phúc to lắm đấy. Bố chồng con hứa cho bố một con la đen to, bố sẽ bán con la con lừa lông rậm này đi.

Con lừa lông rậm vươn cái đầu vuông ra, gặm cỏ xanh lấm đốm bùn bên đường.

Bà khóc nói:

- Bố ơi, nó bị hủi...

Cụ ngoại nói:

- Bố chồng con sẽ cho nhà ta con la...

Cụ ngoại tôi say quá mất cả trí khôn, cụ liên tục mửa thối rượu ra bãi cỏ ven đường, khiến cho bà tôi ghê tởm, lộn cả ruột gan. Bà rất căm giận cụ ngoại tôi.

Con lừa đi đến đầm Con Cóc, một mùi thối xốc vào mũi, khiến cho chú lừa rũ tai xuống. Bà nhìn thấy xác tên kẻ cướp đường hôm trước. Bụng hãn trương phình, một đàn nhặng xanh bầu kín người hãn. Lừa cũng bà đi qua cái xác đàn nhặng bỗng giật dữ bay lên, trông như đám mây màu lục. Cụ ngoại tôi đi theo con lừa người cụ như to hơn cả con đường, lúc thì ông lao vào đám cao lương bên trái, lúc thì đạp lên vạt cỏ bên phải. Khi đi đến bên xác chết, cụ ngoại hắng giọng mấy tiếng, mồm lẩm bẩm:

- Quý dói... Mày, cái thằng quý dói... Mày nằm đây ngủ hả...

Bà mãi mãi không thể quên được bộ mặt như quả bí ngô của tên cướp. Trong khoảnh khắc lũ nhặng bay lên, bà nhìn thấy bộ mặt hào phóng, ung dung bấy giờ của xác chết rất khác với bộ mặt hung hãn, nhưng nhất gan của anh ta khi còn sống. Đi một dặm, lại một dặm nữa, mặt trời xế bóng, con lừa bỏ cụ ngoại lại phía sau, nó nhớ đường, từ từ đưa bà đi lên phía trước... Đường

queo một cua, con lừa đi đến chỗ vòng, thân bà bỗng ngã về phía sau, rời khỏi lưng lừa: một cánh tay lực lưỡng quắp lấy bà, chạy sáu vào trong đám ruộng cao lương.

Bà không còn sức đâu mà rầy rụa và cũng không muốn rầy rụa. Cuộc sống mới vừa đúng ba ngày như một giấc mộng bị tan vỡ, có người trong phút chốc bỗng trở thành lãnh tụ vĩ đại, còn bà trong ba ngày vừa rồi đã ném trải đủ mùi cay đắng của cuộc đời. Thậm chí bà còn quàng một cánh tay ôm chặt lấy cổ người đó, để cho cánh tay anh ta nổi rộng ra một chút. Lá cao lương kêu xào xạc. Trên đường vắng lại tiếng kêu lạc giọng của cụ ngoại: "Con gái yêu ơi, con ở đâu?"

*

* *

Phía gần cầu đá vọng lại tiếng kèn giục giã và tiếng súng máy. Máu bà vẫn cứ theo nhịp thở từng dòng chảy ra ngoài. Bố gọi: "Mẹ ơi, mẹ đừng chảy máu nữa, chảy hết máu, mẹ chết mất." Bố bốc một nắm đất đen dưới gốc cao lương, nhét vào miệng vết thương của bà, máu ngừng chảy ngay lại, bố bốc nắm nữa nhét vào. Bà mỉm cười hân hoan, nhìn bầu trời xanh lam, sâu thăm thẳm, nhìn cao lương khoan dung dịu dàng như mẹ hiền.

Trong óc bà hiện ra một con đường nhỏ đầy hoa trắng tươi mơn mớn. Trên con đường nhỏ ấy, bà cười con lừa lông rậm, thư thái bước đi. Nơi ruộng cao lương xa xa, chàng trai rắn chắc như vách núi lớn, cất giọng hát vang, vọng mãi trên cánh đồng cao lương. Bà theo tiếng hát mà đi, chân dẫm lên ngọn cao lương như bay trên đám mây màu lục...

*

* *

Người ấy đặt bà xuống đất, người bà mềm nhũn như sợi bún, lim dim đôi mắt con cừu non. Người ấy xé tung mảnh vải đen che mặt, hiện rõ chân tướng. Là anh ta! Bà thầm khấn trời, một xung động mãnh liệt tựa như hạnh phúc ập tới khiến bà nước mắt đầm đìa, nóng hổi.

Từ Chiêm Ngao cởi áo toi ra, lấy chân đạp đổ mấy chục cây cao lương, rải áo toi lên trên. Ông bế bà tới đặt vào áo toi. Bà ngơ ngác nhìn tảng ngực trần của ông, phảng phất thấy dòng máu, sôi sục chảy không dứt dưới làn da đen bóng của ông. Ngọn cao lương toả nhẹ mùi thơm, bốn bề vang lên tiếng cao lương sinh trưởng. Gió lạnh, sóng yên, từng tia sáng mặt trời ẩm ướt, chói chang, xuyên qua kẽ lá cao lương. Trái tim bà rung động, một tình yêu tiềm ẩn mười sáu năm trời bỗng nhiên trỗi

dậy. Bà cựa quậy trong chiếc áo tôi. Từ Chiêm Ngao cúi thấp hai đầu gối khuyu xuống, quỳ bên cạnh bà, toàn thân bà run lên, một ngọn lửa vàng, thơm nức cháy loang loáng trước mặt bà. Từ Chiêm Ngao thô lỗ xé toạc áo ngực của bà tôi, để cho chùm ánh sáng chiếu thẳng vào đôi vú đang hồi hộp phập phồng. Trước động tác cương quyết dứt khoát của ông, nỗi đau đớn và niềm hạnh phúc sắc nhọn chà sát thần kinh bà, bà khe khẽ rên lên: " Trời ơi..." rồi ngất đi.

Bà và ông yêu mến nhau trong ruộng cao lương đang sinh sôi nảy nở. Hai trái tim bất kham, coi thường cả luật lệ còn kết dính hơn cả hai xác thịt khoái lạc của họ. Chuyện mây mưa của họ trong ruộng cao lương đã vạch một vạch đỏ trong trạng sử phong phú màu sắc của quê hương đông bắc Cao Mật chúng tôi. Có thể nói, bố tôi là kết quả dưỡng dục của tình hoa trời đất, là kết tinh của đau khổ và cuồng loạn.

Tiếng kêu của con lừa dội vào trong ruộng cao lương gọi bà tôi từ thiên quốc mê ly trở về với nhân thế tàn khốc. Bà ngồi dậy, hoảng sợ, nước mắt chảy tràn hai má. Bà nói:

- Nó đúng là bị hủi.

Ông tôi quỳ xuống, không biết lấy từ đâu ra một

thanh kiếm nhỏ, dài hơn hai thước, rút soạt một cái ra khỏi vỏ, lưỡi kiếm tròn trơn trông như lá củ kiệu. Ông vung tay, lưỡi kiếm vút qua khóm cao lương, hai cây cao lương đổ xuống đất, từ trong cộng cao lương bị vạt chéo, rân rân chảy ra thứ nhựa xanh đen. Ông nói:

- Sau ba ngày, em hãy trở lại!

Bà nhìn ông ngơ ngác, không hiểu. Ông mặc áo. Bà sửa lại dung nhan. Bà không biết ông giấu cây kiếm nhỏ vào chỗ nào. Ông đưa bà ra ven đường, rồi tung mình vút một cái đã không thấy bóng dáng đâu nữa.

Ba ngày sau, con lừa nhỏ lông rậm đưa bà tới trở lại nhà chồng. Vừa vào đến đầu làng đã nghe nói, cha con nhà họ Đon vừa bị người ta giết chết, thi thể vẫn còn nằm ở ngoài đầu phía tây thôn.

*

* *

Bà nằm đó tắm gội trong sự ấm áp, thanh cao của ruộng cao lương, bà cảm thấy mình nhẹ như con chim én, trượt nhẹ nhàng thoải mái trên những bông cao lương. Những bức hình trong đèn kéo quân quay chậm lại: Đon Biển Lang, Đon Đình Tú, ông ngoại, cụ ngoại, ông La Hán... bao nhiêu khuôn mặt căm thù, căm kích,

hung hãn, đôn hậu đều hiện ra và biến đi. Lịch sử ba mươi năm của bà tôi chính tay bà viết nên nét bút cuối cùng. Tất cả quá khứ như những trái cây thơm phức, rơi nhanh, như mũi tên cắm vào đất; còn tất cả tương lai, bà chỉ có thể lơ mơ nhìn thấy những vòng sáng mờ dần rồi tắt hẳn. Chỉ có hiện tại ngắn ngủi, vừa dính, vừa trơn, bà gắng sức nắm lấy không buông tay. Bà cảm thấy hai bàn tay nhỏ như móng thú của bố tôi đang vuốt ve bà. Bố sợ hãi gọi mẹ, để bà từ trong tiềm thức bỏ hết yêu ghét, xoá hết ân thù lại hiện ra ánh lửa của sự lưu luyến cuộc đời. Bà gắng sức định nâng tay lên, vuốt ve mặt bố tôi một chút, nhưng không sao nhấc nổi. Bà đang bay lên, bà nhìn thấy một chùm ánh sáng ngũ sắc từ thiên quốc chiếu đến, bà nghe thấy tiếng nhạc trang nghiêm của những kèn lớn, kèn nhỏ thổi lên từ thiên quốc.

Bà thấy mệt quá, cái cán chuôi của hiện tại trơn như mỡ, cái cán chuôi của thế giới nhân sinh sắp tuột khỏi tay bà. Đó là cái chết ư? Tôi sắp chết rồi ư? Sẽ không được nhìn thấy ngày hôm nay; đất này, cao lương này, đứa con này và người tình đang chỉ huy đánh giặc nữa ư. Tiếng súng nổ ở xa thế, tất cả đều bị ngăn cách bởi màn sương mù dày đặc. Đâu Quan! Đâu Quan! Con trai của mẹ. Con lại giúp mẹ một chút đi, con hãy giữ lấy mẹ, mẹ không muốn chết, trời ơi! Trời... trời đã cho tôi

người tình, trời cho tôi đứa con, trời cho tôi của cải, trời cho tôi cuộc sống mười sáu năm chắc mấy như cao lương. Trời, người đã cho tôi, thì đừng có lấy lại. Hãy tha thứ cho tôi, hãy buông tôi ra! Trời, người cho là tôi có tội ư? Người cho là tôi chung chạ gối với người hủi, đẻ ra một con quỷ lở loét, làm bẩn cả thế giới đẹp đẽ này là đúng hay sai ? Trời hỡi, thế nào là trinh tiết? Thế nào là chính đạo? Thế nào là lương thiện? Thế nào là tà ác? Người chưa hề bảo cho tôi, tôi chỉ làm theo cách nghĩ của tôi, tôi yêu hạnh phúc, tôi yêu sức mạnh, tôi yêu cái đẹp, thân tôi là của tôi, tôi phải làm chủ cuộc đời tôi, tôi không sợ tội lỗi, không sợ trừng phạt, tôi không sợ bị đẩy xuống địa ngục mười sáu tầng của người. Tôi đã làm cái điều tôi nên làm tôi đã muốn cái điều tôi muốn, tôi không sợ cái gì cả. Nhưng tôi không muốn chết, tôi muốn sống, tôi muốn được nhìn cái thế giới này nhiều hơn nữa. Ông trời của tôi ơi!

Lòng thành của bà làm cho trời cảm động. Trong đôi mắt khô khốc của bà lại tiết ra nước mắt tươi mới, trong con mắt của bà lại rực rỡ ánh sáng kỳ lạ mà thiên quốc đã phú cho. Bà lại nhìn thấy khuôn mặt bầu bĩnh hồng hào của bố và đôi mắt của bố nghiêm nghị như mắt của ông nội tôi. Môi bà rung động, gọi tiếng: "Đậu Quan".

Bố phấn khởi gọi to:

- Mẹ, mẹ khỏi rồi! Mẹ không được chết, con đã bịt vết thương của mẹ rồi, máu không chảy nữa. Con sẽ đi gọi bố, con gọi bố lại trông mẹ, mẹ ơi, mẹ không thể chết, mẹ đợi bố con nhé.

Bố chạy đi. Tiếng chân của bố biến thành lời nói thâm êm ái, biến thành tiếng nhạc từ thiên quốc vọng lại vừa rồi. Bà nghe thấy tiếng nói của vũ trụ, tiếng nói này đến từ mỗi gốc cây cao lương. Bà chăm chú nhìn cao lương đỏ, trong con mắt mơ màng của bà, lũ cao lương mỹ miều, gian xảo, kì hình dị tướng, chúng rên rỉ, uốn cong kêu gọi, quần quýt, lúc thì như ma quỷ, lúc thì như người thân, trong con mắt của bà, chúng khoanh tròn bị như con rắn, rồi bỗng nhiên vươn, ruỗi ra. Bà không sao nói được màu sắc của chúng. Chúng xanh xanh đỏ đỏ, đen đen trắng trắng, khi thì màu lam khi thì màu lục. Chúng cười ha ha, chúng khóc hu hu, nước mắt của chúng như giọt mưa rơi vào bãi cát hoang vắng trong trái tim bà. Qua kẽ lá cao lương, thấy từng mảng trời xanh, trời cao đến thế, lại thấp đến thế. Bà cảm thấy trời giao kết với đất, với người, với cao lương, tất cả được úp trong cái lồng bàn vĩ đại. Mây trắng trên trời có lướt qua cao lương, cũng chạm vào mặt bà. Một đám mây dày cứng chạm vào mặt bà phát ra thành tiếng. Bóng mây và mây,

cái đi trước cái theo sau, bay lơ lửng. Một đàn bồ câu rừng trắng toát, từ trên trời sà xuống ngọn cây cao lương. Chim kêu cúc cu đánh thức bà, bà nhìn rất rõ hình dáng con chim bồ câu. Chim nhìn bà với con mắt nhỏ, hồng, to bằng hạt cao lương. Bà mỉm cười chân thành với chim, chim cũng mỉm cười khoan dung đáp lại lòng yêu mến và sự lưu luyến cuộc sống của bà. Bà hét to:

- Người thân của tôi ơi, tôi không muốn xa rời các bạn!

Đàn chim mổ những hạt cao lương để đáp lời gọi không thành tiếng của bà. Chim vừa mổ vừa nuốt hạt cao lương, phần ức của chúng to dần lên, trong khi vội vã ăn, lông chúng sù ra, đuôi xoè hình cánh quạt như cánh hoa lay động trong gió mưa. Dưới hiên nhà tôi, từng nuôi một đàn chim câu. Mùa thu, bà tôi đặt một cái chậu gỗ đầy nước ở trong sân, chim từ động bay về, đậu ngay ngắn trên miệng chậu, soi bóng xuống nước, nhả từ trong diều ra những hạt cao lương. Đàn chim câu đi lác lác trong sân. Chim câu ơi! Đàn chim câu bị bão táp chiến tranh xua đuổi ra khỏi sân nhà, đang đậu trên ngọn cây cao lương nặng trĩu yên lành, chúng nhìn bà, như ai điều bà với nỗi đau nặng nề.

Mất bà lại mờ đi. Đàn chim câu phành phạch vỗ

cánh bay đi, tạo thành tiết tấu một ca khúc quen thuộc. Chúng bay lượn trên bầu trời xanh, cánh chim và không khí chạm vào nhau phát ra tiếng gió nhè nhẹ. Bà cũng bay lên cùng với chim câu, rung đôi cánh mới, nhẹ nhàng bay lượn. Đất đen ở dưới, cao lương cũng ở dưới. Bà lưu luyến nhìn thôn xóm xơ xác điêu tàn, dòng sông quanh co uốn khúc, con đường dọc ngang chằng chịt; bà nhìn không gian hỗn độn bị súng đạn xé rách và nhìn chúng sinh động đúc đang do dự giữa ngã tư đường của sự sống và cái chết. Bà ngửi mùi rượu cao lương cuối cùng, ngửi mùi vị máu nóng vừa tanh vừa ngọt, trong óc bà bỗng xuất hiện cảnh tượng chưa từng thấy bao giờ: dưới làn mưa đạn bắn xối xả, mấy trăm bà con nông dân quần áo rách rưới, khoa chân múa tay nằm trong cánh đồng cao lương...

Sợi giây cuối cùng liên hệ với nhân thế đã sắp đứt, tất cả ưu tư, đau khổ, vội vàng, chán nản đều rơi xuống cánh đồng cao lương, đều như đá đánh vào ngọn cao lương, khi cao lương đang bám rễ xuống đất đen đơm hoa, kết hạt chua chát, truyền từ đời này đến đời sau. Bà đã hoàn thành sự giải phóng của mình, bà bay theo cánh chim câu. Trong không gian tư duy thu nhỏ lại chỉ bằng nắm tay của bà, chứa đựng đầy những khoái lạc, lặng yên, êm ấm, thư thái, hài hoà. Bà rất mãn

nguyện, bà nói một cách chân thành:

- Trời ơi! Trời của tôi!...

9

Súng máy trên nóc xe bắn liên hồi, bánh xe quay tít, bò lên cầu đá to kiên cố. Đạn kìm chặt ông tôi và đội quân của ông tôi có mấy đội viên không cẩn thận thò đầu ra ngoài mặt đê đều bị chết lản xuống chân đê. Ông tức điên người. Tất cả bốn xe đều lên được cầu đạn súng máy bay rất cao. Ông nói:

- Hỡi các anh em, đánh đi!

Ông bắn ba phát, hai tên lính Nhật nằm trên mũi xe, máu đen chảy lênh láng trên đầu xe. Theo tiếng súng của ông, sau đê phía đông và phía tây đường, vang lên mấy chục tiếng súng rời rạc, lại bảy, tám tên lính Nhật đổ. Có hai tên lính Nhật ngã lộn nhào ra ngoài xe, chân tay chới với, lao thẳng xuống dòng nước đen hai bên cầu. Khẩu súng cối của anh em nhà họ Phương cũng gầm lên, phun ra một lưỡi lửa to rộng quét lên mặt sông, trông đến là sợ, những viên bi thép, những quả trứng

thép lao tất cả vào những chiếc bao trắng ở chiếc xe thứ hai. Sau khi, khói lửa bốc đi rồi những hạt gạo trắng muối từ vô vàn lỗ thủng chảy ào ra.

Bố tôi từ trong ruộng cao lương, như con rắn trườn tới ven đê, nồn nóng muốn nói ngay với ông tôi, ông tôi vội vàng hăm đạn lại không bắn nữa. Chiếc xe thứ nhất của bọn giặc tăng tốc lao lên đầu cầu, bánh trước đề lên răng bừa chống ngược. Lốp xe nổ, xì xì ra hết hơi. Chiếc xe rú lên ghê sợ, những chiếc bừa nối liền hoàn đều bị đẩy về phía sau kêu răng rắc. Bố thấy xe giặc như những con rắn lớn nuốt phải con nhím, cổ quần quai đau đớn. Bọn giặc trên chiếc xe thứ nhất nhảy ủa xuống. Ông nói :

- Chú Lưu, thôi kèn đi!

Lưu Đại Hiệu thổi chiếc kèn lớn, tiếng lanh lảnh dễ sợ.

Ông hét:

- Xung phong!

Ông tôi vung súng nhảy lên, ông không cần ngắm, từng thằng giặc một đều khom người soay lưng lại trước họng súng của ông. Các đội viên phía tây đều lao đến trước xe, họ vây lấy bọn giặc, bọn giặc ở xe sau

đánh phải bắn chỉ thiên. Trên xe còn có hai tên lính, bố nhìn thấy anh cầm tung mình bay lên xe, hai tên lính xia lưỡi lê ra đón, anh cầm dùng sống mã tấu quật mạnh gạt được lưỡi lê ra mã tấu thuận đà lia một cái, đầu một thằng giặc còn nguyên cả mũ sắt, bay trong không trung vẫn còn hú gào, rơi xuống đất miệng vẫn nói vài câu. Bố thấy mã tấu anh cầm dùng thật lạ. Bố thấy đầu lâu tên giặc vẫn còn kinh ngạc như lúc đầu chưa lìa khỏi cổ, thịt ở má vẫn còn động đậy, mũi còn đang phập phồng, như muốn hắt xì hơi. Anh cầm chém nốt đầu tên kia, xác hắn dựa vào thành xe, da trên cổ hắn tụt hẳn xuống một đốt, máu ông ộc phun ra ngoài. Lúc bấy giờ, bọn giặc ở hai xe sau liền hạ thấp súng xuống, vãi ra biết bao nhiêu là đạn, đội viên của ông tôi như những khúc gỗ đổ đè lên xác tên giặc. Anh cầm ngồi bệt đít xuống mui xe, trên ngực có mấy tia máu phun ra.

Bố và ông nằm phục dưới đất, bò trở lại ruộng cao lương, từ bờ đê dần dần thò đầu ra hai chiếc xe sau cùng rừng rừng rút lui, ông hét:

- Phương Lục, nổ pháo! Giết chết lũ chó khốn nạn đi!

Anh em nhà họ Phương kéo khẩu súng cối đã nhồi thuốc sẵn lên đê, Phương Lục cúi xuống châm giây

dẫn hoả, bỗng bụng trúng đạn, một mảnh ruột xanh, từ từ lòi ra ngoài. Phương Lục kêu lên hai tiếng: “mẹ ơi”, ôm bụng lăn vào trong ruộng cao lương. Thấy xe giặc sắp rút ra khỏi cầu, ông tôi vội hô:

- Bắn.

Phương Thất-cầm lấy bụi nhùi lửa run lập cập đi vào giây dẫn hoả, nhưng không làm sao cháy được. Ông tôi lao đến, giật lấy bụi nhùi lửa, đưa lên miệng thổi, bụi nhùi đỏ lên. Ông dí bụi nhùi vào giây dẫn hoả, giây dẫn hoả nổ lẹp bẹp, bốc khói trắng rồi tắt ngấm. Khẩu súng cối im lặng nằm đó, như ngủ say vậy. Bố nghĩ nó không thể nổ được nữa. Xe giặc đã rút khỏi cầu, cái thứ hai và thứ ba cũng đang rút lui. Gạo trên xe chảy rào rào xuống cầu, xuống nước, làm mặt nước bắn lên những giọt nước. Mấy xác giặc từ từ trôi về phía đông, máu chảy loang ra, những con lươn đi hàng đàn quẫy mạnh trong nước máu. Khẩu súng cối sau ít phút im lặng, bỗng nổ đùng một tiếng. Thế là sắt thép, súng và thân người tung lên khỏi mặt đê rất cao, một ngọn lửa lớn quạt trúng vào chiếc xe đang có gạo rơi đuôi xe cháy bùng bùng.

Chiếc xe đã ra khỏi cầu bèn dừng lại, bọn giặc trên xe nhảy xuống hỗn loạn, nằm rạp trên mặt đê đối diện, dựng súng lên, bắn mạnh về phía đối phương. Mặt

Phương Lục bị trúng đạn, sống mũi bị bắn dập nát, máu anh bắn cả vào mặt bố.

Hai tên giặc ở trên xe bị cháy, đẩy cửa nhảy xuống, luống cuống nhảy cả xuống sông. Chiếc xe chở gạo đi giữa, tiến thoái lưỡng nan, cứ rú lên ở giữa cầu, bánh xe quay tít. Gạo xối xả rơi xuống như mưa.

Súng máy giặc ở trước mặt bỗng cầm bật, chỉ còn mấy khẩu súng trường nổ đi đệt. Mười mấy tên giặc ôm súng khom lưng, đi nép vào hai bên thành xe bị cháy, lao về phía bắc. Ông hô bắn, nhưng tiếng súng bắn hướng ứng thừa thốt. Bố quay lại thấy thi thể của các đội viên nằm la liệt trên đê, dưới đê. Đội viên bị thương đang rên rì trong ruộng cao lương. Ông bắn liên mấy phát, đuổi được bọn giặc xuống cầu. Phía tây đường cũng nổ đi đùng mấy phát súng, giết được mấy tên giặc. Bọn giặc rút lui. Từ bờ phía nam bỗng một viên đạn bay lên, bắn trúng vào cánh tay phải của ông, ông co tay lại, súng lục rơi xuống, mắc trên cỏ. Ông rút vào trong ruộng cao lương, gọi:

- Đẩu Quan! Giúp bố với.

Ông xé ống tay áo ra, bảo bố lấy miếng vải trắng ở trong lưng ông ra buộc vào vết thương. Nhân dịp này, bố tôi nói:

- Bố ơi, mẹ con đang mong bố.

Ông nói:

- Con ngoan ơi! Trước tiên hãy giết hết bọn chó đê này đã.

Ông rút từ trong thắt lưng ra khẩu súng brô-ninh mà bố đã quẳng đi, đưa cho bố. Lưu Đại Hiệu kéo lê cái chân đầy máu, từ bên đê sông bò tới, anh hỏi:

- Tư lệnh có thời kèn không?

- Thời đi - Ông nói.

Lưu Đại Hiệu một chân quỳ, một chân ruỗi, nâng kèn hướng lên trời thổi, từ loa kèn bay ra thanh âm màu đỏ sẫm.

- Xung phong, anh em ơi! - Ông hô to.

Trong ruộng cao lương phía tây đường có mấy tiếng hô theo. Tay trái ông giơ lên, vừa nhẩy lên, thì mấy viên đạn bay lướt qua má ông. Ông lăn ngay xuống đất, bò trở lại ruộng cao lương. Bờ đê phía tây đường có tiếng kêu thất thanh. Bố biết lại một đội viên trúng đạn.

Lưu Đại Hiệu hướng kèn lên trời thổi, thanh âm đỏ sẫm va vào bóng cao lương làm cho chúng run rẩy.

Ông nắm lấy tay bố, nói :

- Con ơi, đi theo bố sang gặp anh em ở bên tây đường.

Xe trên cầu lặn đi trong khói dày đặc, trong ngọn lửa bập bùng, gạo như tuyết trắng bay rải khắp mặt sông. Ông lôi bố, chạy như bay qua đường cái, đạn bắn đuổi theo họ, rơi xuống đường kêu chan chát. Một đội viên mặt đen thui, da dẻ nứt toác, nhìn thấy ông và bố anh ta miệng há, khóc, nói:

- Tư lệnh ơi, chúng ta hỏng rồi!

Ông ủ rũ ngồi trong ruộng cao lương, hồi lâu không ngẩng đầu lên, bọn giặc bên kia sông cũng không bắn nữa. Trên cầu xe cháy nổ ầm ầm, phía đông con đường vang lên tiếng kèn của Lưu Đại Hiệu.

Bố không thấy sợ nữa, ông men theo bờ đê, lần về phía tây đi một đoạn, từ trong bụi cỏ khô vàng ông lặng lẽ thò đầu ra. Bố nhìn thấy từ trong mui xe thứ hai của giặc chưa bị cháy, có một tên lính Nhật nhảy ra, đi đến thùng xe lôi ra một tên giặc già. Tên già này rất gầy, tay đi đôi găng trắng muốt, hông đeo một thanh kiếm dài, chân đi đôi ủng da đen cao đến đầu gối. Bọn chúng men theo xe, bám vào mố cầu bò xuống. Bố giờ khẩu

súng brô-ninh ra, tay ông run quá, cái mông dít gầy gò của tên giặc già cứ nhảy nhẩy trước họng súng của bố. Bố nghiêng răng nheo mắt bắn đoàng một phát, viên đạn viuu viuu chui xuống nước, một con lươn trắng phời bụng nổi lên. Tên giặc già rơi xuống nước. Bố kêu to:

- Bố ơi, một tên quan to!

Một tiếng súng nổ sau gáy bố. Đầu tên giặc già vỡ toác, một vệt máu loang ra trong nước. Tên giặc còn lại bò lồm ngồm, nấp vào sau mố cầu.

Tiếng súng của bọn địch lại vang lên, bố bị ông tôi ấn xuống. Đạn kêu chiu chiu loạn xạ trong ruộng cao lương. Ông tôi nói:

- Tốt lắm, dòng giống của bố!

Bố và ông không biết, tên giặc già mà họ bắn chết chính là tên thiếu tướng Na-ca-cao Nê-ca-o-ô.

Tiếng kèn của Lưu Đại Hiệu vẫn vang lên không ngớt. Vầng thái dương trên trời bị ánh lửa của xe cháy làm cho xanh xao vàng vọt.

Bố nói:

- Bố, mẹ con đang chờ bố, bảo bố đến đây.

Ông nói:

- Mẹ con còn sống à?

Bố nói:

- Còn sống.

Bố dắt tay ông, đi sâu vào phía ruộng cao lương.

Bà nằm dưới gốc cao lương, trên mặt có in bóng râm của cao lương, trên mặt vẫn giữ nụ cười cao quý giành cho ông tôi. Mắt bà trắng bạch, đôi mắt vẫn còn chưa nhắm.

Bố lần đầu tiên thấy hai dòng nước mắt từ khuôn mặt kiên nghị của ông tôi chảy xuống.

Ông quỳ xuống bên cạnh bà, dùng bàn tay chưa bị thương vuốt mắt cho bà.

*

* *

Năm 1976, khi ông tôi chết bố lấy tay trái bị khuyết mất hai ngón tay vuốt mắt tròn tròn cho ông tôi. Năm 1958 khi ông tôi từ dãy núi hoang vùng Hốc-cai-đô (Nhật Bản) trở về, ông nói rất khó khăn, mỗi một lời như hòn đá nặng từ trong miệng ông văng ra. Khi ông từ

Nhật Bản trở về, làng tổ chức một lễ rất to, cả chủ tịch huyện cùng đến dự. Bấy giờ tôi hai tuổi. Tôi còn nhớ dưới gốc cây bạch dương, xếp một dãy tám chiếc bàn bát tiên theo hàng chữ nhất, mỗi bàn một hũ rượu, hơn chục cái bát trắng. Chủ tịch huyện bê hũ rượu rót một bát đầy, hai tay bung đến cho ông tôi. Chủ tịch huyện nói:

- Lão anh hùng, xin mời ông một bát rượu, ông đã đem lại vẻ vang cho cả huyện!

Ông tôi vụng về đứng dậy, con người trắng đục đảo đi đảo lại, nói:

- Ô - ô - cái giáo, cái giáo!

Tôi thấy ông đưa bát rượu vào miệng. Cổ ông đầy vết nhân cứng đỏ, cổ họng chạy lên chạy xuống, rượu vào miệng rất ít, phần lớn là chảy xuống cằm, chảy ròng ròng xuống ngực ông.

Tôi còn nhớ ông dắt tôi, tôi lại dắt con chó mực nhỏ đi lượn trên cánh đồng. Ông thích nhất là đi xem cầu lớn trên sông Mạc Thủy, ông đứng ở đầu cầu, tay vịn vào trụ đá, đứng cả nửa buổi sáng hoặc nửa buổi chiều. Tôi thấy mắt ông thường để ý đến vết lỗ chỗ ở hòn đá trên cầu. Khi cao lương mọc cao, ông dẫn tôi đi vào ruộng cao lương, nơi ông thích đi là chỗ cách cầu sông

Mặc Thủy không xa, tôi đoán, nơi đó là chỗ bà tôi lên trời, trên mảnh đất đen bình thường ấy đã thấm máu tươi của bà tôi. Hồi bấy giờ căn nhà cũ của nhà tôi còn chưa dỡ, một hôm ông vác cuốc đến đào bới dưới gốc cây thu. Ông đào được mấy ấu trùng ve. Ông cho tôi, tôi vứt cho chó, chó cắn chết ấu trùng, nhưng không ăn.

- Bố, bố cuốc cái gì?

Cô tôi - chuẩn bị đi nhà ăn tập thể nấu cơm - hỏi. Ông tôi ngẩng đầu, nhìn cô bằng ánh mắt xa lạ. Cô đi rồi, ông vẫn tiếp tục cuốc đất. Ông đào một cái hốc, chặt đứt mấy chiếc rễ to nhỏ khác nhau, bới ra một phiến đá, từ trong hố gạch tối om, lấy ra một hộp sắt đã rỉ hết. Hộp sắt vừa rơi xuống đất đã vỡ vụn ra. Trong miếng vải rách, lòi ra một vật bằng sắt rỉ đỏ, dài hơn người tôi. Tôi hỏi ông đây là cái gì, ông nói:

- Ồ... ờ - cái giáo - cái giáo.

Ông mang ngọn giáo ra phơi dưới nắng, ông ngồi trước ngọn giáo, mở mắt, nhắm mắt, lại mở mắt rồi lại nhắm mắt. Đoạn ông đứng lên, tìm cái búa chẻ củi, đập nát ngọn giáo. Ông đập nát ngọn giáo thành sắt vụn, rồi nhặt lên quãng đi, quãng đầy cả sân.

*

* *

- Bố ơi, mẹ con chết rồi ư? - Bố hỏi ông tôi.

Ông gật đầu.

Bố gọi:

- Bố!

Ông tôi xoa đầu bố tôi, từ bên hông rút ra một thanh kiếm, chặt mấy cây cao lương, phủ lên người bà tôi.

Phía nam bờ đê vang lên tiếng súng dữ dội, tiếng hô giết, tiếng lựu đạn nổ. Bố bị ông lôi đi, xông lên đầu cầu.

Trong ruộng cao lương phía nam cầu, xuất hiện hơn một trăm người mặc quần áo lính màu tro. Mấy chục tên lính Nhật chạy lên bờ đê, đứa thì bị bắn chết, đứa thì bị đâm chết. Bố nhìn thấy chỉ đội trưởng Lãnh lưng thắt cái thắt lưng da rộng bản, khẩu súng pạc-hoọc đeo trên thắt lưng. Ông được mấy chiến sĩ cao lớn bảo vệ, vòng qua chiếc xe bị cháy, đi về phía bắc cây cầu.

Ông nhìn thấy chỉ đội trưởng Lãnh, cười khẩy, cầm súng, đứng không động đậy ở đầu cầu.

Chỉ đội trưởng Lãnh ngang nhiên đi đến, nói:

- Tư lệnh Từ, đánh khá lắm!
- Đồ chó đẻ! - Ông chửi.
- Đàn em đến chậm một bước!
- Đồ chó đẻ!
- Nếu không có chúng tôi đến, thì ông hết đời rồi!
- Đồ chó đẻ!

Họng súng của ông chìa thẳng vào chi đội trưởng Lãnh. Chi đội trưởng Lãnh, nháy mắt một cái, hai lính cảnh vệ mình hồ lưng báo, dùng động tác lạnh lẹn giật lấy súng của ông.

Bố tôi giơ khẩu brô-ninh lên, bắn một phát vào hông người lính cảnh vệ đang kèm chặt ông tôi.

Người lính thứ hai tung chân đá ngã bố, rồi dùng chân đè lấy cánh tay bố, đoạn cúi xuống nhặt lấy khẩu súng lục.

Ông và bố bị các lính cảnh vệ giữ chặt

- Thằng rồ Lãnh kia, mày hãy mở mắt chó ra mà nhìn đàn em của tao!

Trên bờ đê hai bên đường, trong ruộng cao lương, xác người và thương binh nằm ngổn ngang. Lưu Đại

Hiệu vẫn thổi kèn liên tục, máu đỏ chảy ra từ mép, từ lỗ mũi của anh.

Chi đội trưởng Lãnh ngả mũ, cúi chào cao lương phía đông và phía tây con đường.

- Hãy buông Tư lệnh Từ và công tử ra! - Chi đội trưởng Lãnh nói.

Lính cánh vệ thả ông và bố ra. Người lính cánh vệ bị bắn kia, tay ôm đất, máu chảy từ trong kẽ tay ra.

Chi đội trưởng Lãnh đón lấy súng từ tay các lính cánh vệ, rồi trả cho ông và bố.

Đội quân của chi đội trưởng Lãnh lục tục kéo qua cầu, họ lao về phía xe và xác giặc, họ nhặt lấy súng máy, súng trường, đạn dược, lưỡi lê, vỏ lưỡi lê, thất lưng da, giày da, ví tiền và dao cạo râu. Có người còn nhảy xuống sông, bắt được một tên giặc còn sống nấp sau mố cầu, và khiêng lên một tên giặc đã chết.

- Thưa chi đội trưởng, đây là một sĩ quan - một chiến sĩ nói.

Chi đội trưởng Lãnh phất khởi đi đến xem. nói:

- Lột lấy quần áo, giữ lấy tất cả đồ dùng của hắn.

Chi đội trưởng Lãnh nói:

- Tư lệnh Từ, hẹn ngày gặp lại!

Đám lính vây quanh chi đội trưởng Lãnh rồi đi về phía nam cầu.

Ông gầm lên:

- Đứng lại, tên Lãnh kia!

Chi đội trưởng Lãnh quay người lại, nói:

- Tư lệnh Từ, tha cho ông về tội bắn tôi đấy!

- Tao không tha cho mày đâu! - Ông nói.

- Vương Hồ, để lại cho Tư lệnh Từ một cổ súng máy! - Chi đội trưởng Lãnh nói .

Mấy chiến sĩ đem cổ súng máy đến trước mặt ông.

- Đám xe này, gạo trên xe cũng thuộc thuộc về ông tất.

Toàn đội quân của chi đội trưởng Lãnh đã qua cầu, họ lên đê chinh đồn hàng ngũ, theo đê sông họ đi miết về phía đông.

Trời đã xế chiều. Đoàn xe đã cháy hết, chỉ còn lại bộ khung đen kịt, mùi lốp xe cháy khét đến ngẹt thở. Hai

chiếc xe đi đầu và cuối, chày sau cùng đã vít chặt hai đầu cầu. Dòng nước đen như sông đầy máu, cao lưng đỏ như cánh đồng máu.

Bố nhét ở trên đê được một miếng bánh trắng còn nguyên vẹn, đưa cho ông, nói:

- Bố, bố ăn đi. Đây là bánh trắng của mẹ con làm đấy.

- Con ăn đi - Ông nói.

Bố nhét bánh vào tay ông, nói:

- Con đi nhét nữa.

Bố lại nhét được miếng bánh trắng nữa, nhét vào mồm nhai ngấu nghiến.

*

* *

Xin chỉ có những dòng văn này gọi là để viếng các anh hồn và oan hồn ở trong ruộng cao lưng mênh mông quê hương của tôi. Tôi là con cháu không xứng đáng của các vị, tôi nguyện đem trái tim không trong sạch⁽¹⁾ của tôi, cắt nhỏ ra, xếp thành ba bát, đặt vào trong

(1) Nguyên văn là trái tim nhúng đầy xì dầu bẩn thỉu. (ND)

ruộng cao lương. Cúi xin về thượng hưởng, thượng hưởng.

LÊ HUY TIÊU dịch
(Dịch từ tạp chí Văn học nhân dân số 3/1986.)

CAO LƯƠNG ĐỒ

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN THU HƯƠNG

Biên tập: QUỲNH GIAO

Bìa: NGÔ ANH CƠ

Sửa bản in: PHẠM HẢI ĐĂNG

In 700 cuốn khổ 13x19, tại xưởng in Nxb. Chính trị quốc gia.
Số đăng ký xuất bản: 57/379 cấp ngày 10/5/1999.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2000.

MẠC NGÔN

CAO LƯƠNG ĐỎ

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Ms 072.610

Giá: 15.000đ